# PHỤ LỤC A

## A1- Hệ số chiếu sáng tự nhiên của các gian phòng trong bệnh viện

| LOẠI PHÒNG | HỆ SỐ CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN TỐI THIỂU (%) |
|---|---|
| 1- Phòng mổ, thay băng | 1,4 |
| 2- Phòng gây mê, chuẩn bị mổ, khử trùng, điều trị, đỡ đẻ, dưỡng nhi, nội soi, cân đo, khám bệnh | 1,0 |
| 3- Phòng bệnh nhân, tạm lưu, hậu phẫu, cách ly, nghỉ ngơi, giải trí, gia công chế biến, sản xuất của khoa dược, vật lý trị liệu, phòng làm thuốc cho bệnh nhân, sản phụ, rửa hấp dụng cụ, hành chính... | 0,7 |
| 4- Phòng X-quang, hành lang, khu vệ sinh, chỗ đợi, nhà xe, kho | 0,5 |

## A2- hướng của cửa sổ các gian phòng chủ yếu trong bệnh viện

| LOẠI PHÒNG | HƯỚNG CỬA SỔ | | |
|---|---|---|---|
| | CÓ LỢI | CHO PHÉP | BẤT LỢI |
| Phòng mổ, nội soi, cân đo chính xác | Bắc | Lân cận Bắc trong khoảng $30^0$ | Các hướng khác |
| Phòng khám, điều trị, thủ thuật, xét nghiệm, | Nam và Đông Nam | Bắc | Các hướng khác |
| Phòng bệnh nhân, giải trí | Nam | Đông Nam | Các hướng khác |
| Phòng phụ trợ, khu vực hành chính quản trị | Nam và Đông Nam | Tất cả các hướng trừ hướng bất lợi | Tây và lân cận Tây |
| Phòng thay quần áo, cầu thang, hành lang, khu vệ sinh, nơi thu hồi đồ bẩn | Tất cả các hướng | | |

## A3- nhiệt độ yêu cầu, số lần trao đổi không khí

| LOẠI PHÒNG | NHIỆT ĐỘ TÍNH TOÁN BÊN TRONG ( $^0$C ) | SỐ LẦN HOẶC THỂ TÍCH TRAO ĐỔI KHÔNG KHÍ CHO TRONG 1 GIỜ | |
|---|---|---|---|
| | | THỔI VÀO | ĐẨY RA |
| 1- Phòng bệnh nhân (cho 1 giường) | 20 | 10 lần | 8 lần |
| 2- Phòng bệnh nhân nhi (cho 1 giường) | 22 - 26 | 10 lần | 8 lần |
| 3- Phòng sơ sinh thiếu tháng | 30 - 32 | 12 lần | 10 lần |
| 4- Phòng sơ sinh bình thường (cho 1 giường) | 22 - 26 | 10 lần | 8 lần |
| 5- Phòng mổ, đỡ đẻ | 22 - 26 | 10 lần | 8 lần |
| 6- Phòng khám bệnh, điều trị, nghiệp vụ (dược, X-quang) | 18 - 20 | 1 - 3 lần | 3 - 5 lần |
| 7- Phòng giải phẫu bệnh lý | 16 - 18 | 1 lần | 1 lần |

# PHỤ LỤC B

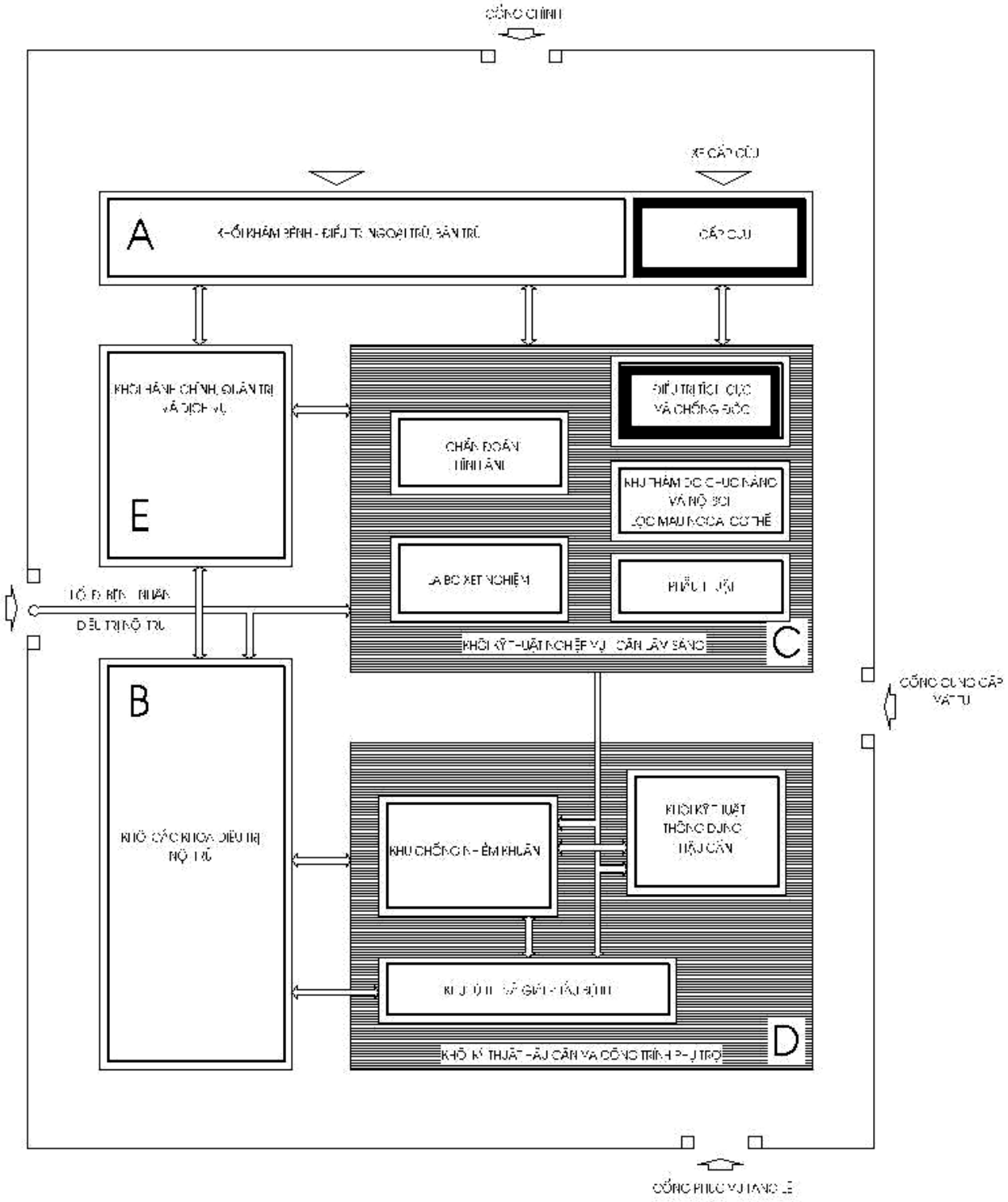


**Hình B1. Sơ đồ phân khu chức năng Bệnh viện đa khoa**

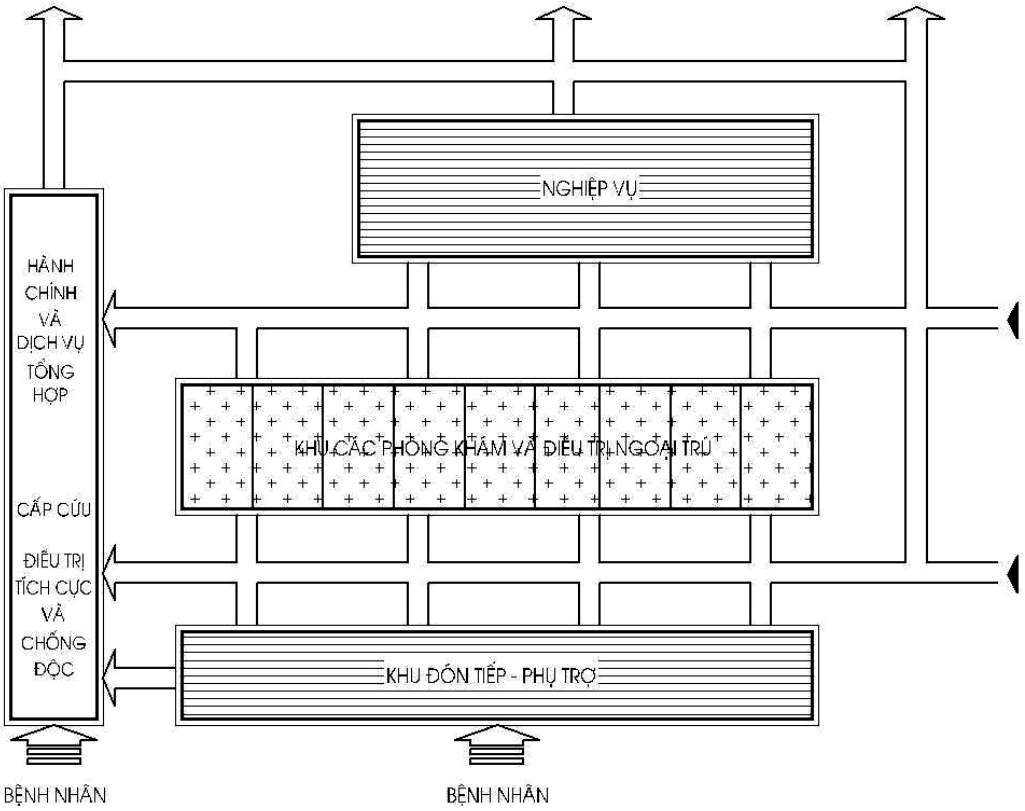


**Hình B2. Sơ đồ phân khu và dây chuyền công năng khoa khám chữa bệnh ngoại trú**

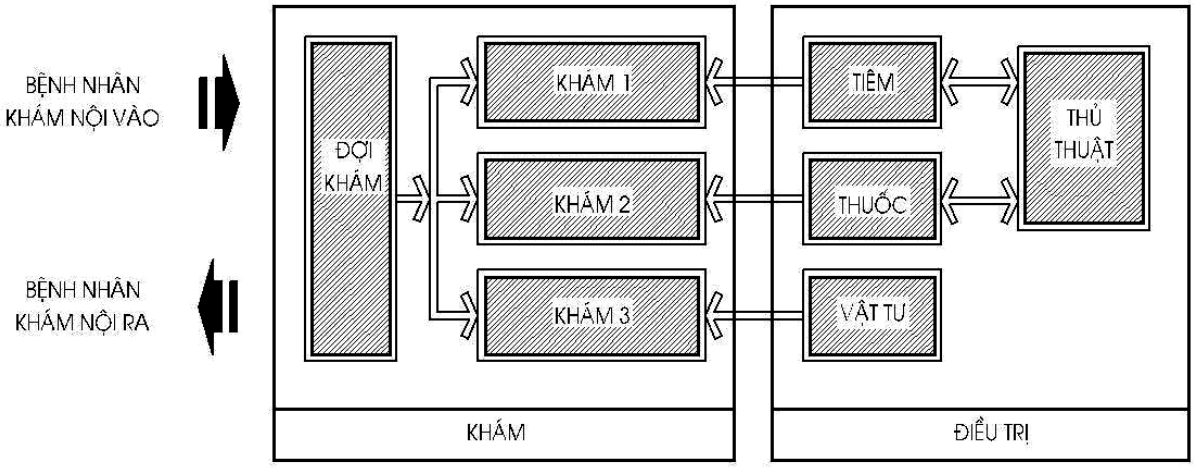


**Hình B3. Sơ đồ khám và chữa bệnh nội khoa**

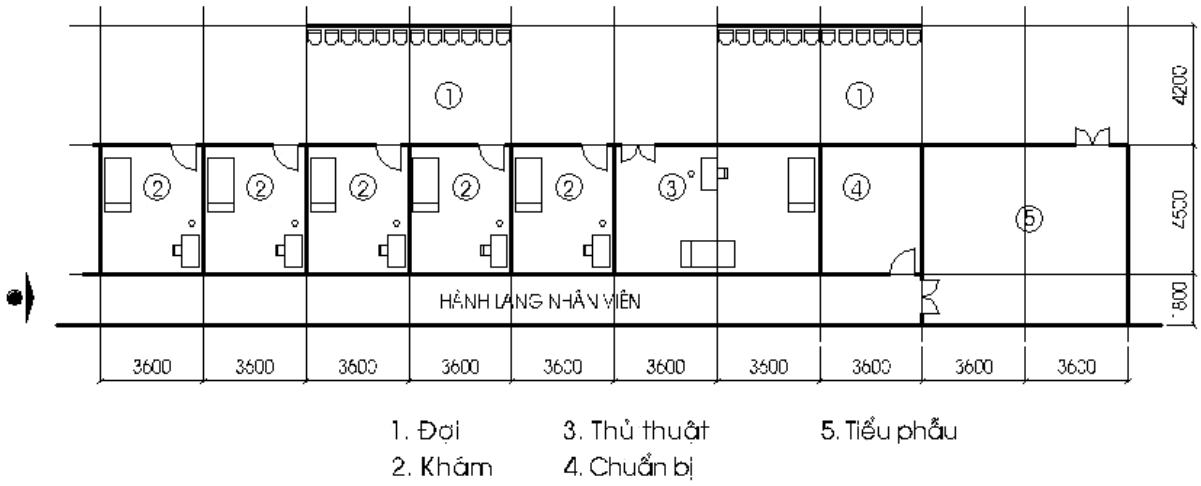


**Hình B4. Mặt bằng minh hoạ khoa khám và chữa bệnh nội khoa**

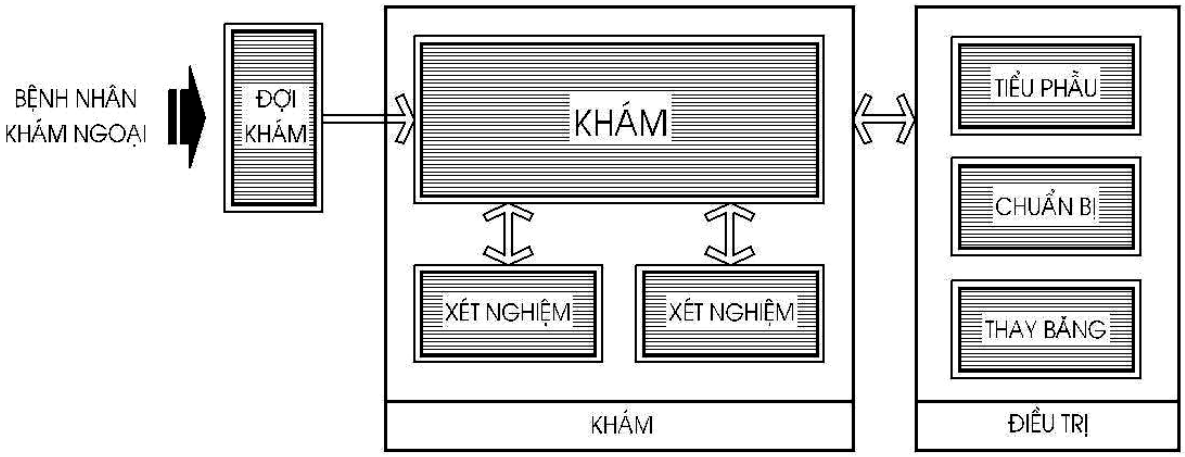


**Hình B5. Sơ đồ khám và chữa bệnh ngoại khoa**

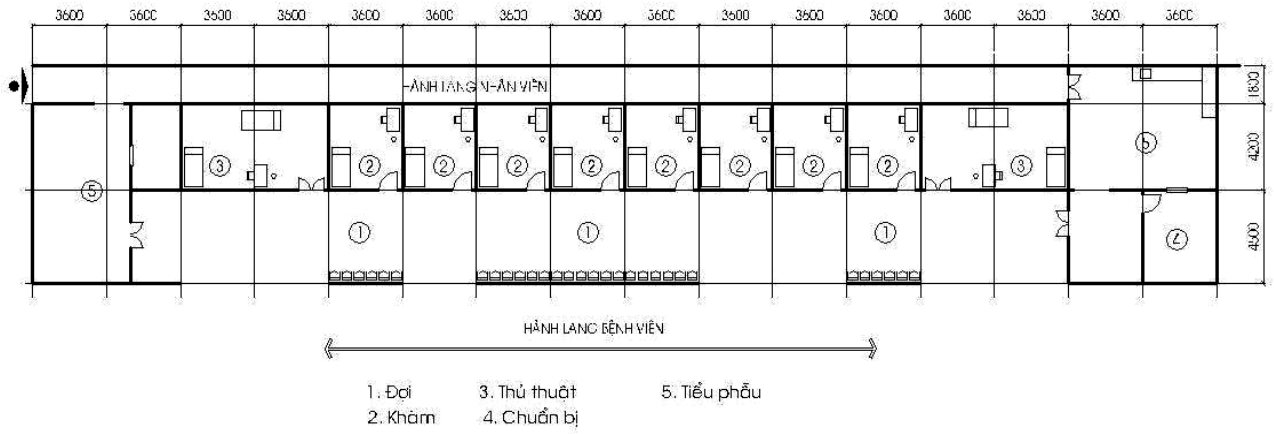


**Hình B6. Mặt bằng minh hoạ khoa khám và chữa bệnh ngoại khoa**

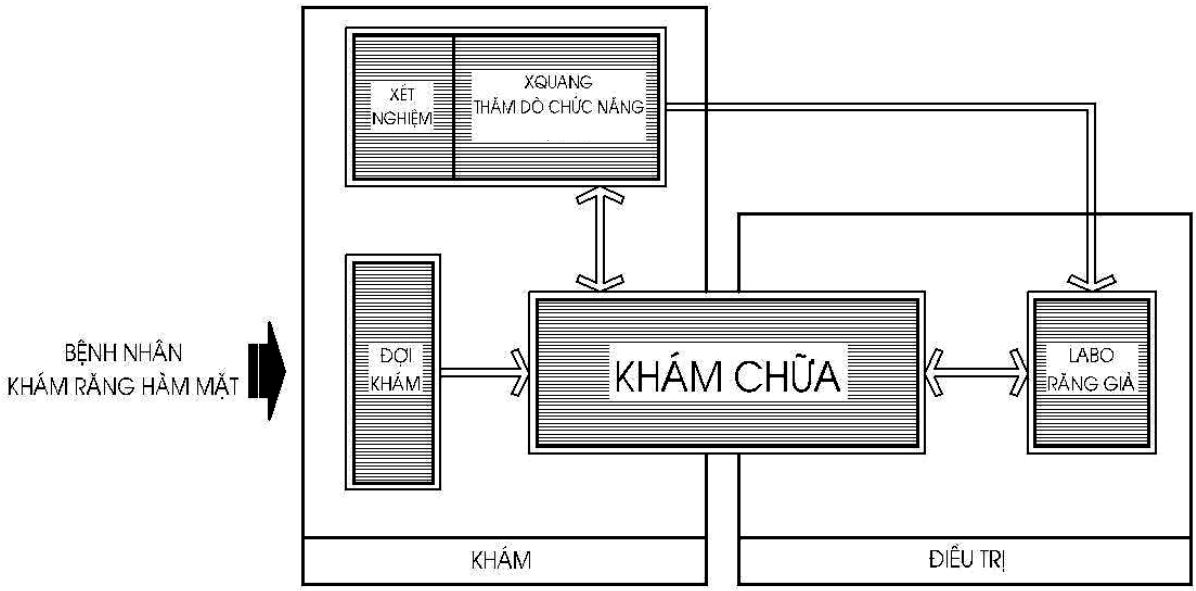


**Hình B7. Sơ đồ khám và điều trị RHM**

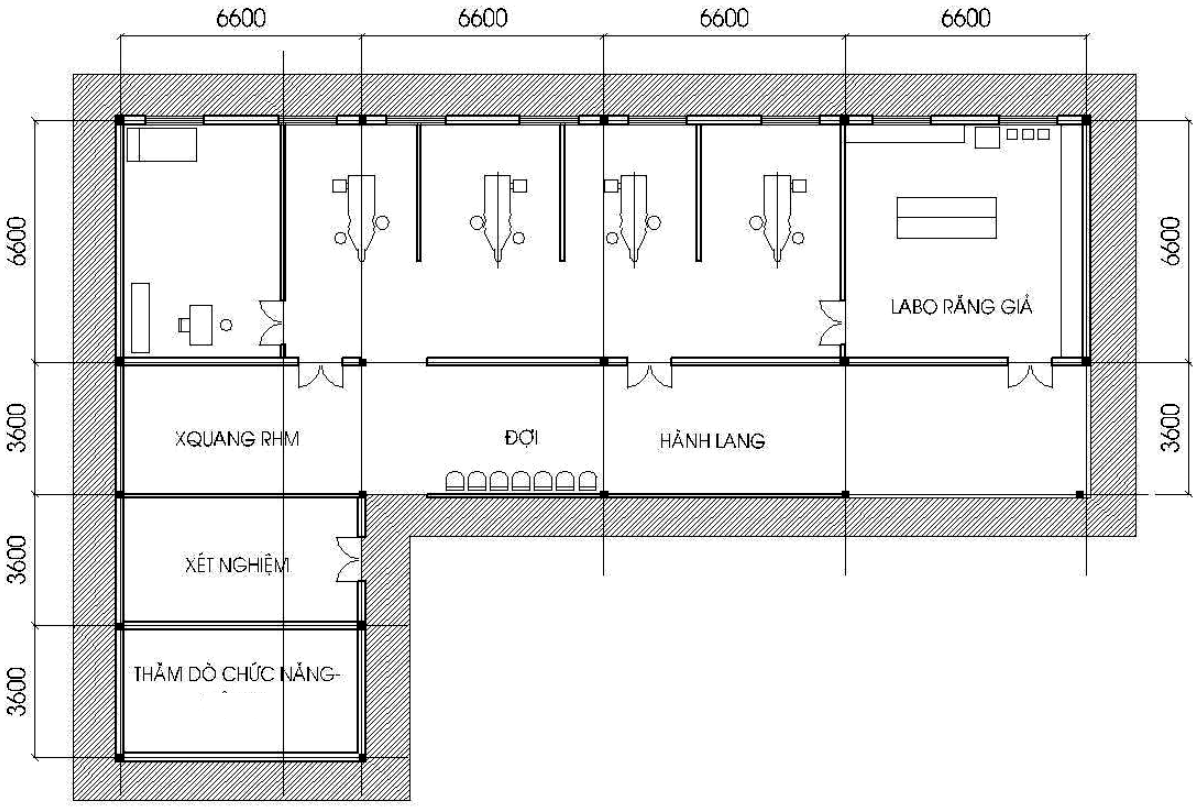


**Hình B8. Mặt bằng minh hoạ khoa khám và điều trị RHM**

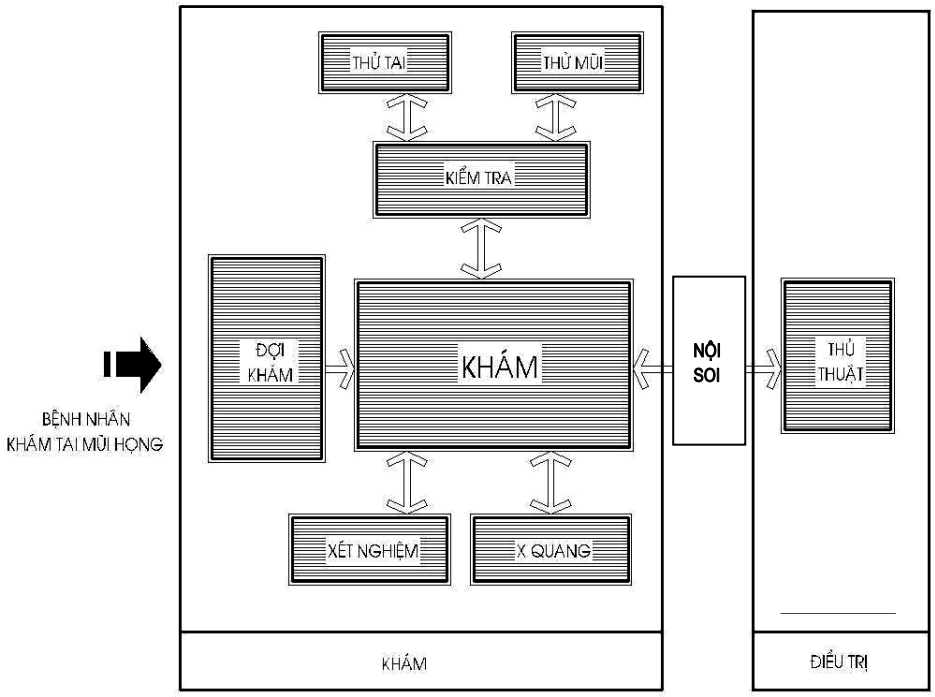


**Hình B9. Sơ đồ khám và điều trị TMH**

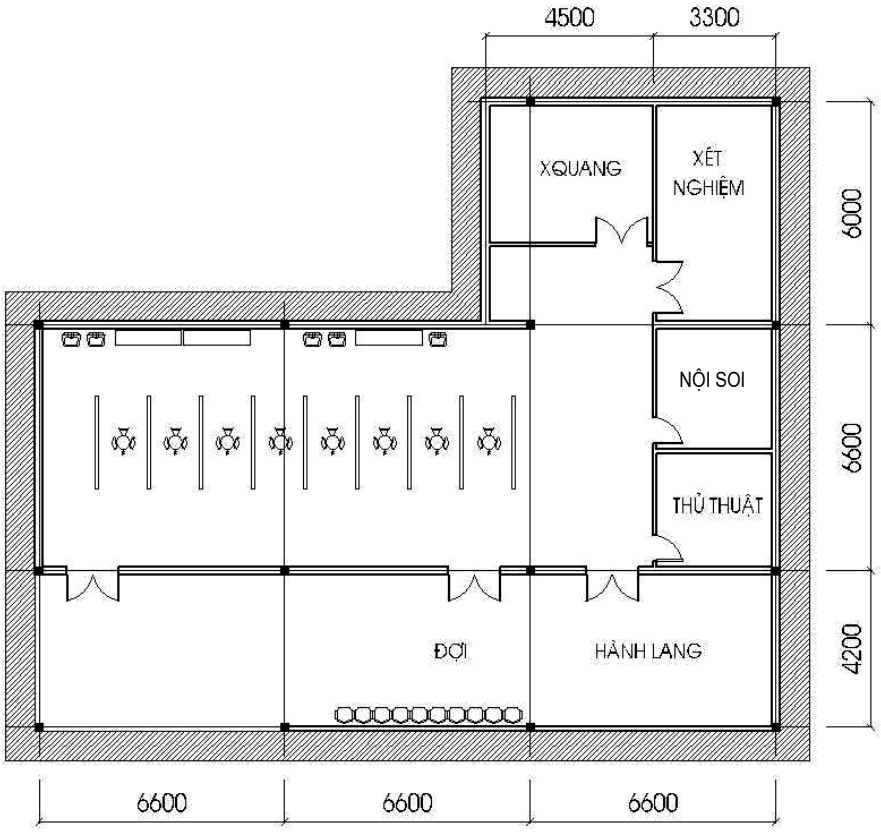


**Hình B10. Mặt bằng minh hoạ khám và điều trị TMH**

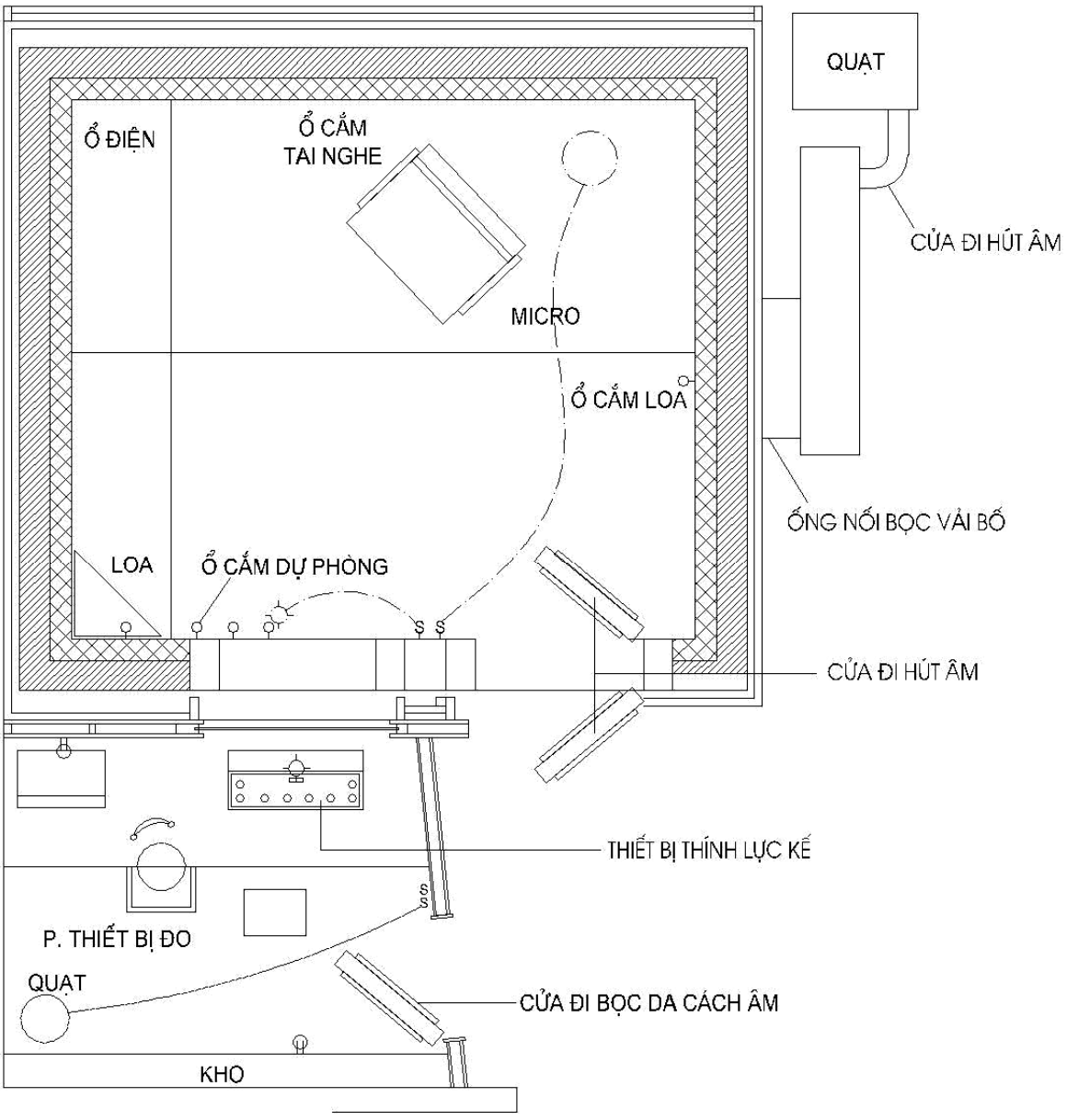


Hình B11. Phòng đo thính lực khoa tai mũi họng

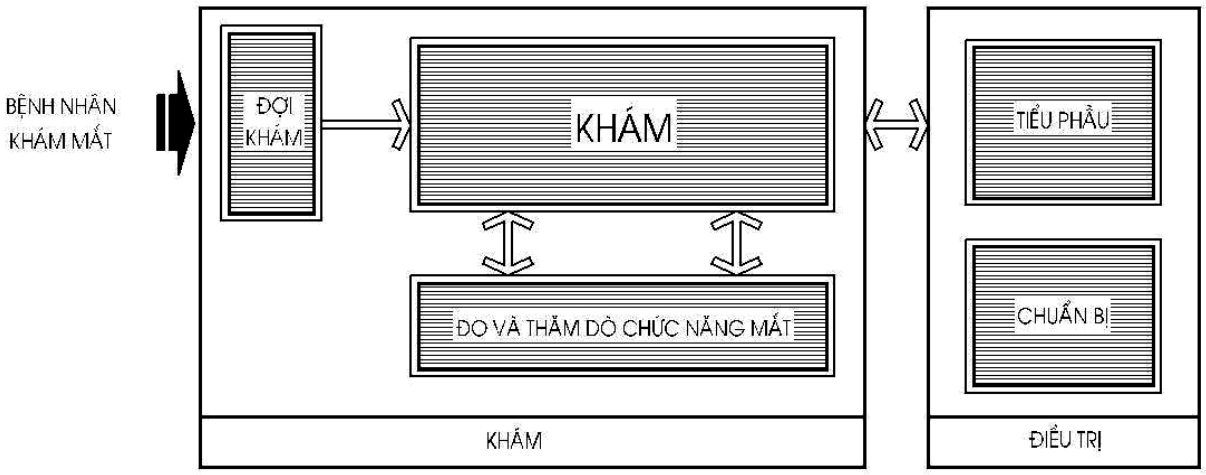


Hình B12. Sơ đồ khám và điều trị mắt

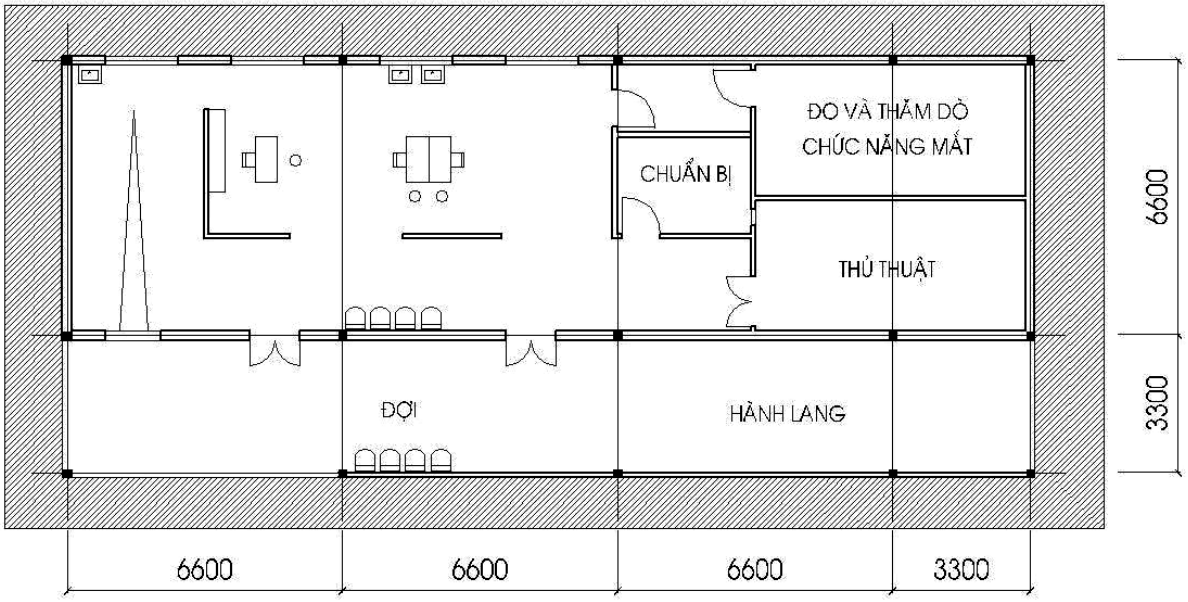


Hình B13. Mặt bằng minh hoạ khám và điều trị mắt

# PHỤ LỤC C

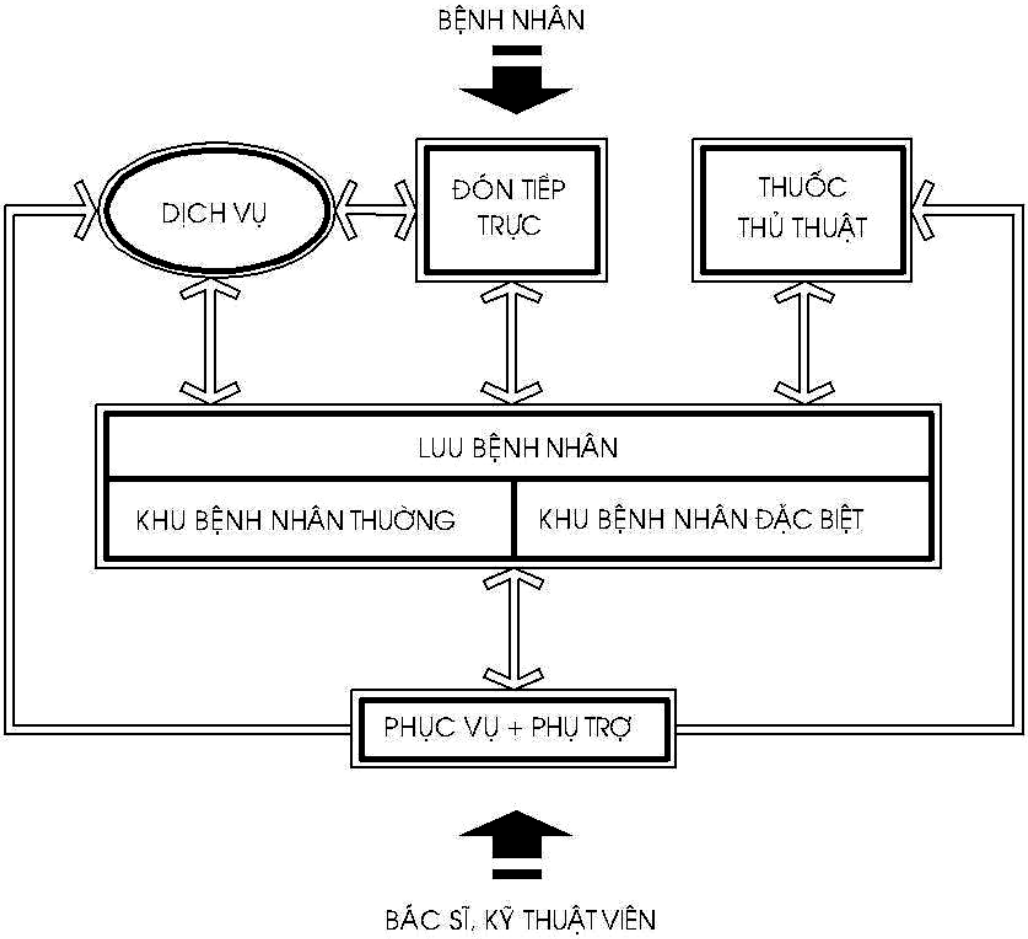


**Hình C1. Sơ đồ dây chuyền khoa điều trị nội trú**

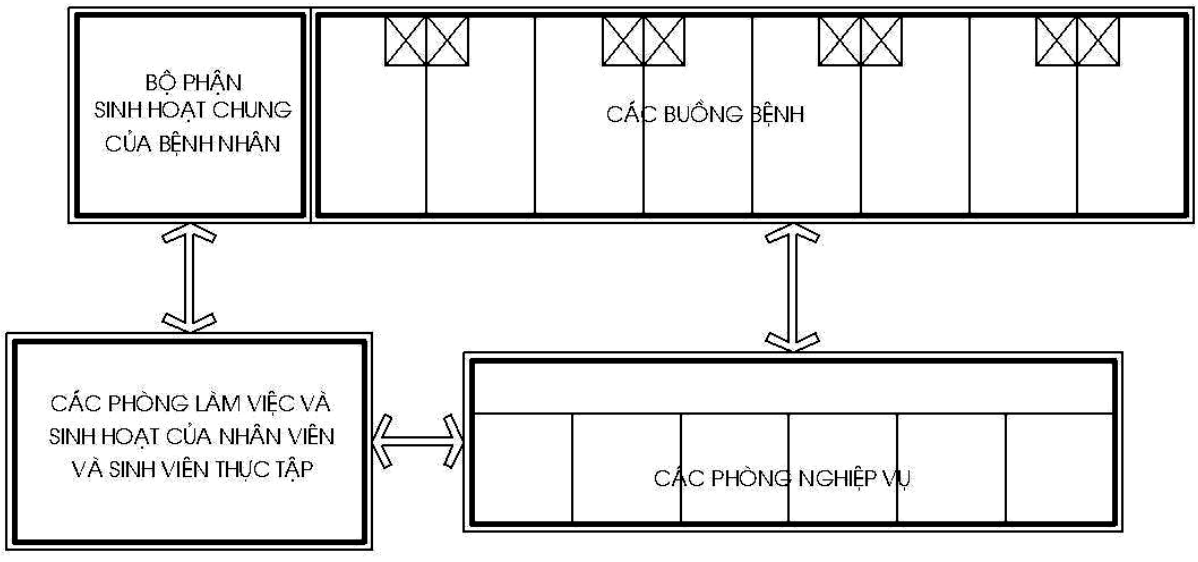


**Hình C2. Sơ đồ phân khu chức năng các khoa điều trị nội trú**

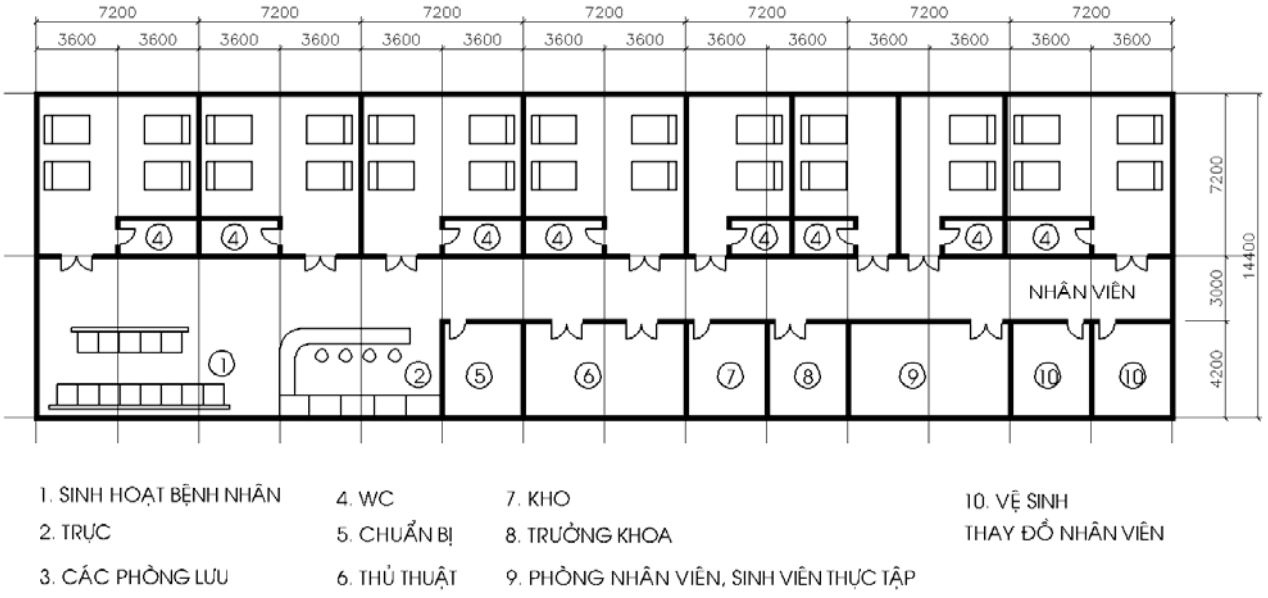


**Hình C3. Mặt bằng minh hoạ một đơn nguyên điều trị nội trú**

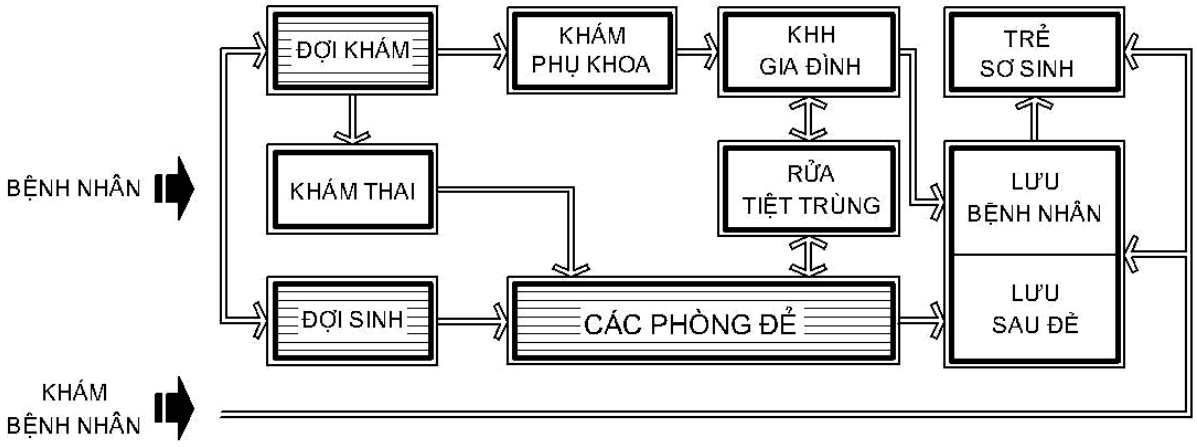


**Hình C4. Sơ đồ dây chuyền khoa điều trị nội trú sản- phụ khoa**

HÌNH A : ĐƠN NGUYÊN ĐIỀU TRỊ TRẺ SƠ SINH

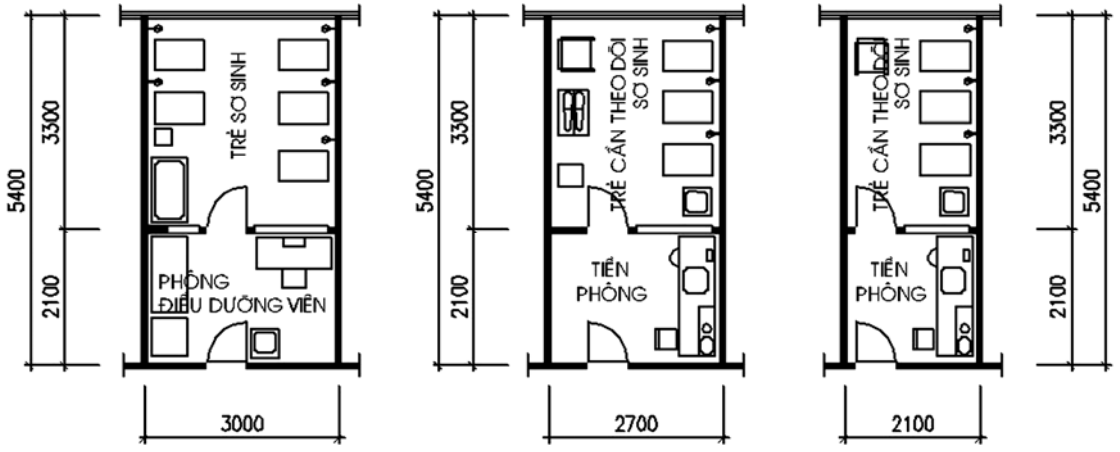


**Hình C5. Minh hoạ đơn nguyên điều trị nhi sơ sinh**

# PHỤ LỤC C

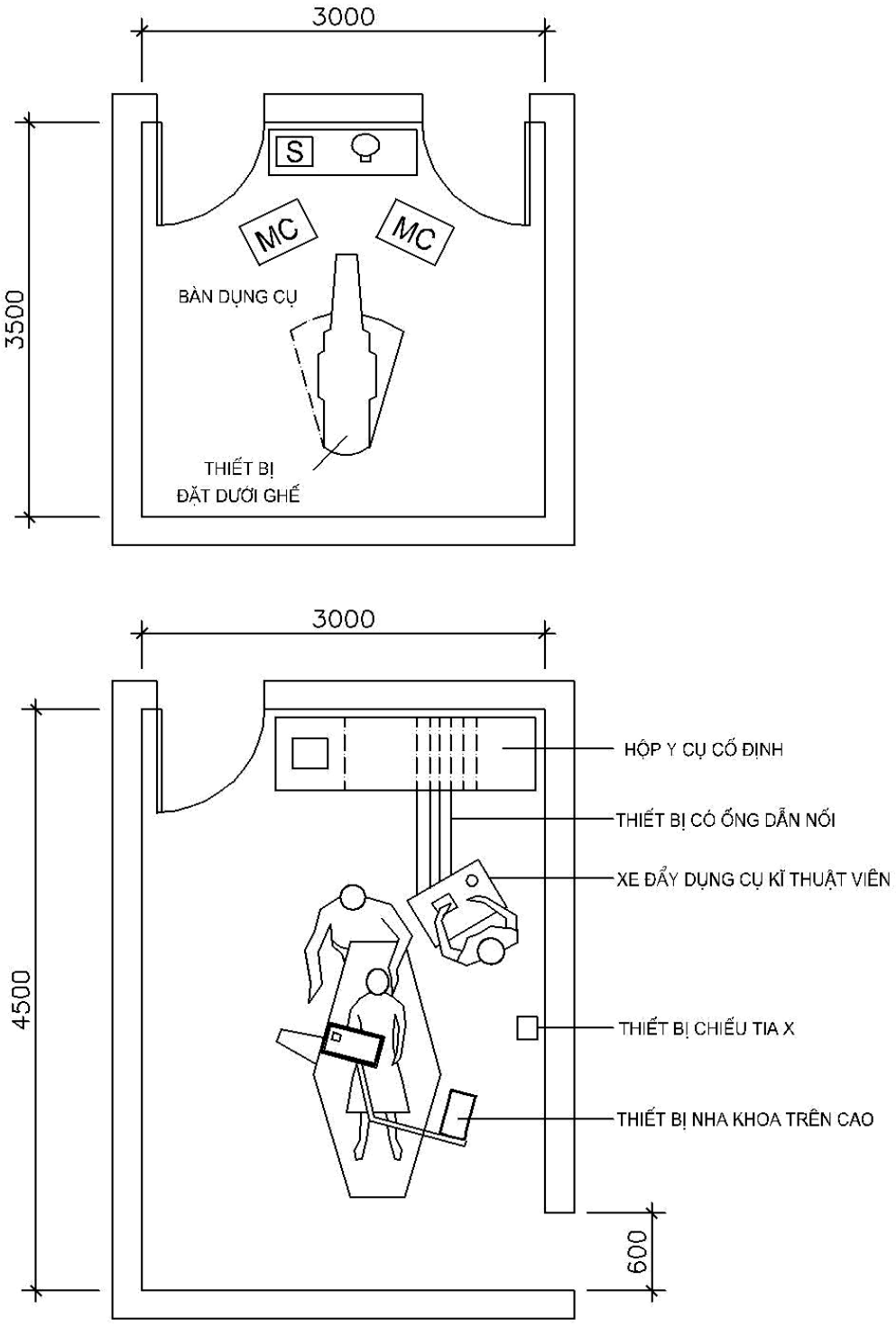


**Hình C6. Mô hình phòng điều trị răng hàm mặt**

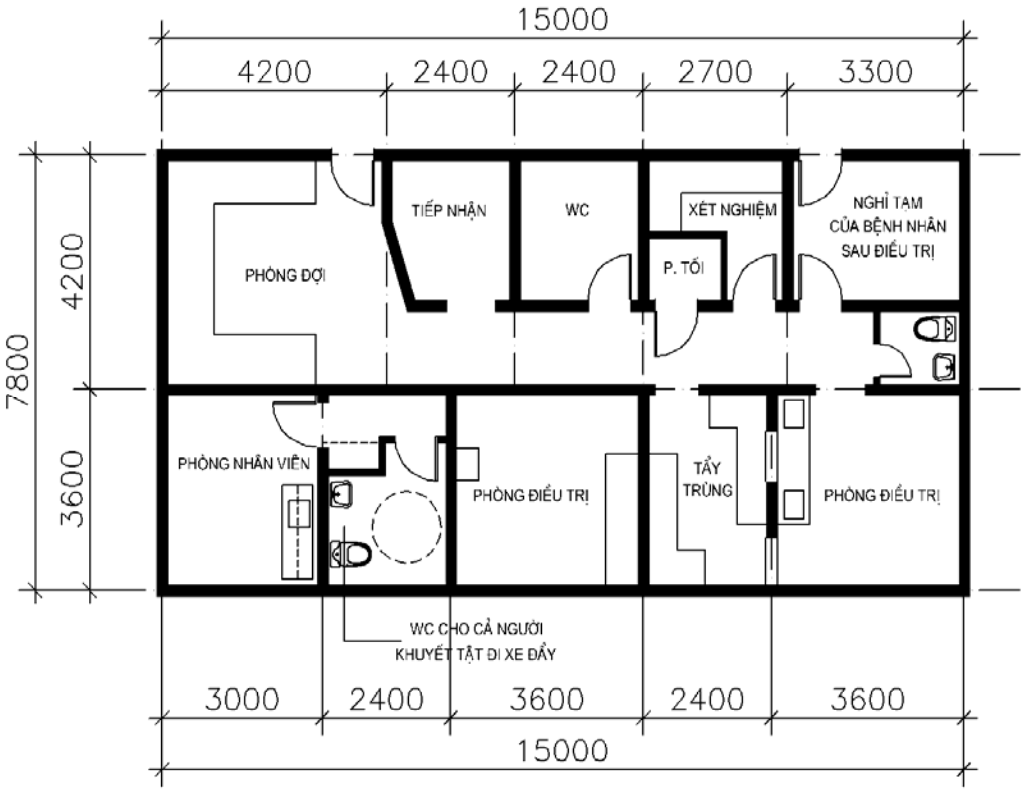


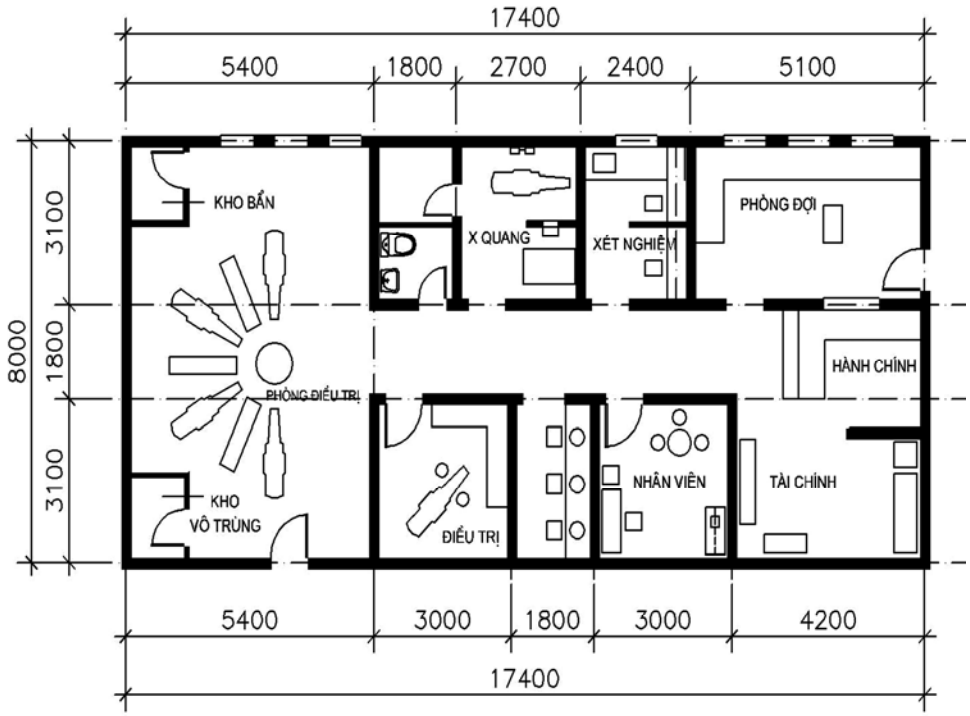


**Hình C7. Sơ đồ nha khoa chỉnh hình răng**

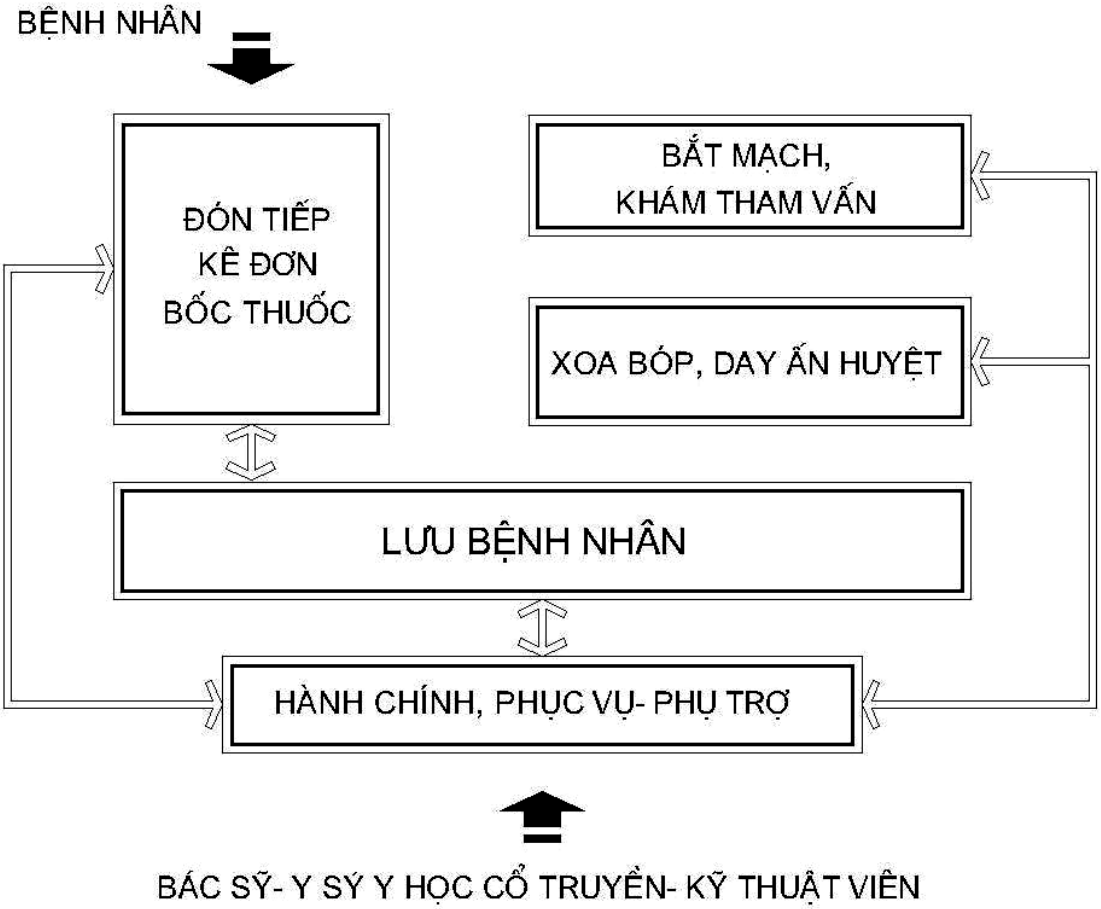


**Hình C8. Sơ đồ dây chuyền công năng khoa y học cổ truyền**

# PHỤ LỤC D

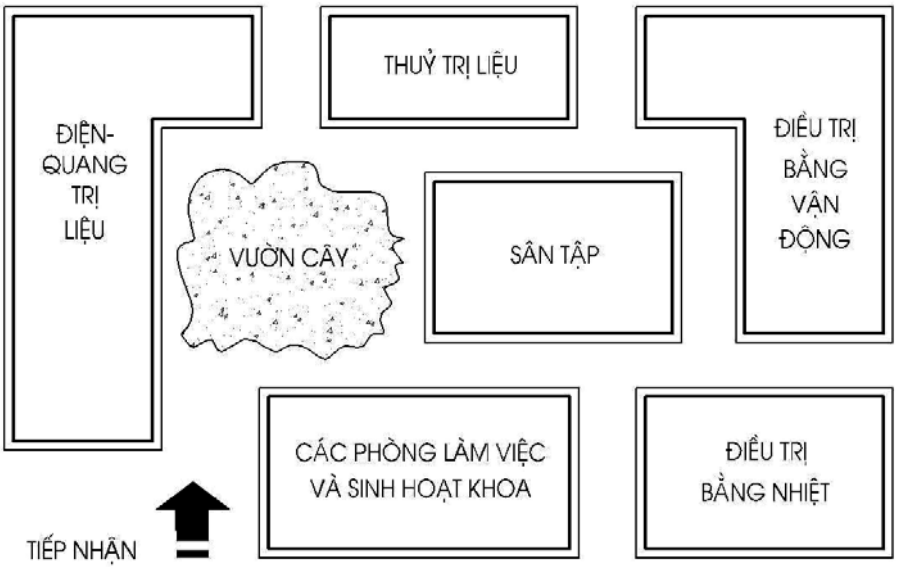


**Hình D1. Sơ đồ phân khu chức năng khoa Vật lý trị liệu phục hồi chức năng**

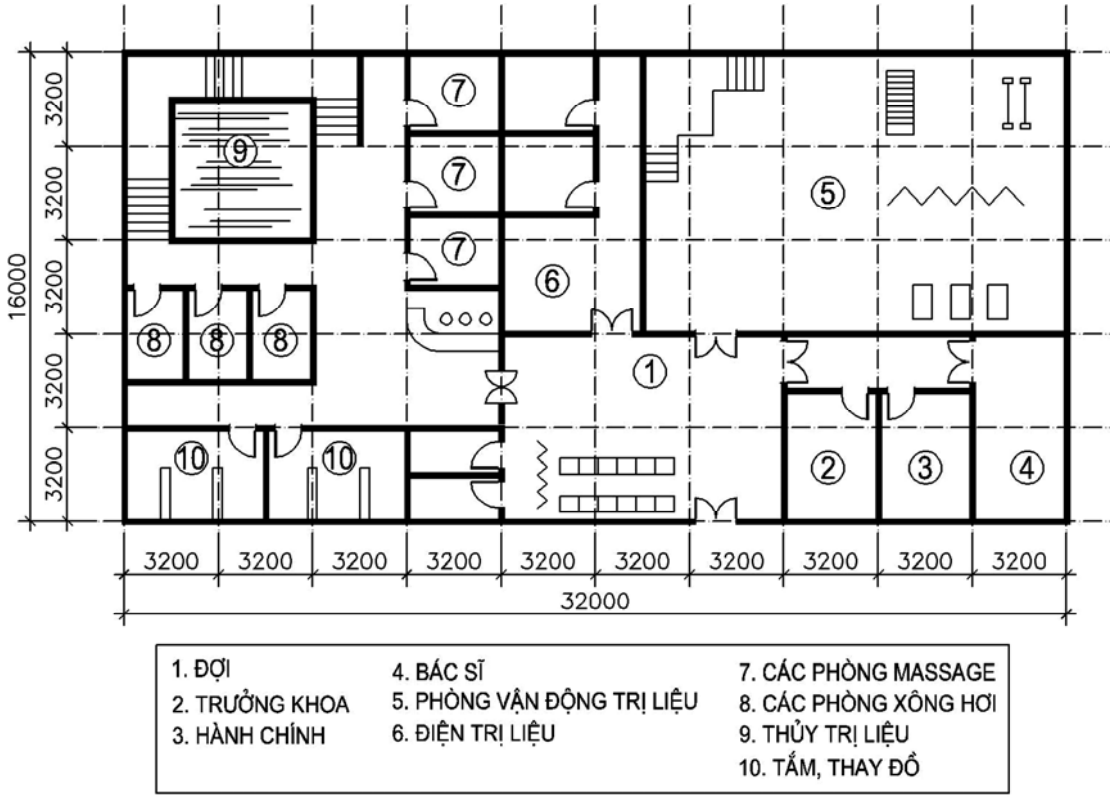


**Hình D2. Mặt bằng minh hoạ Vật lý trị liệu phục hồi chức năng**

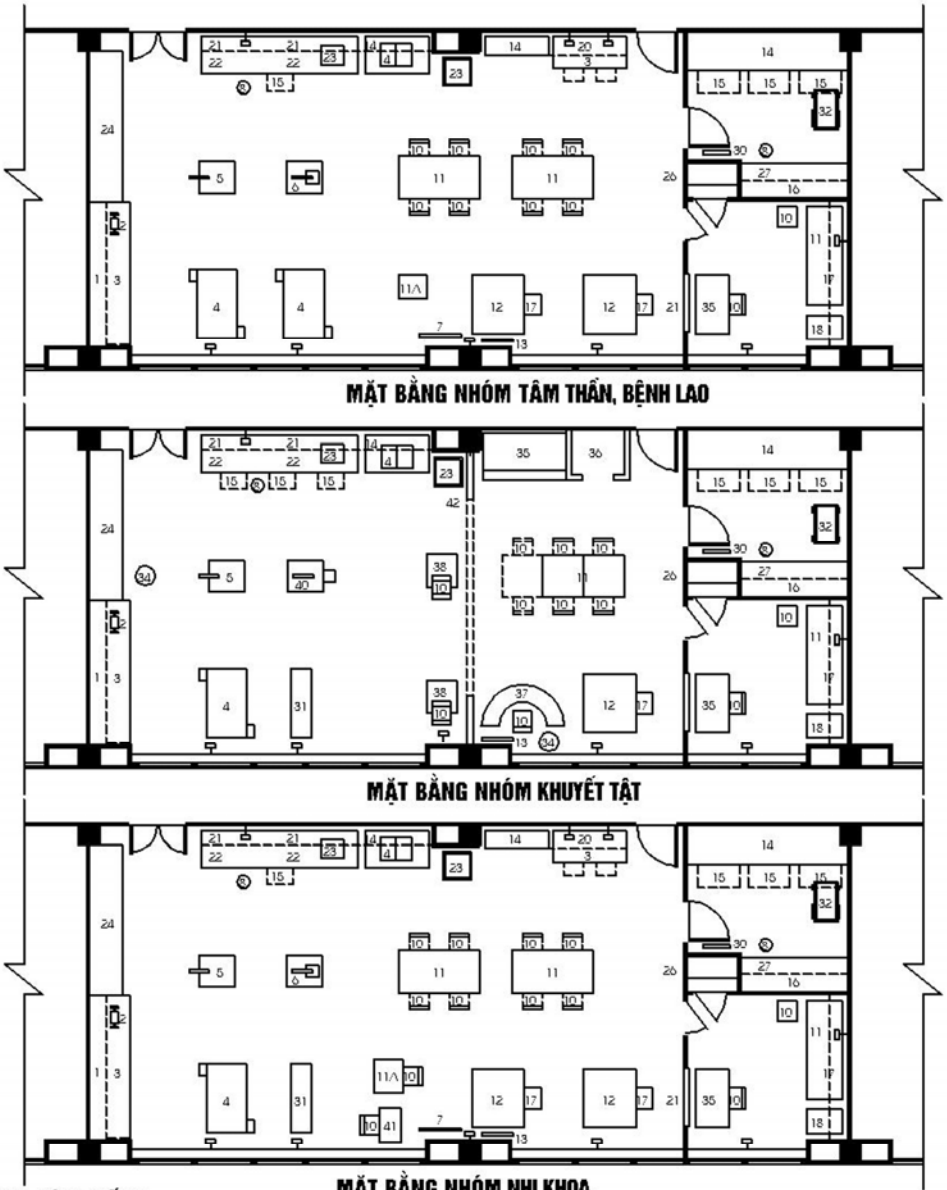


**DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ :**

1- TỦ BẢNG BÁO
2- MÁY XAY
3- GHẾ ĐẨU, BẢNG CẤT ĐỒ
4- GHẾ KẾP
5- MÁY CƯA
6- MÁY NGHIỀN ÁP LỰC
7- KHUNG DỆT, THÊU
8- GHẾ ĐẨU ĐỂ ĐỨNG
9- BỒN RỬA INOX
10- GHẾ TỰA
11- BÀN ĐIỀU CHỈNH ĐƯỢC
12- KHUNG CỬI DƯỚI SÀN
13- BẢNG CONG
14- ĐÓNG MỞ TỦ
15- GIÁ XOAY
16- TỦ KHO
17- GHẾ - KHUNG CỬI
18- TỦ ĐỂ HỒ SƠ
19- TỦ SÁCH VÀ GIÁ ĐỂ ĐỒ
20- TỦ ĐỨNG
21- TỦ SƠN
22- ĐÁNH BÓNG TỦ, GHẾ,...
23- TẤM SƯỞI ĐIỆN
24- XẺ GỖ
25- VÒI UỐNG NƯỚC
26- GIÁ BẢNG TREO TẠP CHÍ, SÁCH, BÁO, ...
27- KHO THÙNG VÀ GHẾ BẢNG LÀM VIỆC
28- KHUNG CỬI, BÀN
29- GƯƠNG, KÍNH
30- BẢNG SẮT
31- ĐÈN HUỲNH QUANG
32- ĐU LỘN NGƯỢC
33- GHẾ TỰA
34- THÙNG RÁC
35- THÙNG CÁT
36- NHÀ GIẢI TRÍ
37- BÀN TRÒN
38- BÀN THÁO LẮP GHÉP
39- MÁY TIỆN
40- CỬA ĐẠP CHÂN
41- MÁY NGHIỀN ĐẠP CHÂN
42- CỬA ĐI CÁNH XOAY, XẾP
43- BỒN LỚN
44- BỒN NHỎ
45- ĐÓNG CỬA ĐẬP
46. BÀN XOAY LÀM ĐỒ GỐM
47- BÀN LỚN
48- TỦ
49- MÁY NÉN IN
50- CỬA TRÒN ĐIỆN
51- BÀN ĐÁNH MÁY CHỮ
52- MÁY NGHIỀN KÉO DÂY
53- MÁY NGHIỀN KIỂU ĐĨA ( CỐI XAY)
54- MÁY MAY

**Hình D3. Mặt bằng khoa vật lý trị liệu- phục hồi chức năng 250 giường**

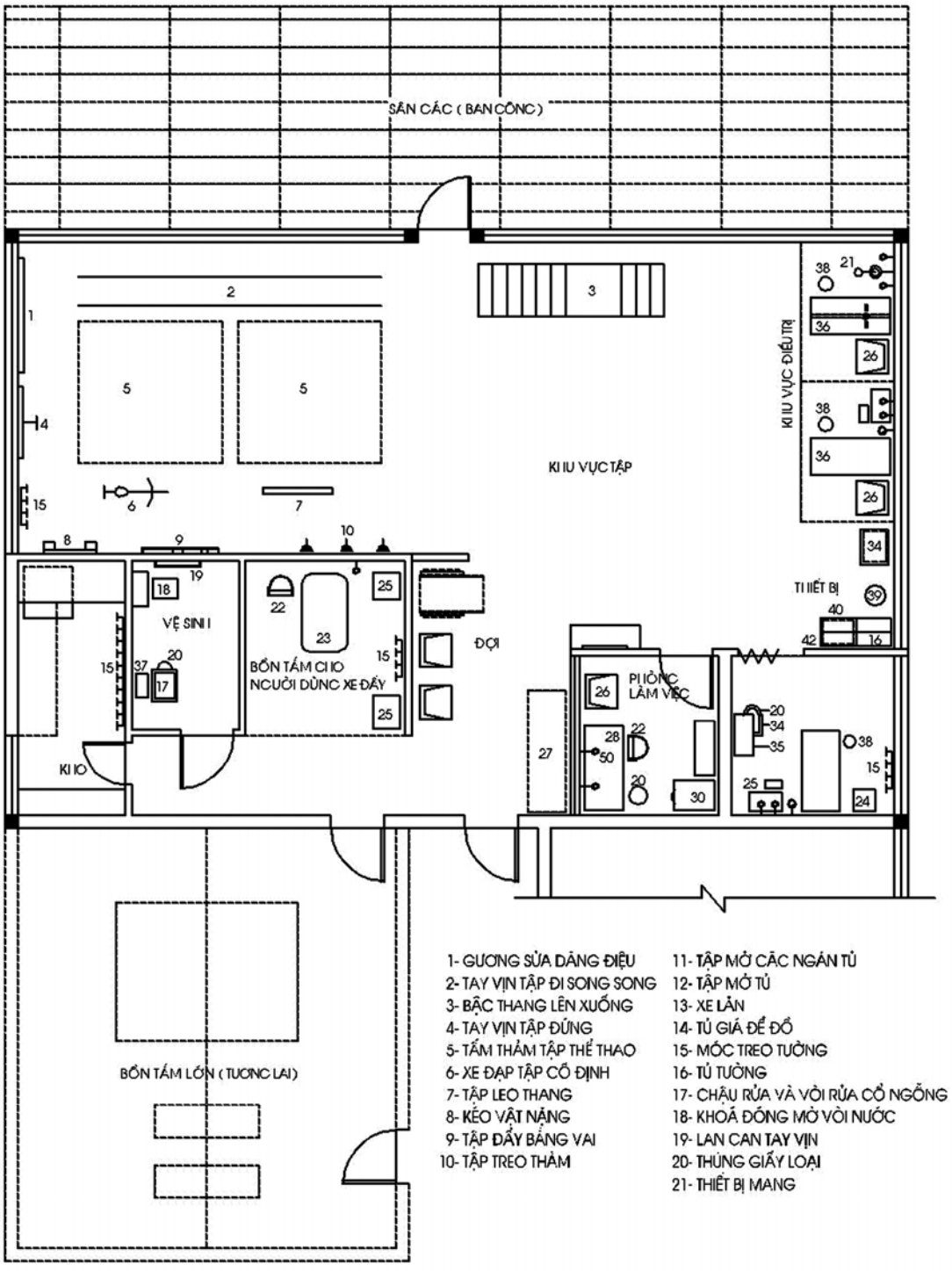


**Hình D4. Phòng vật lý trị liệu quy mô 400 giường**

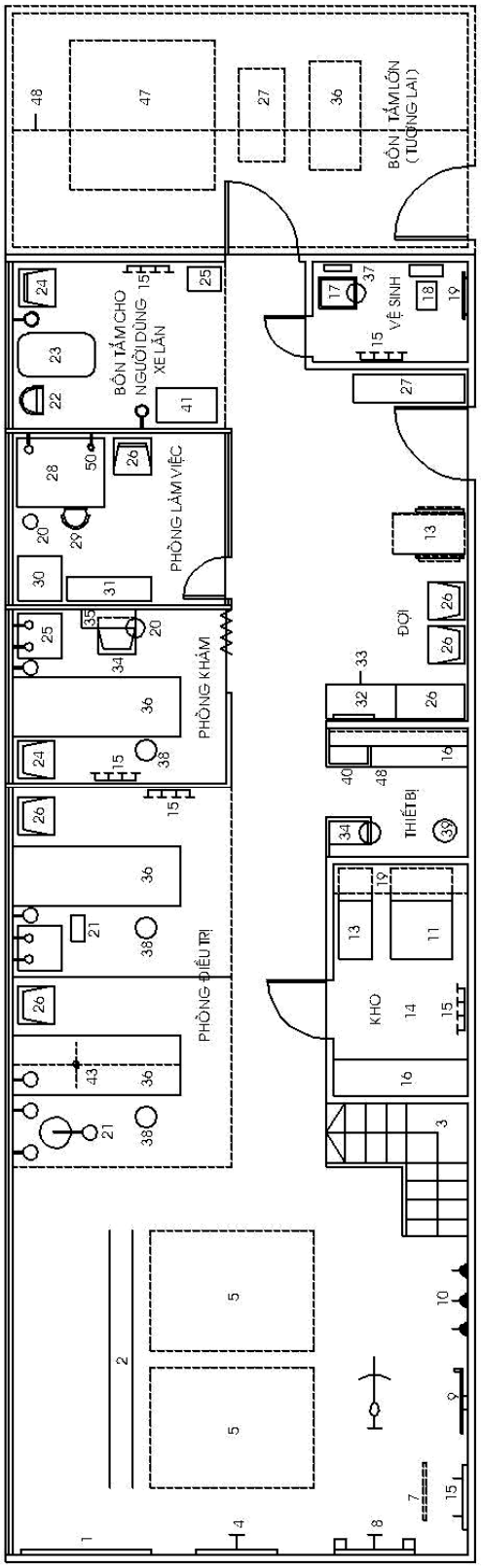


**Hình D5. Sơ đồ mặt bằng điển hình phòng vật lý trị liệu quy mô trên 550 giường**

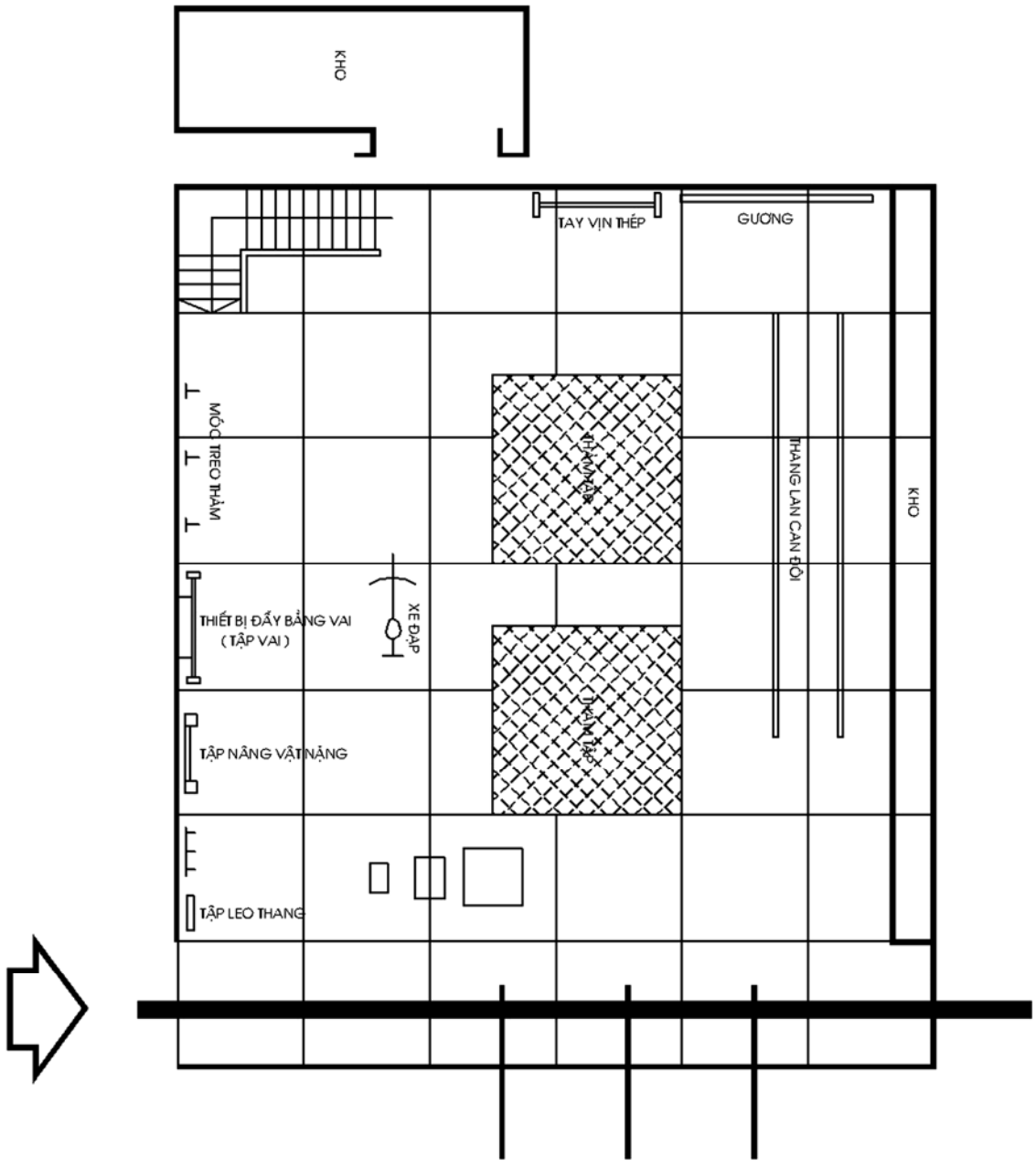


**Hình D6. Khu vực tập TDTT các nhóm phục hồi chức năng**

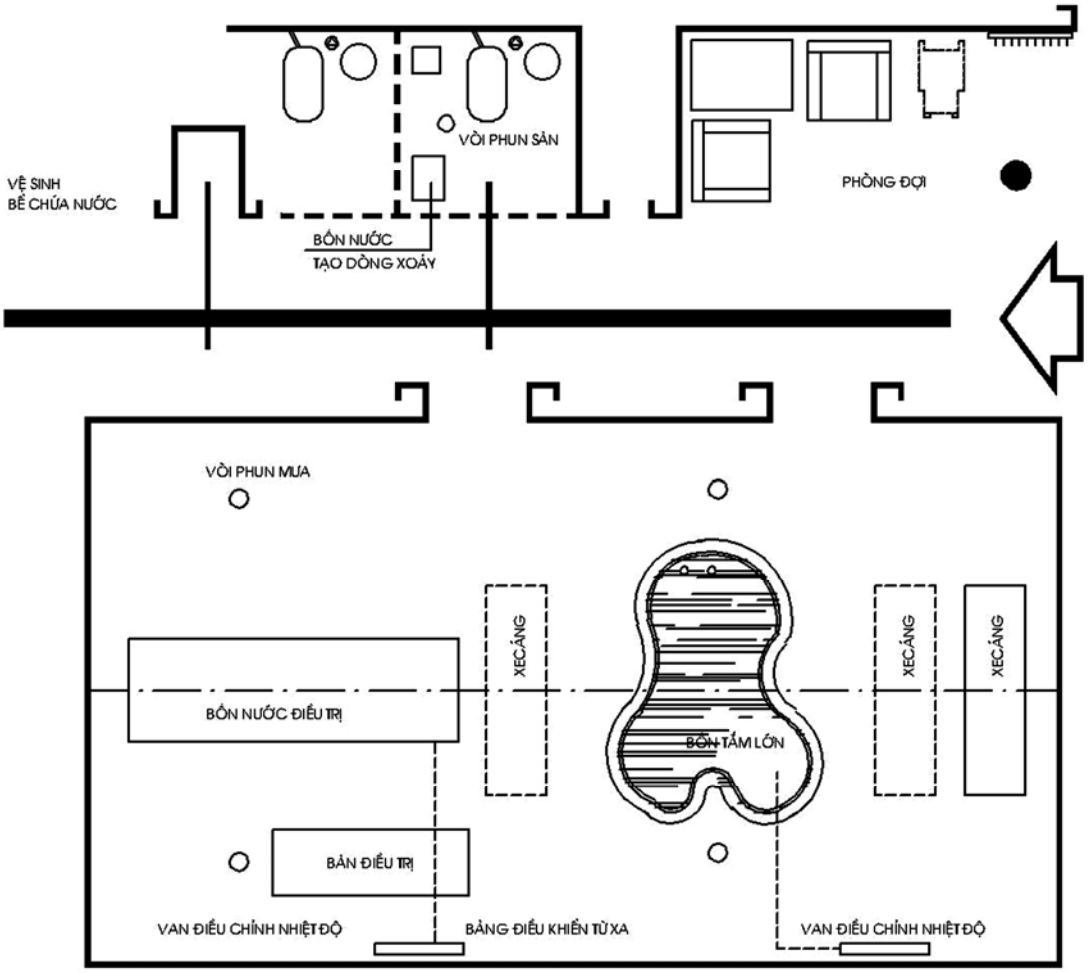


**Hình D7. Sơ đồ bộ phận thuỷ trị liệu**

# PHỤ LỤC E

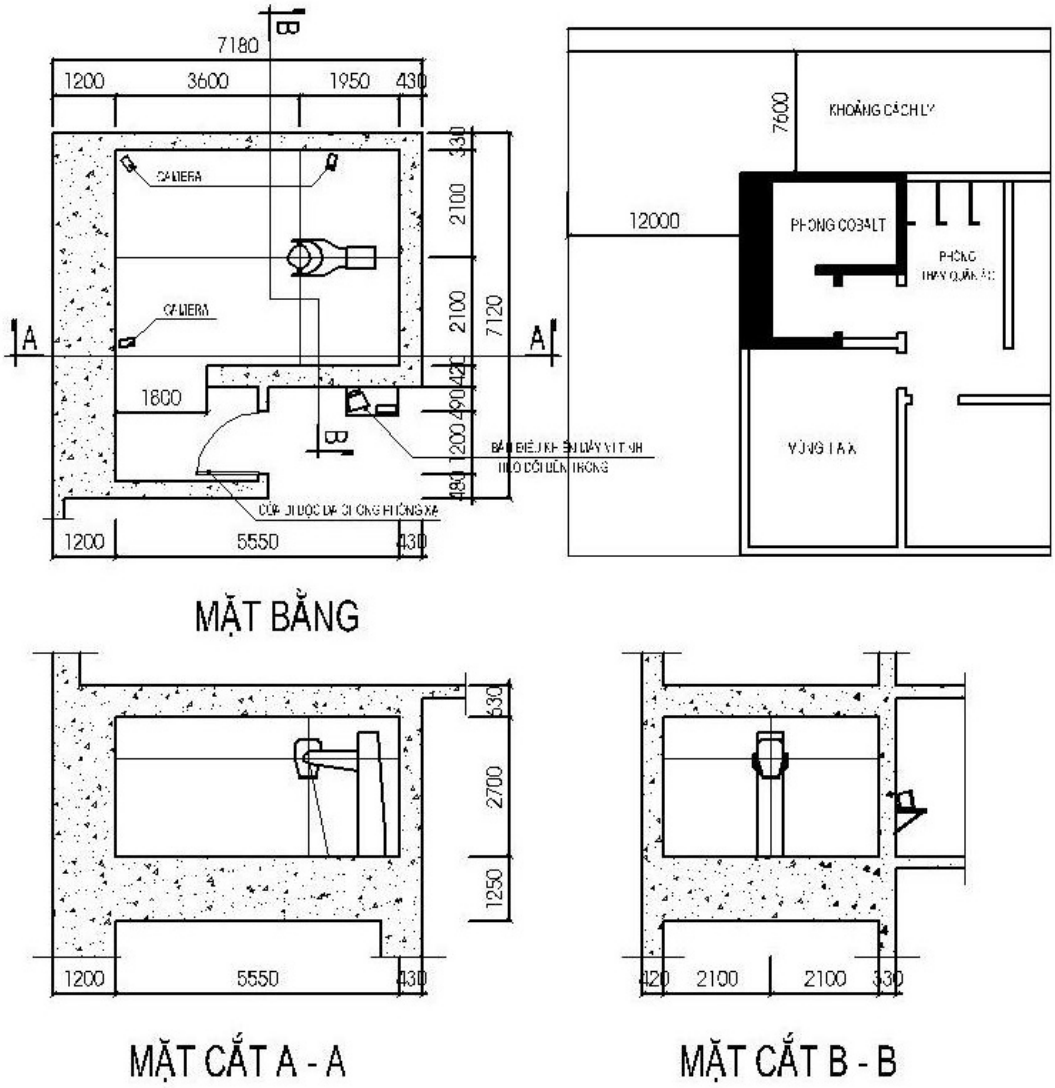


**Hình E1. Phòng sử dụng thiết bị Cobalt- 60**

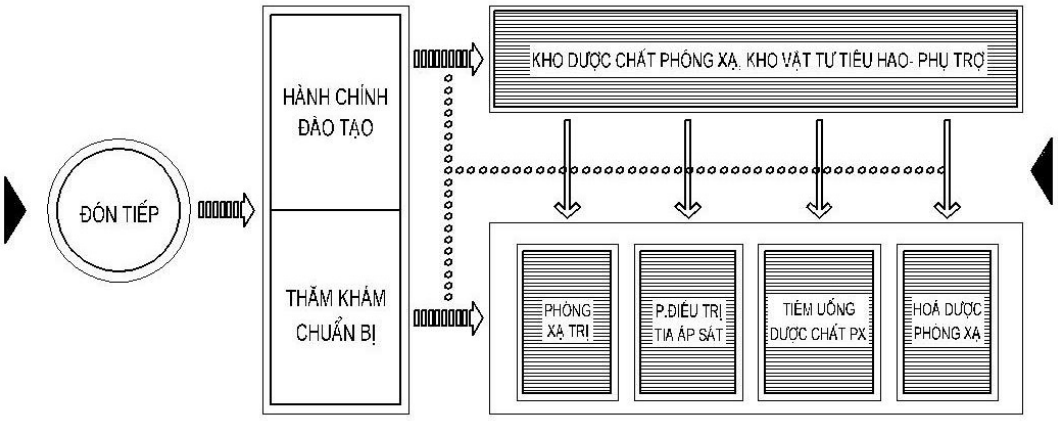


**Hình E2. Sơ đồ công năng khoa ung bướu- y học hạt nhân**

# PHỤ LỤC F

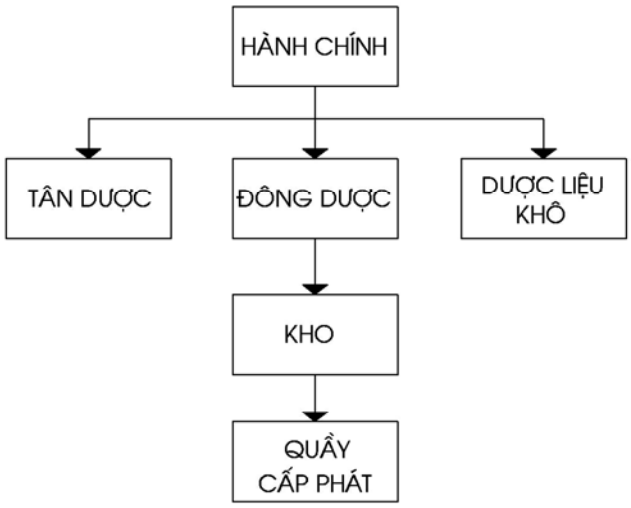


**Hình F1. Sơ đồ phân khu chức năng khoa dược**

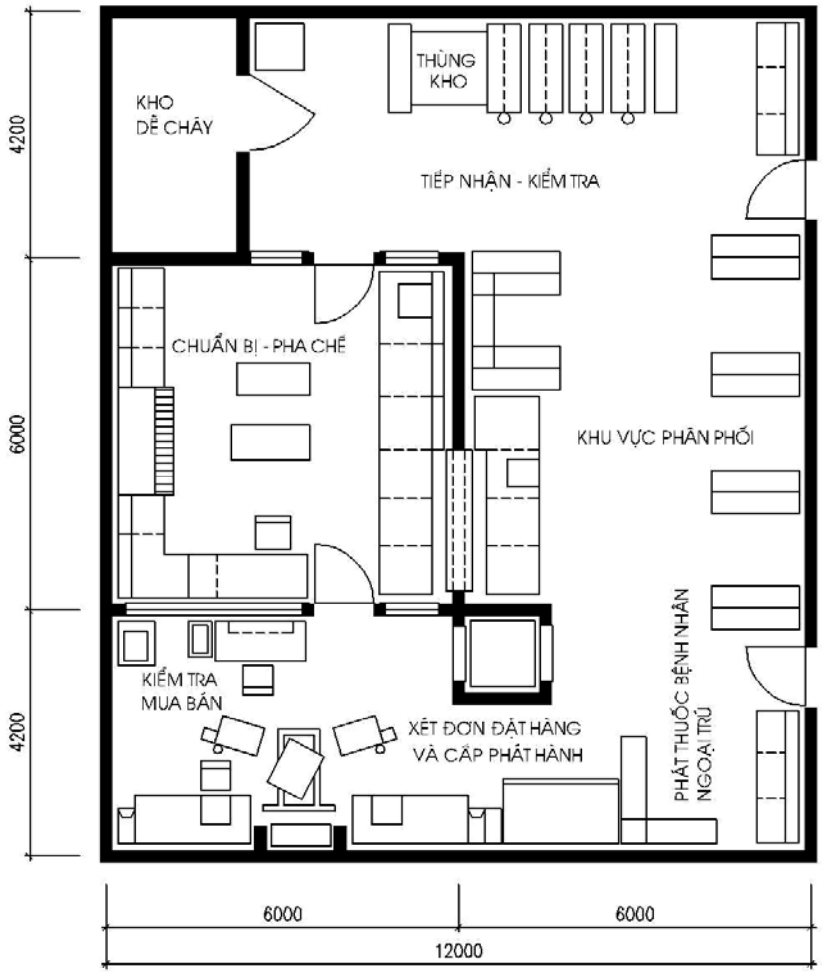


**Hình F2. Mặt bằng minh hoạ khoa dược**

# PHỤ LỤC G

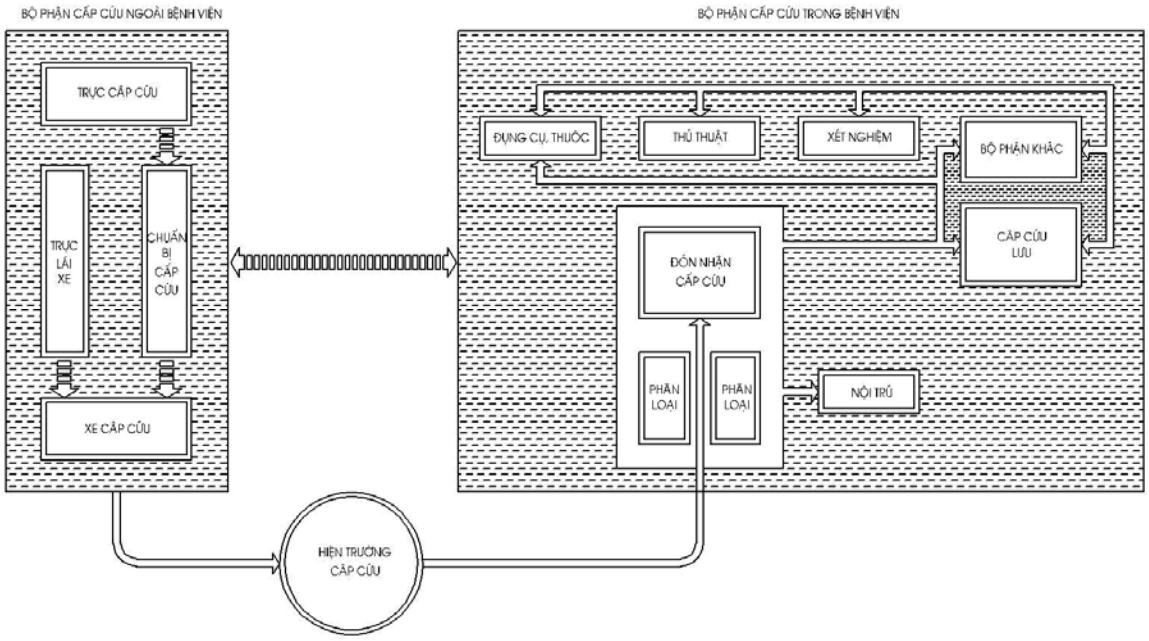


**Hình G1. Sơ đồ hoạt động cấp cứu ngoài sảnh**

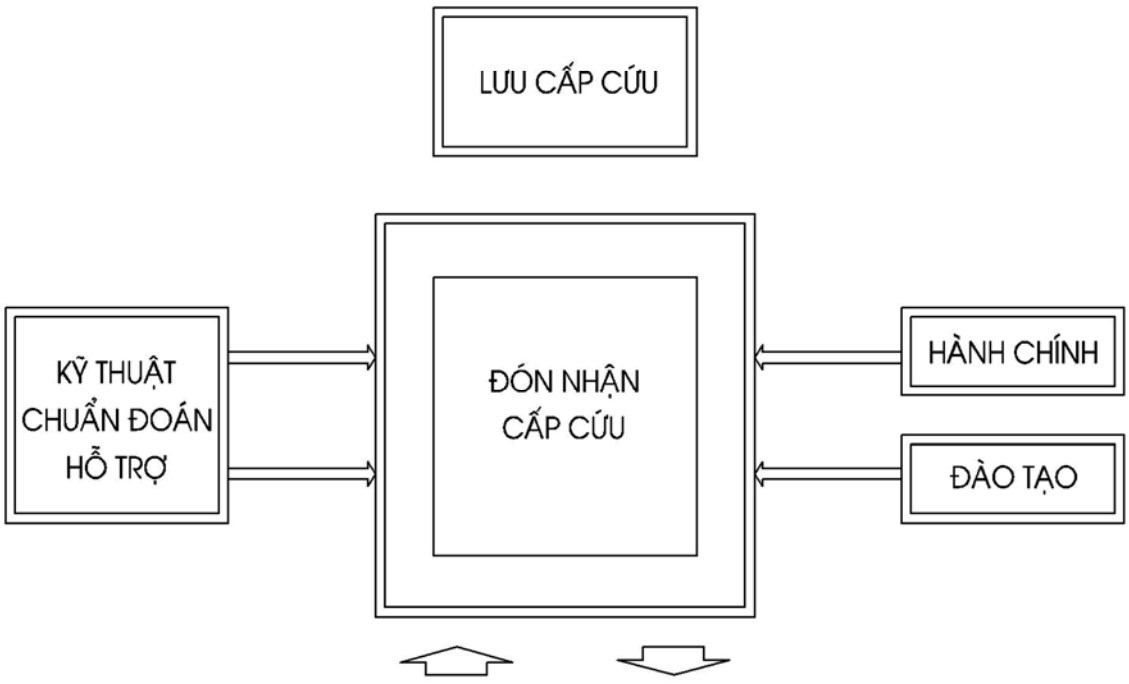


**Hình G2. Tổ chức sơ đồ cấp cứu**

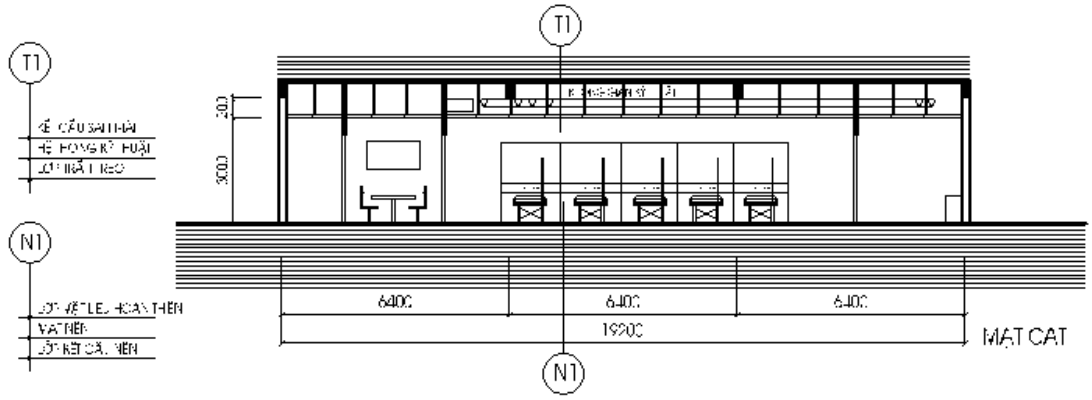


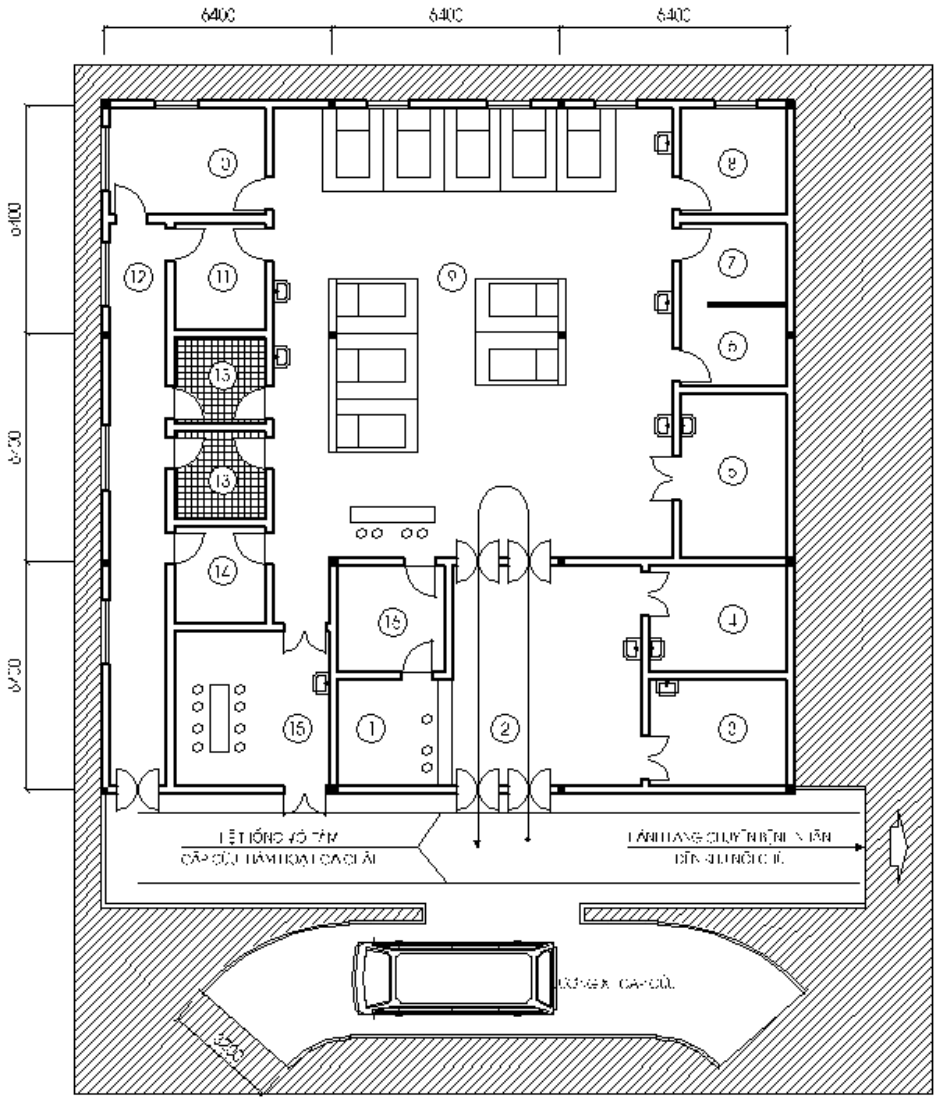


MẶT BẰNG

1. Trực, đón tiếp
2. Sơ cứu, phân loại
3. Tắm rửa, khử độc cho bệnh nhân
4. Xét nghiệm + chuẩn đoán hình ảnh
5. Kỹ thuật can thiệp
6. Rửa
7. Tiệt trùng
8. Kho sạch
9. Cấp cứu lưu
10. Kho bẩn
11. Bác sỹ
12. Hành lang nhân viên
13. Thay đồ nhân viên
14. Trưởng khoa
15. Giao ban đào tạo
16. Y tá, hộ lý

**Hình G3. Khoa cấp cứu quy mô 1 (BVĐK từ 250 đến 350 giường)**

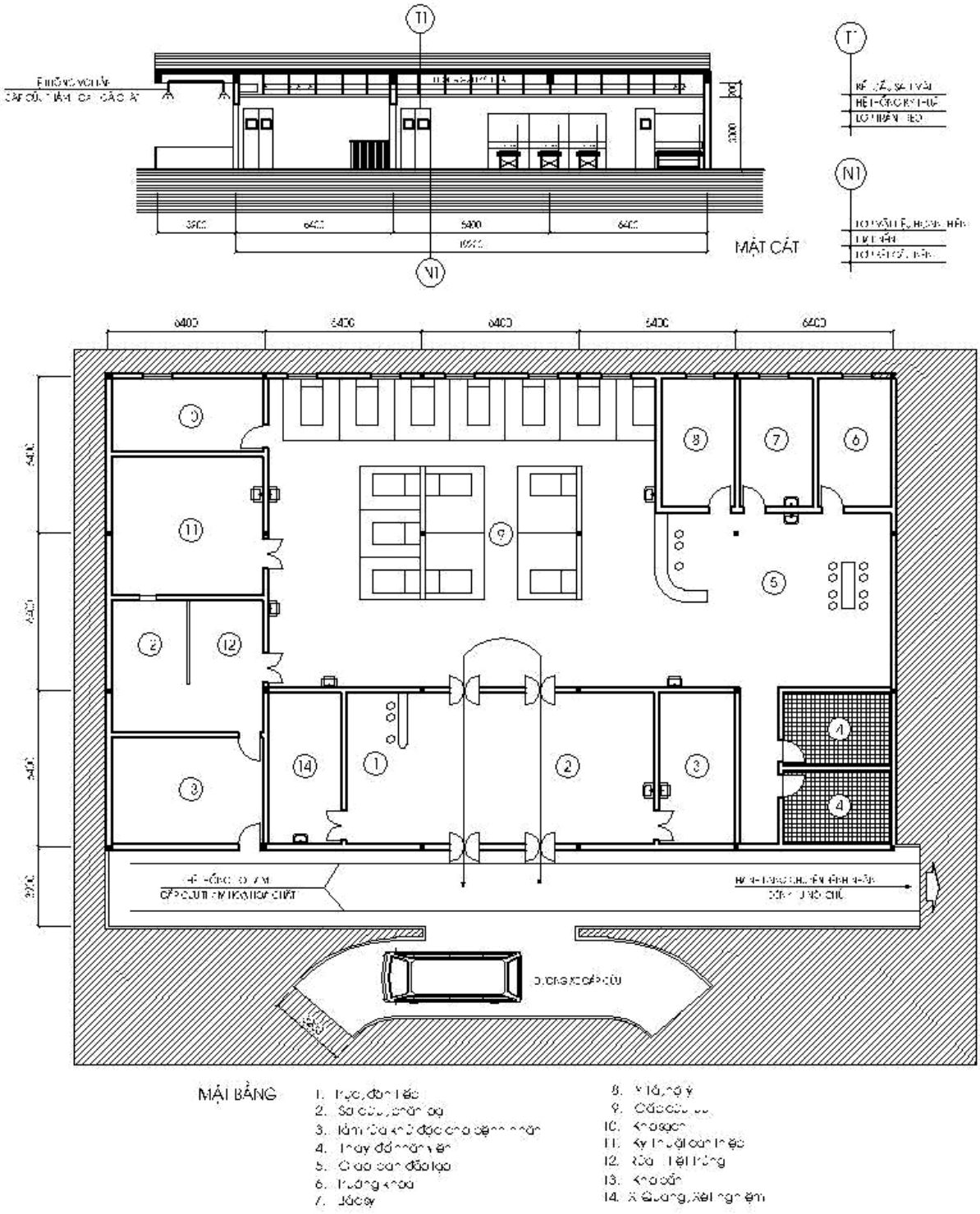


**Hình G4. Khoa cấp cứu quy mô 2 (BVĐK từ 400 đến 500 giường)**

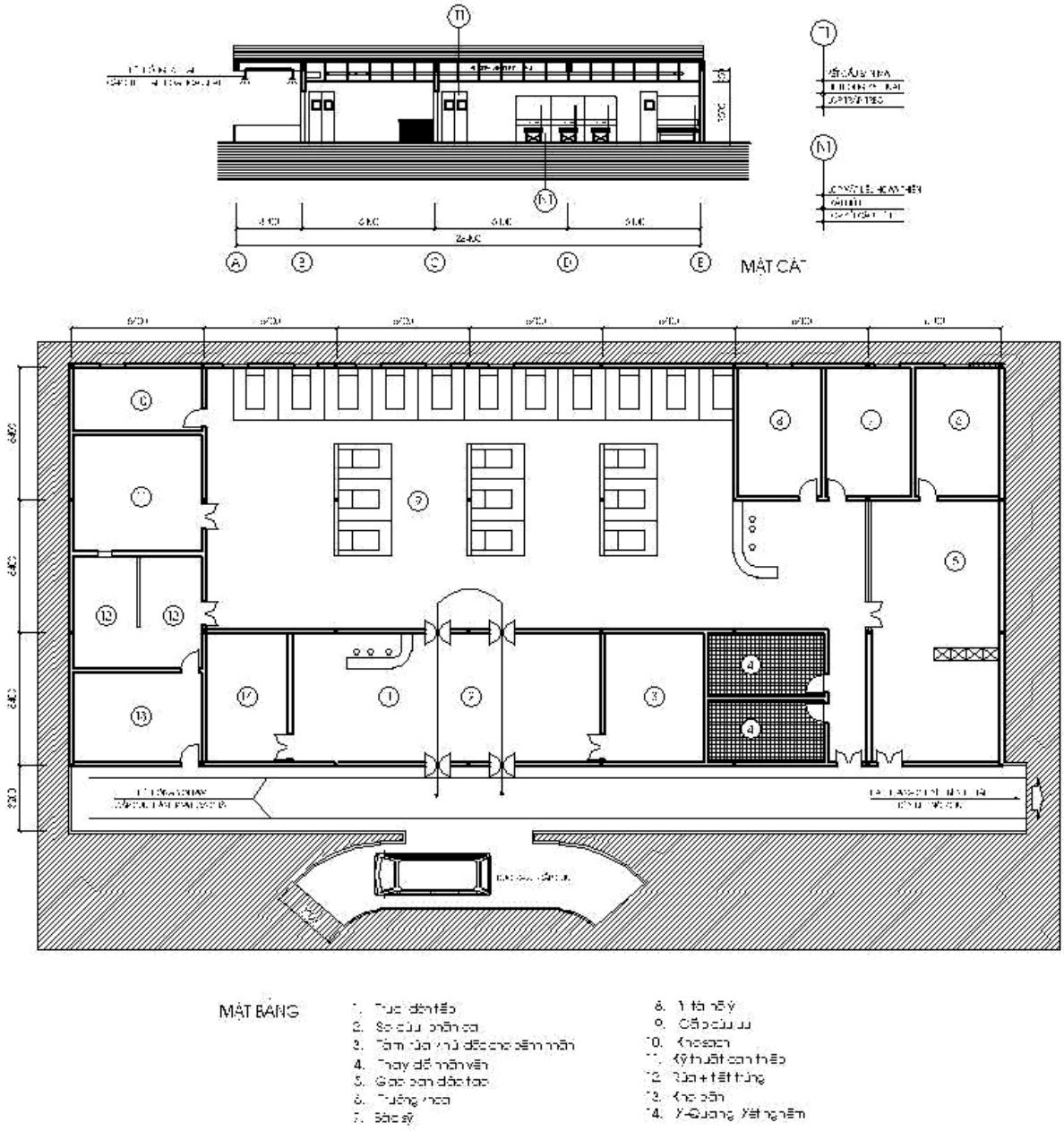


**Hình G5. Khoa cấp cứu quy mô 3 (BVĐK trên 550 giường)**

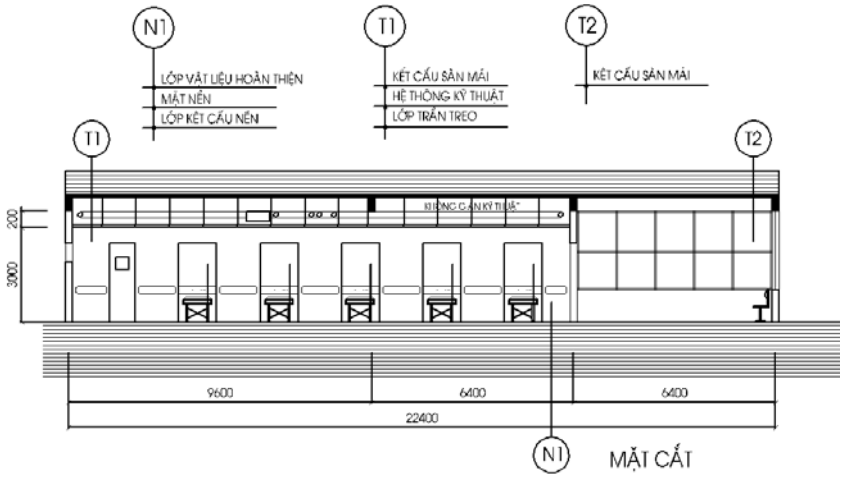


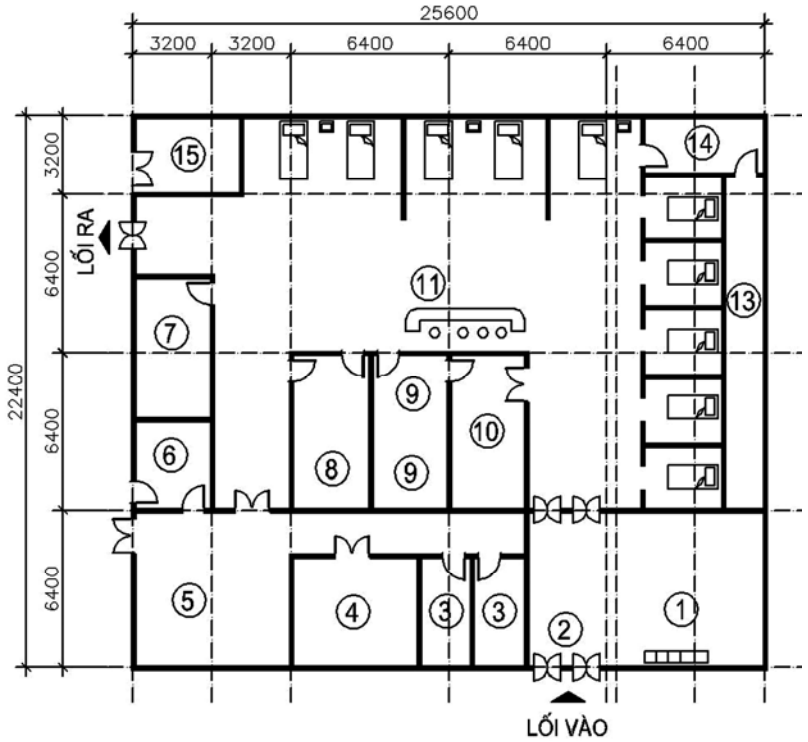


**Hình G6. Khoa điều trị tích cực và chống độc quy mô 1 (BVĐK từ 250 đến 350 giường)**

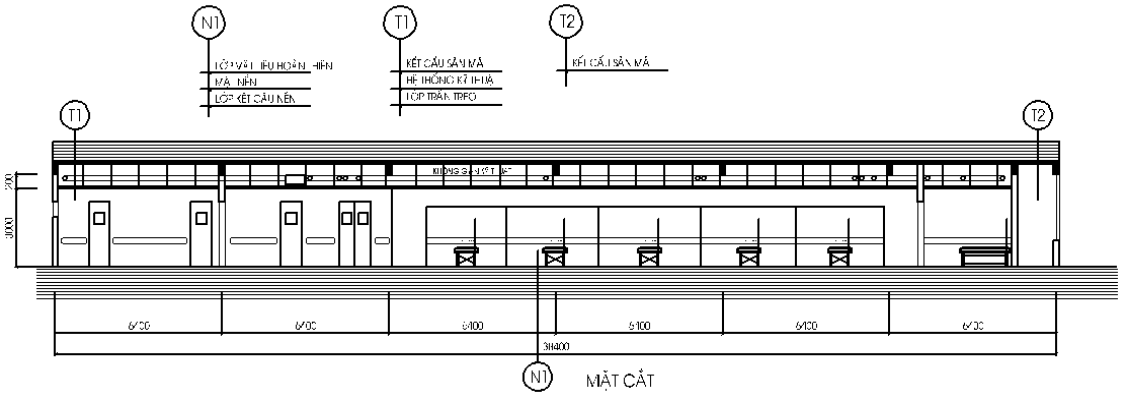


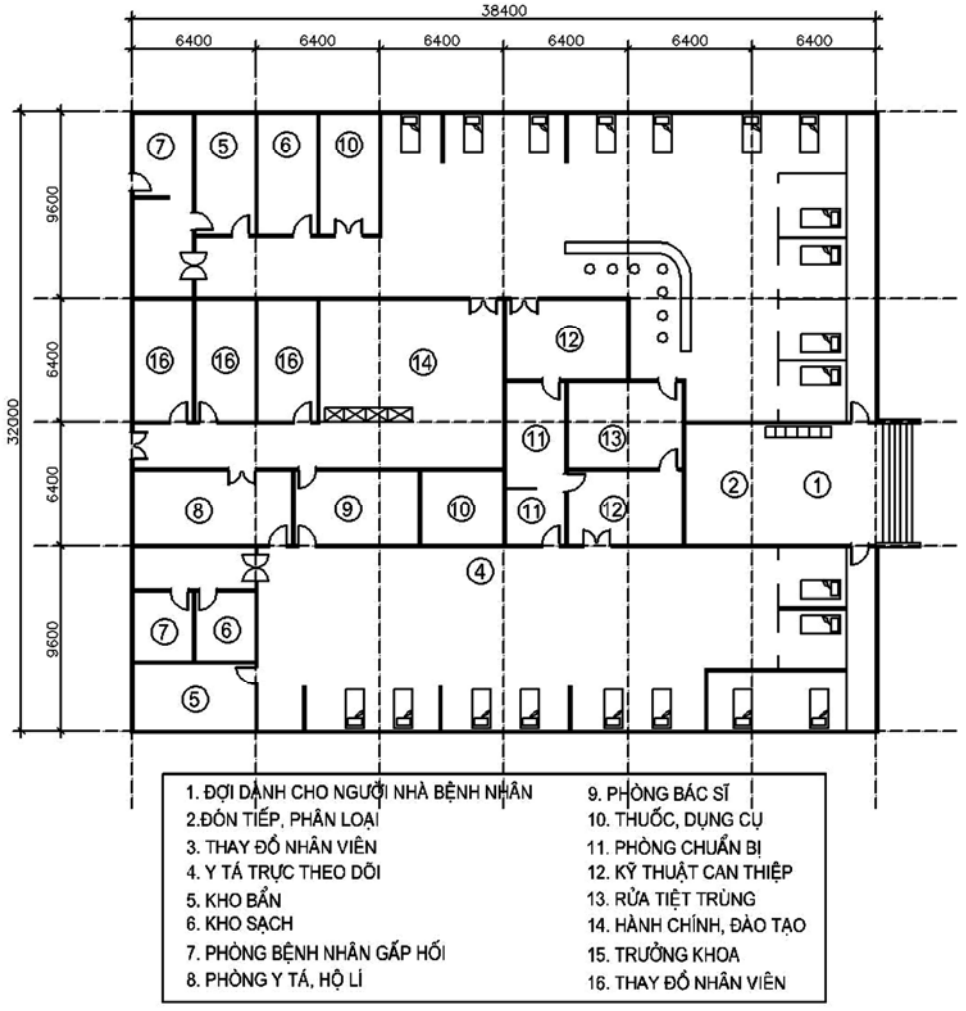


**Hình G7. Khoa điều trị tích cực và chống độc quy mô 2 (BVĐK từ 400 đến 500 giường)**

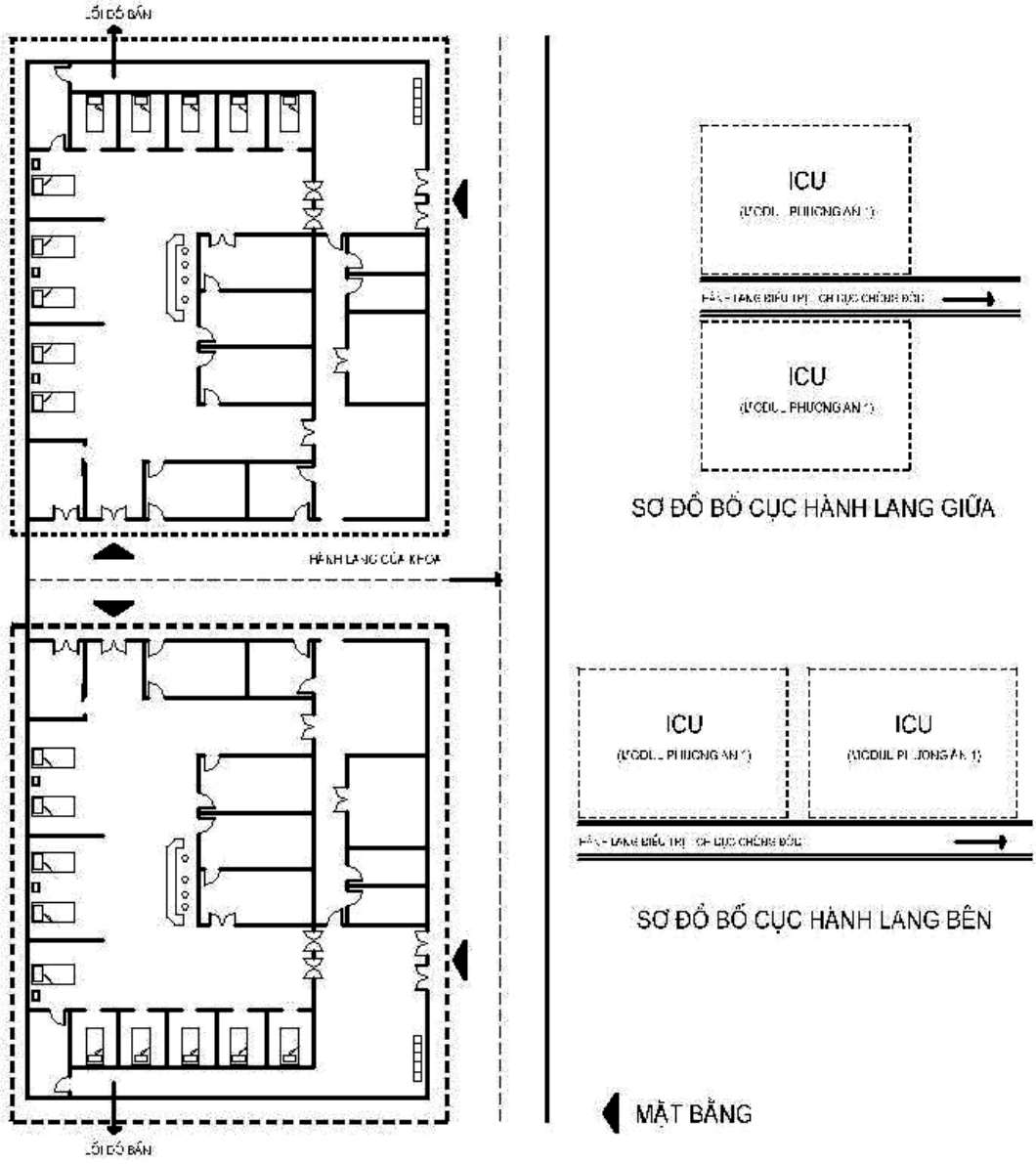


**Hình G8. Khoa điều trị tích cực và chống độc quy mô 3 (BVĐK trên 550 giường)**

# PHỤ LỤC H

## Các hình vẽ minh hoạ khoa phẫu thuật- gây mê hồi sức

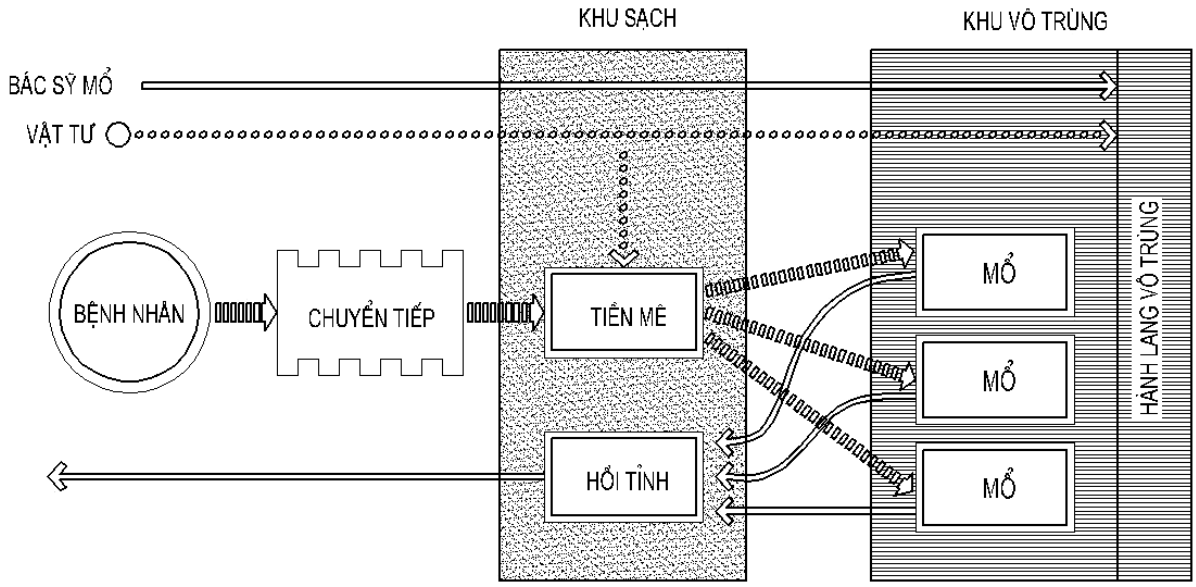


**Hình H1. Sơ đồ dây truyền phòng mổ**

**MẶT CẮT**

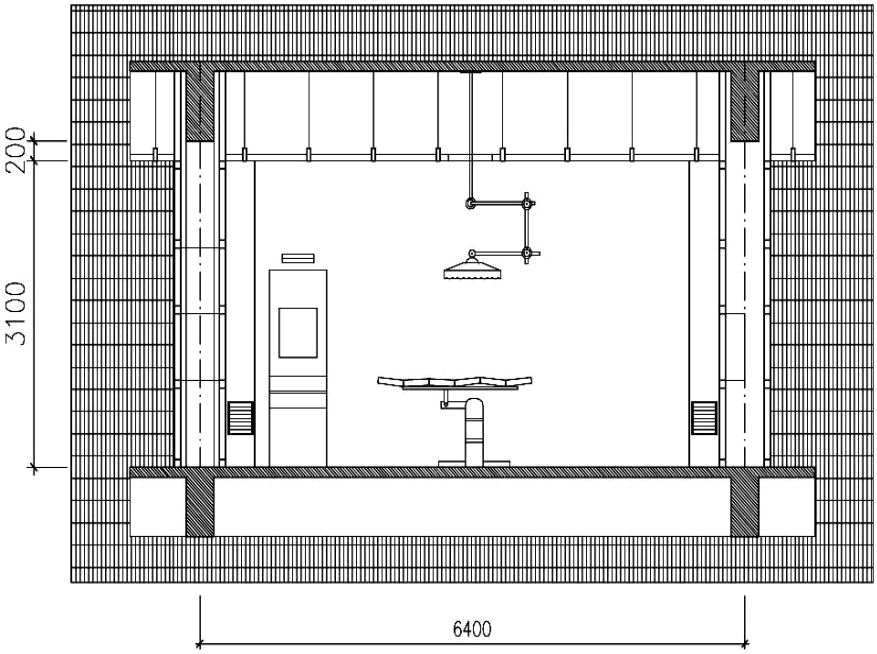


**MẶT BẰNG**

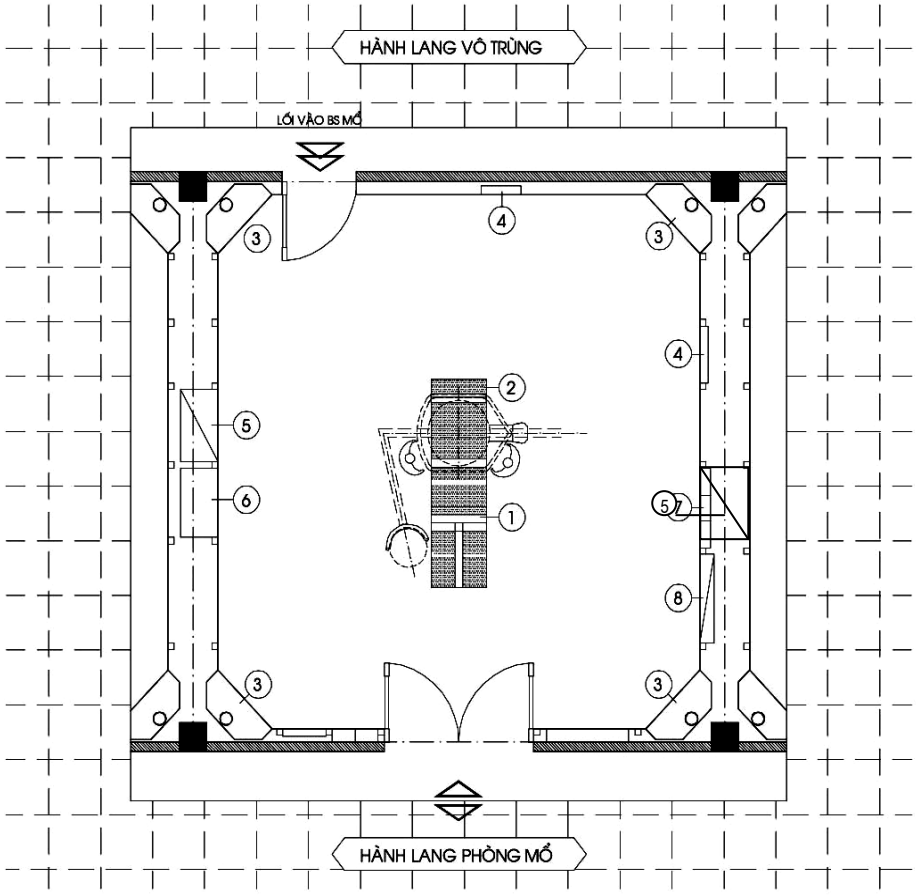


1. Bàn mổ
2. Đèn mổ
3. Miệng thu hồi khí
4. Đèn đọc phim Xquang
5. ổ cấp khí y tế
6. Tủ thuốc, dụng cụ thiết yếu
7. Tủ lạnh, sấy
8. Tủ dụng cụ gây mê, hồi sức
9. Bảng điều khiển

**Hình H2. Phòng mổ**

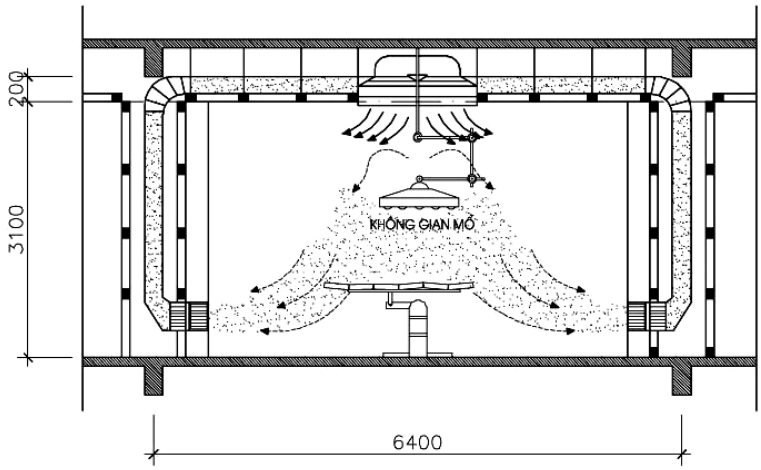


Đường không khí vào

Đường không khí ra

## MẶT CẮT

**Hình H3. Hệ thống khí sạch phòng mổ**

1. Đèn mổ
2. Cửa cấp khí sạch
3. Đèn mổ
4. Miệng thu hồi khí

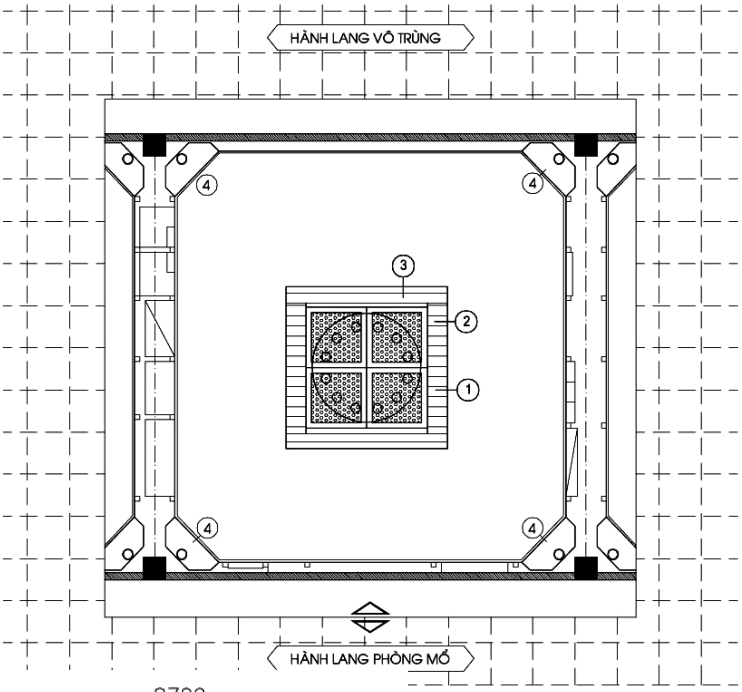


## MẶT BẰNG

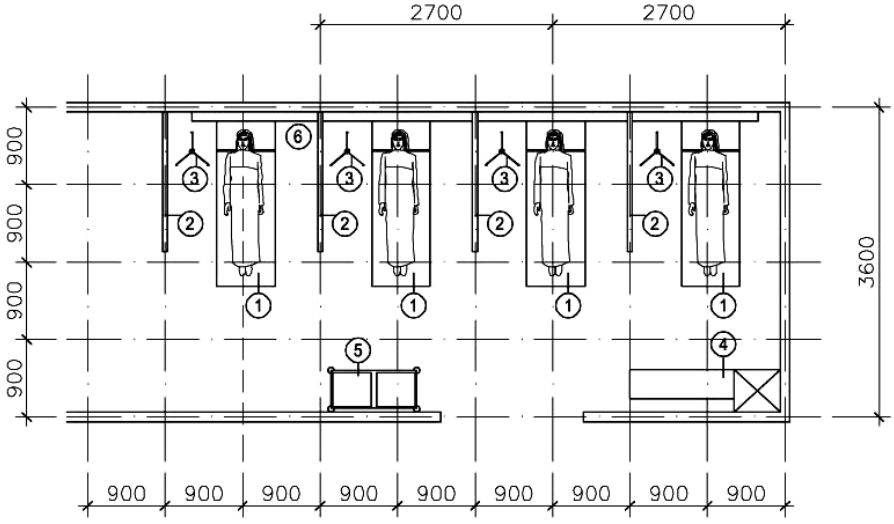


**Hình H4.**

**Phòng hồi tỉnh**

1. Giường bệnh
2. Vách ngăn nhẹ di động
3. Giá truyền dịch
4. Bàn + rửa tay
5. Xe thu đồ bẩn
6. Hệ thống cấp khí điện

## DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ

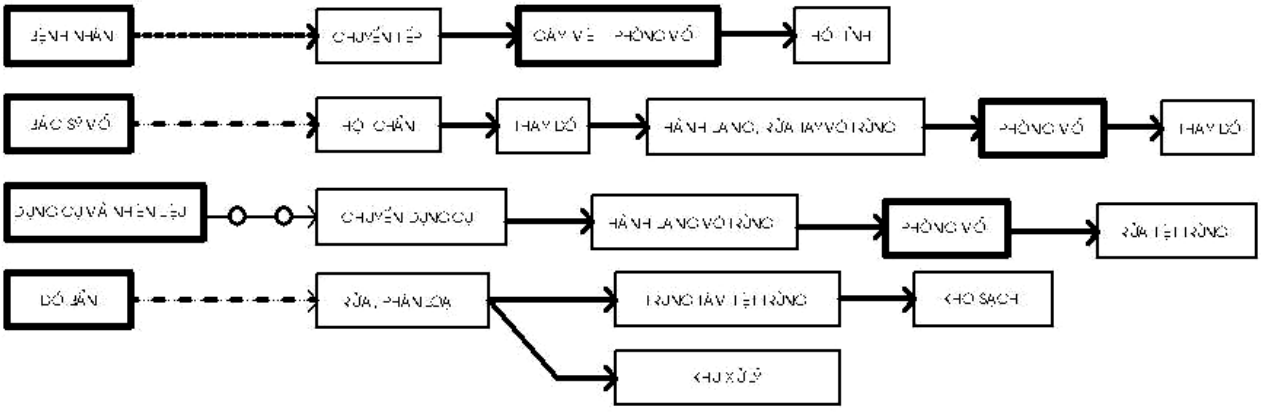


## SƠ ĐỒ HOẠT ĐỘNG

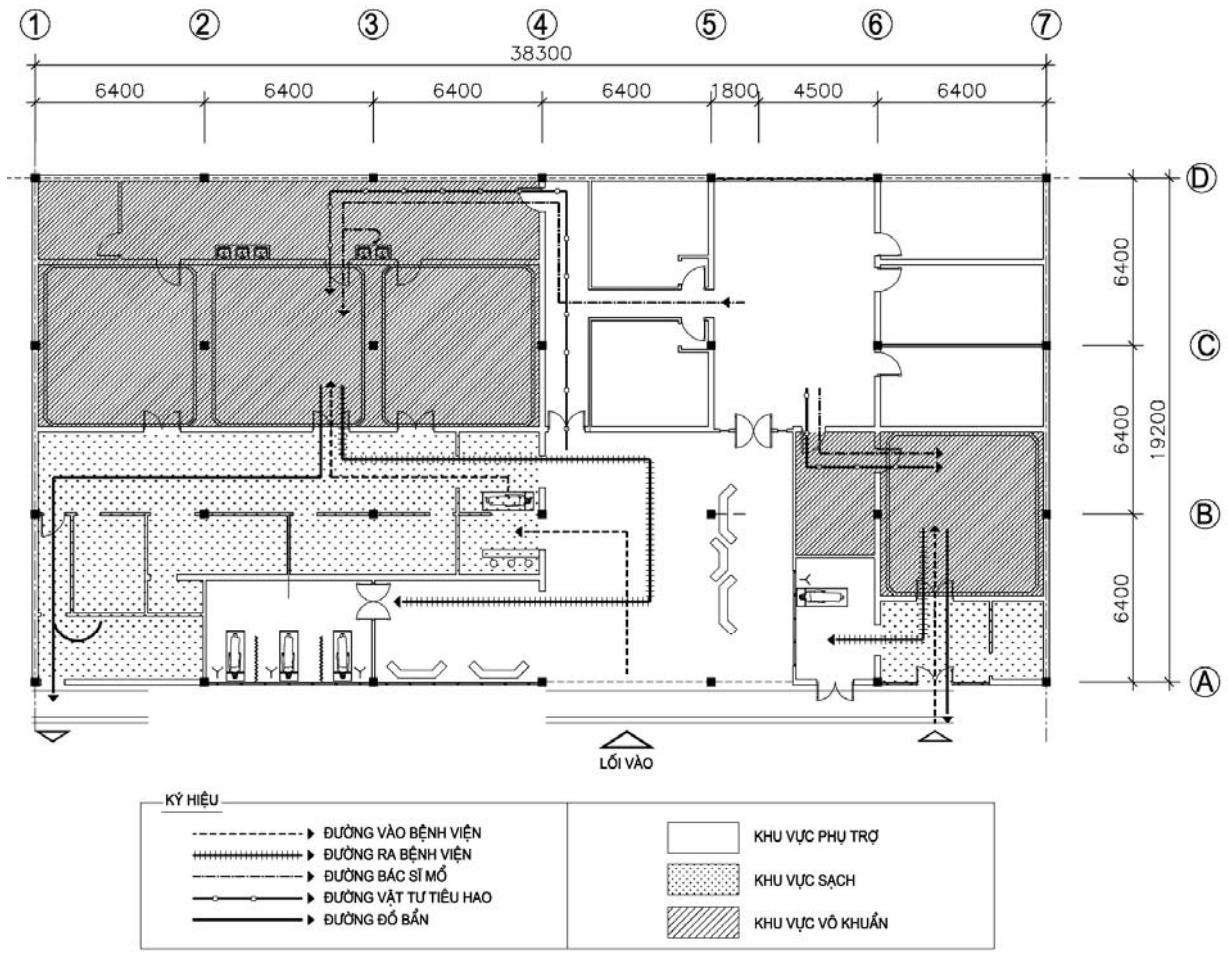


**Hình H5. Quy mô1 (bệnh viện đa khoa 250 đến 350 giường)**

## MẶT BẰNG

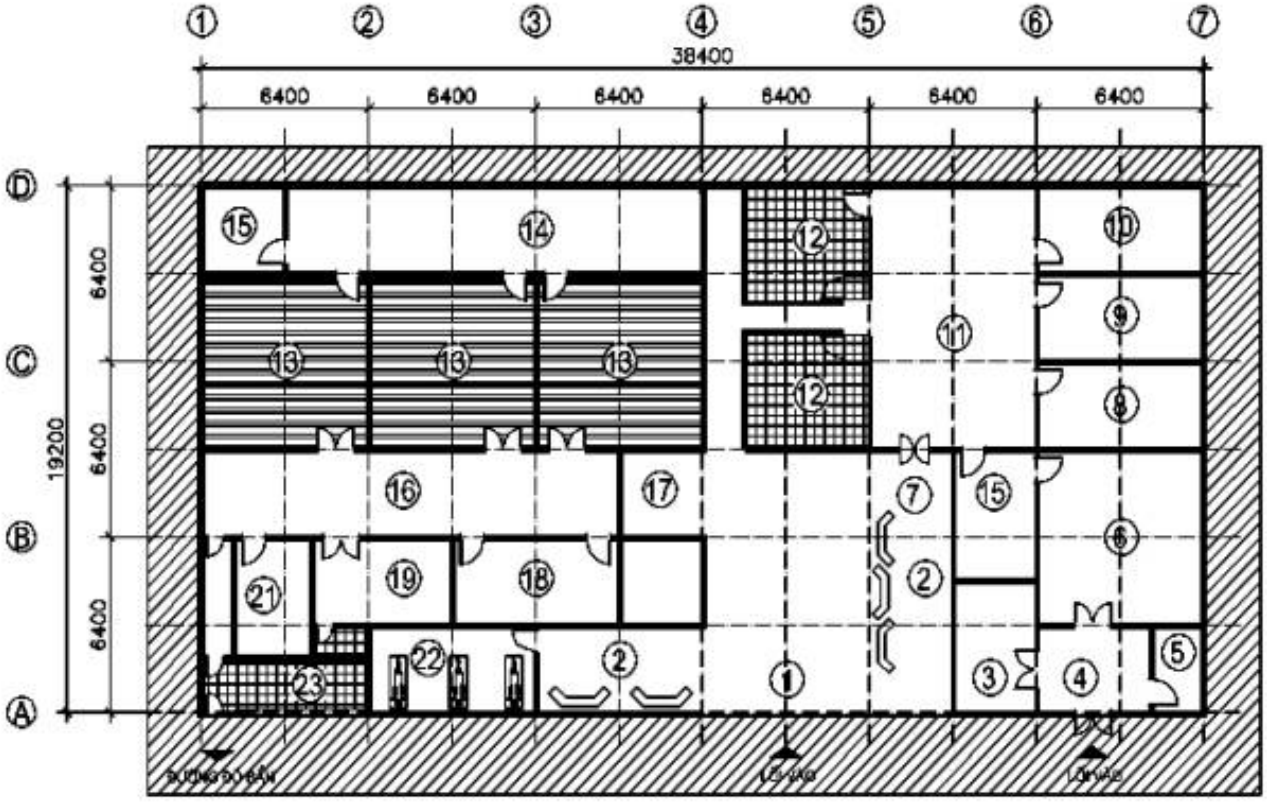


**Hình H6. Quy mô1 (bệnh viện đa khoa 250 đến 350 giường)**

## DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ

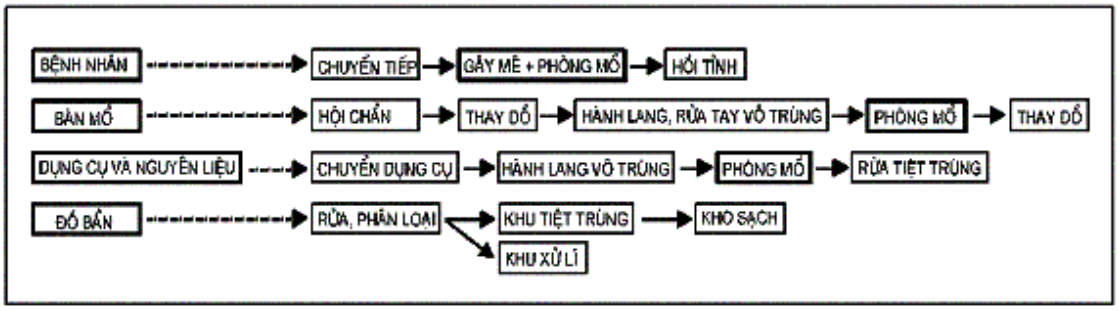


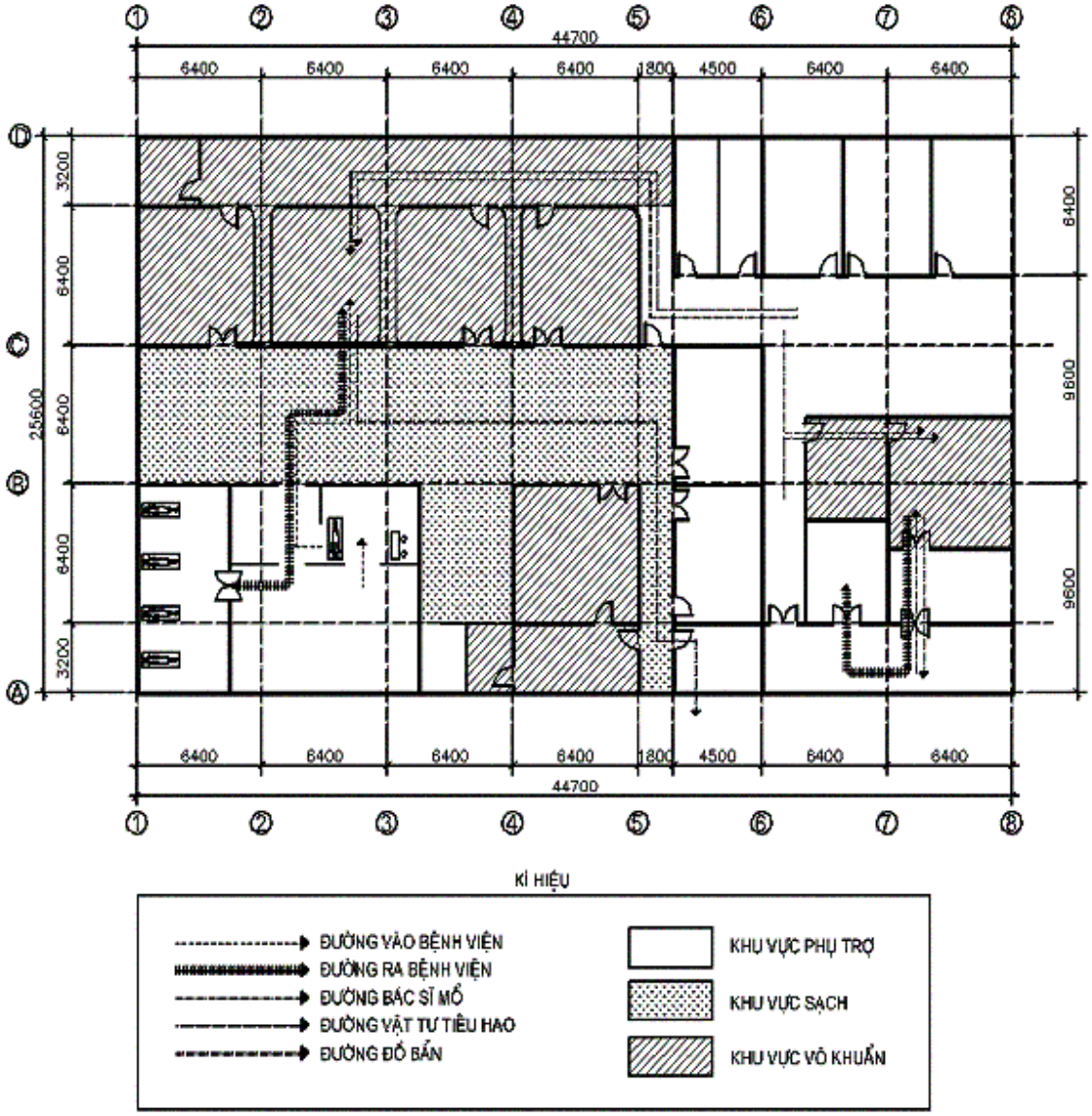


## SƠ ĐỒ HOẠT ĐỘNG

**Hình H7. Quy mô2 (bệnh viện đa khoa 400 đến 500 giường)**

## MẶT BẰNG

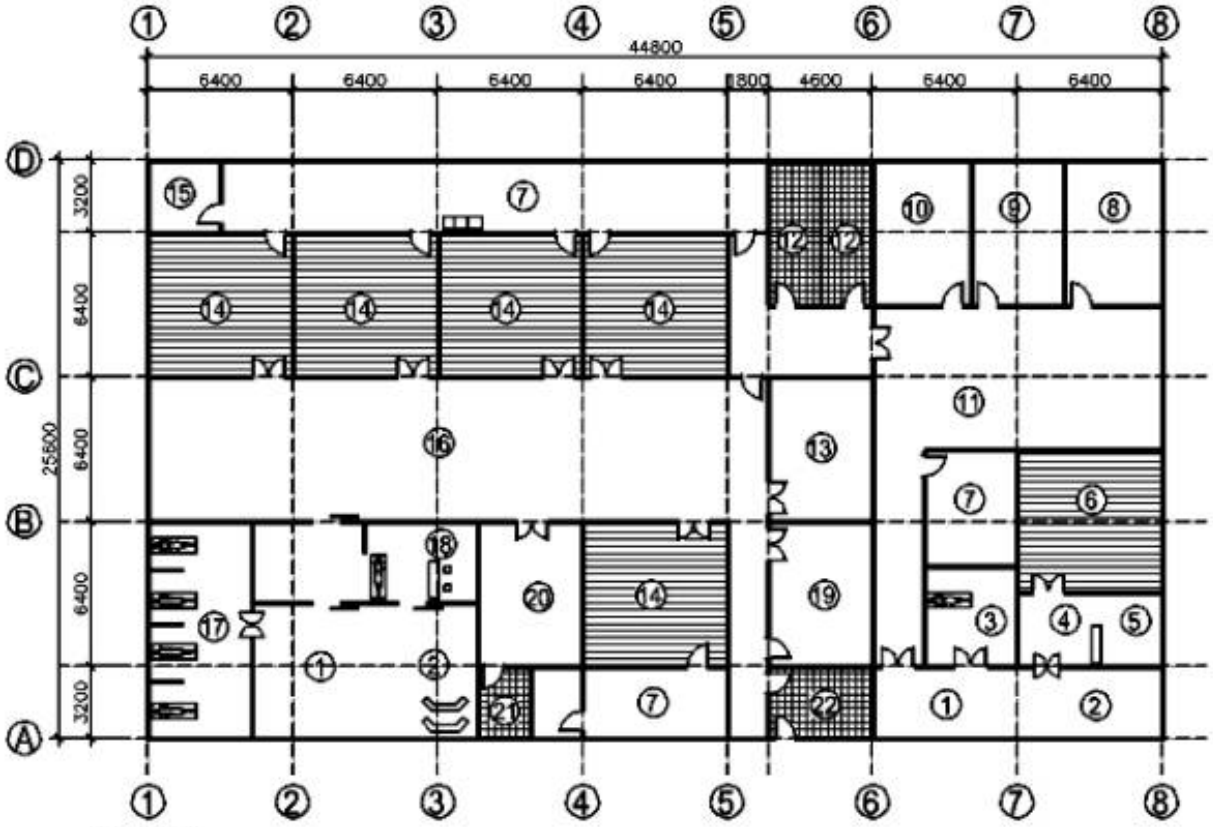


**Hình H8. Quy mô2 (bệnh viện đa khoa 400 đến 500 giường)**

# PHỤ LỤC K

## Các hình vẽ minh hoạ cho khoa chẩn đoán hình ảnh

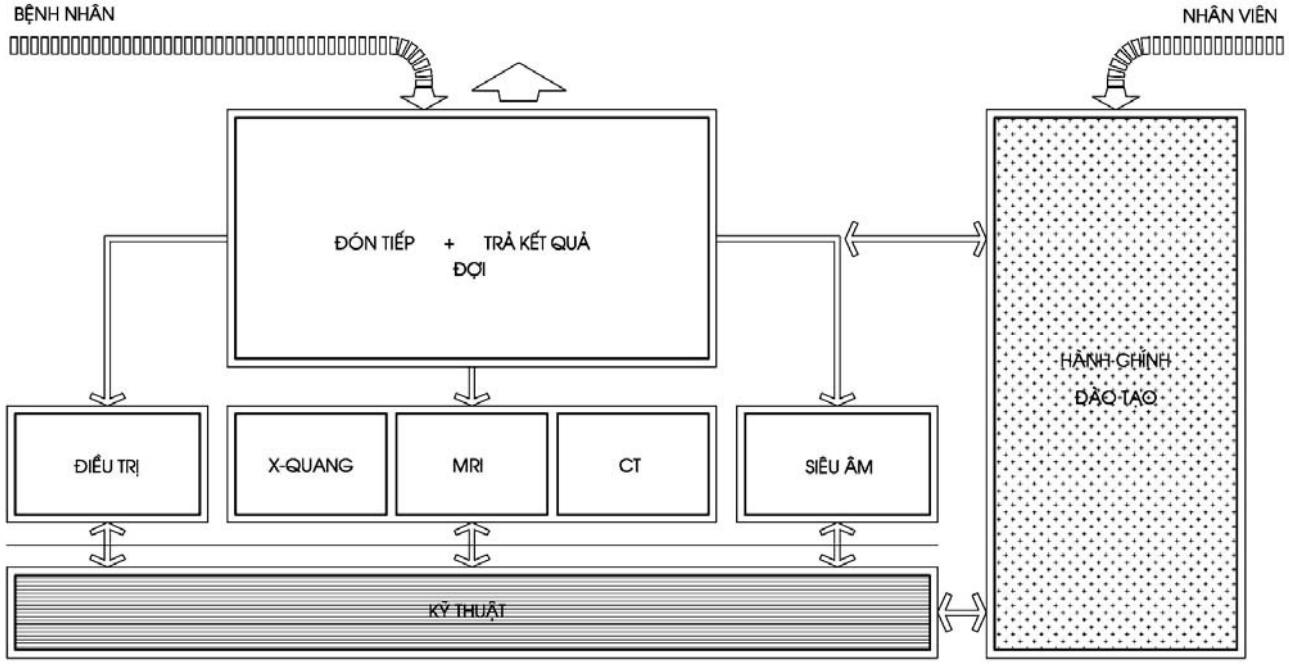


**Hình K1. Sơ đồ dây chuyền khoa chẩn đoán hình ảnh**

**Hình K2**

PHÒNG X-QUANG TỔNG HỢP

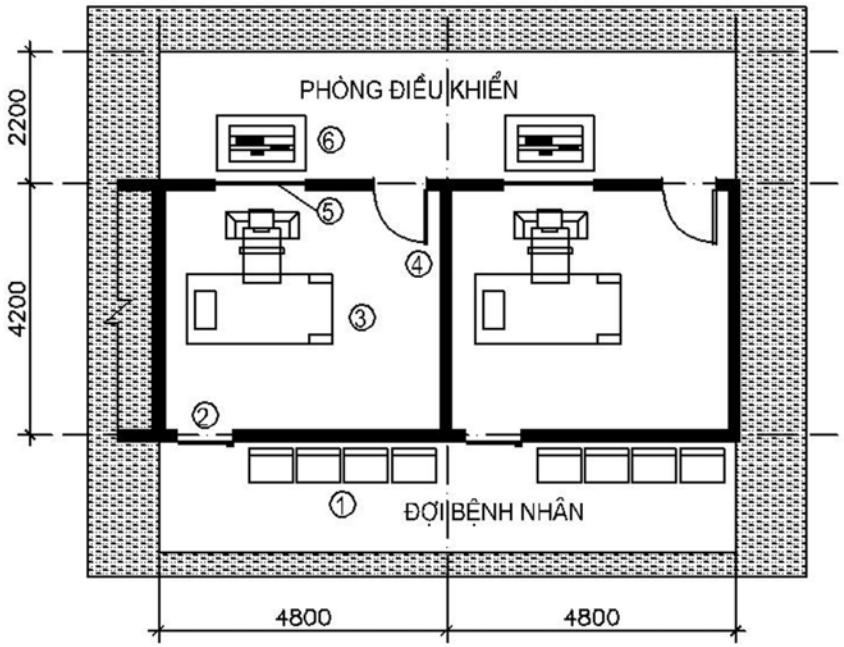


**Hình K3**

PHÒNG X-QUANG CAN THIỆP

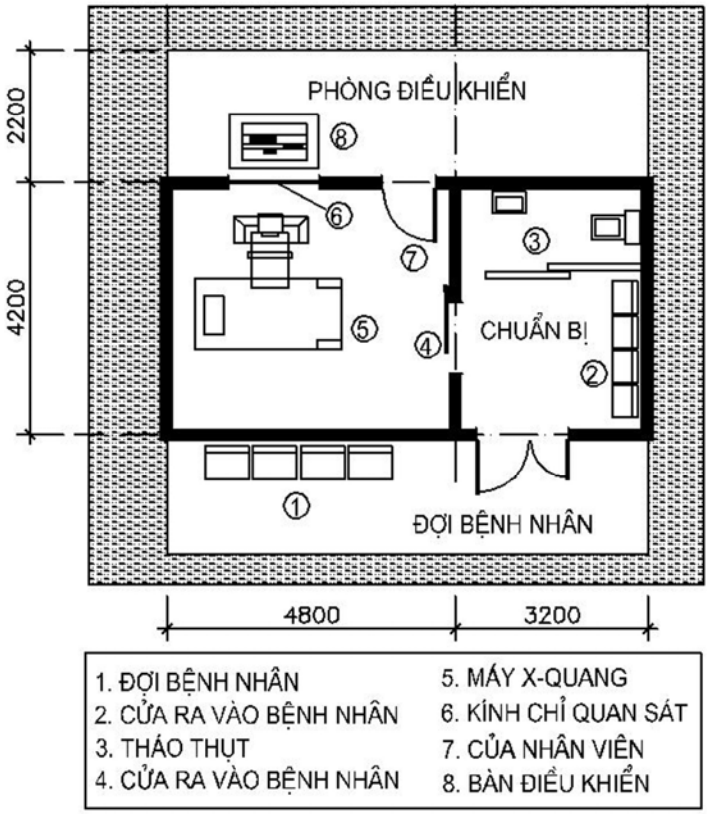

## MẶT BẰNG

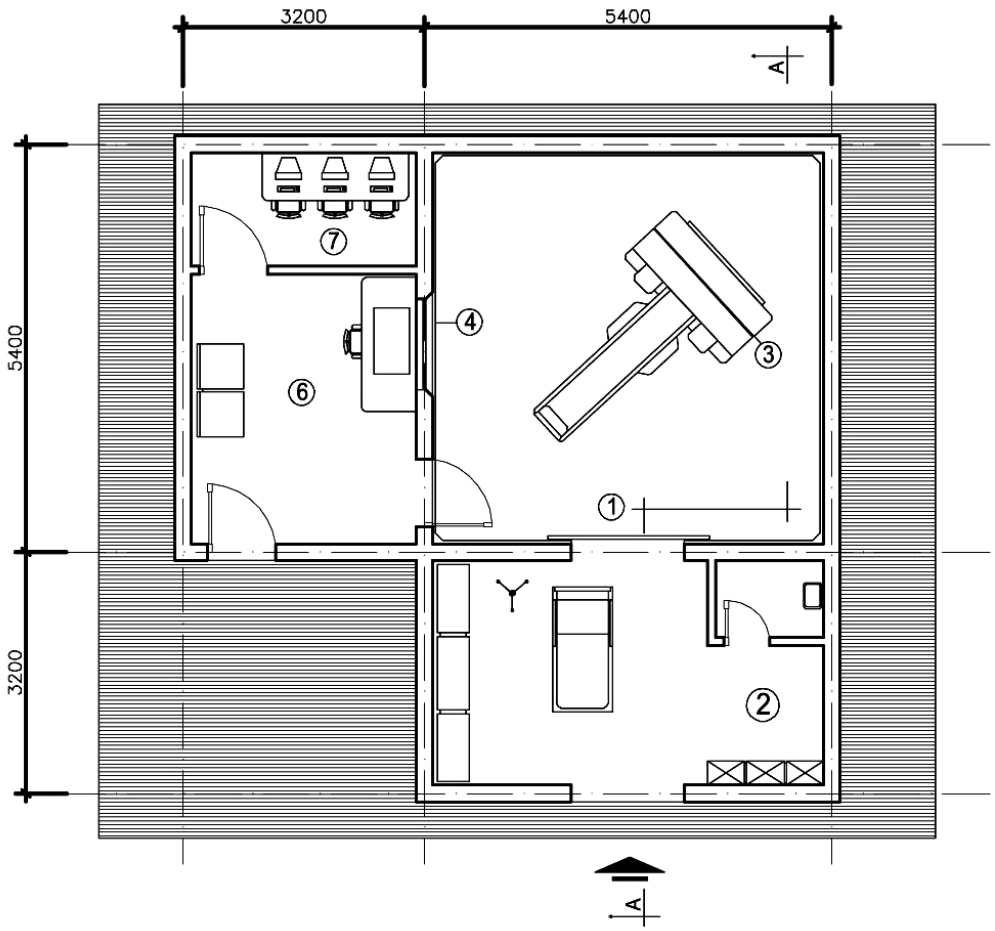


## MẶT CẮT A –A

**Hình K4. Phòng CT-SCANNER**

## MẶT BẰNG

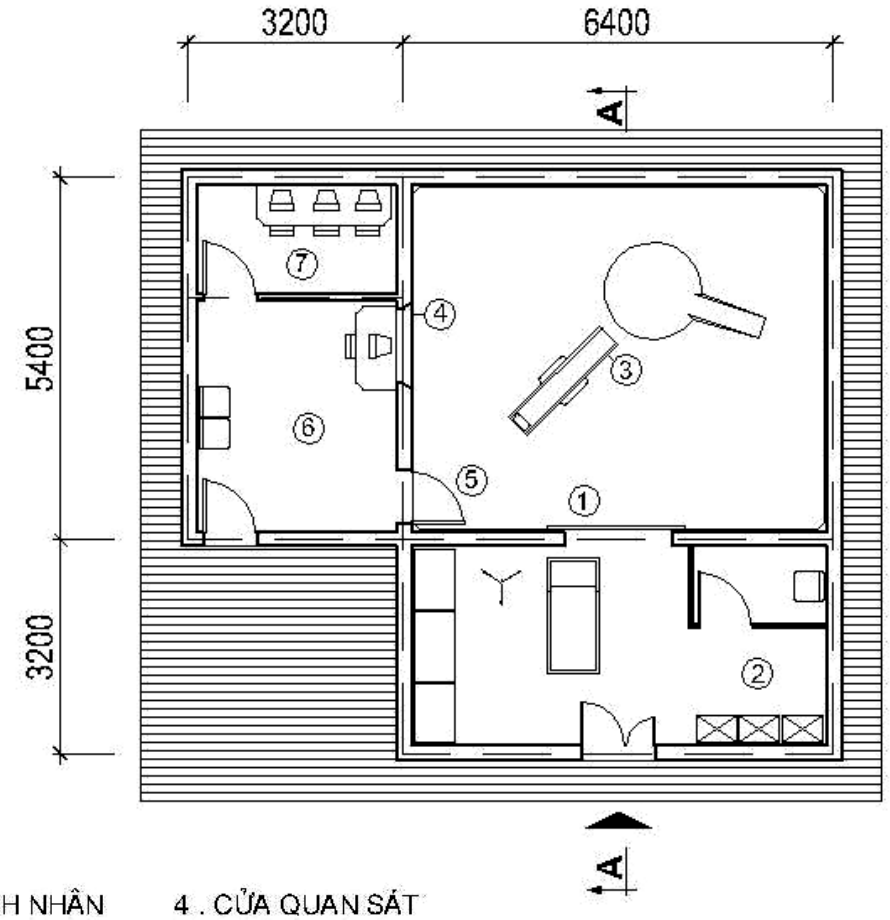


1 . CỬA VÀO BỆNH NHÂN
2 . CHUẨN BỊ BỆNH NHÂN
3 . MÁY MRI
4 . CỬA QUAN SÁT
5 . CỬA NHÂN VIÊN
6 . PHÒNG ĐIỀU KHIỂN
7 . PHÒNG MÁY

## MẶT CẮT A-A

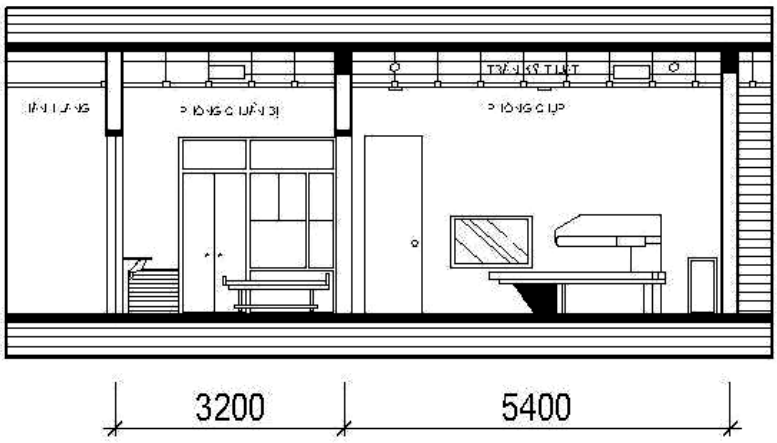


**Hình K5. Phòng MRI**

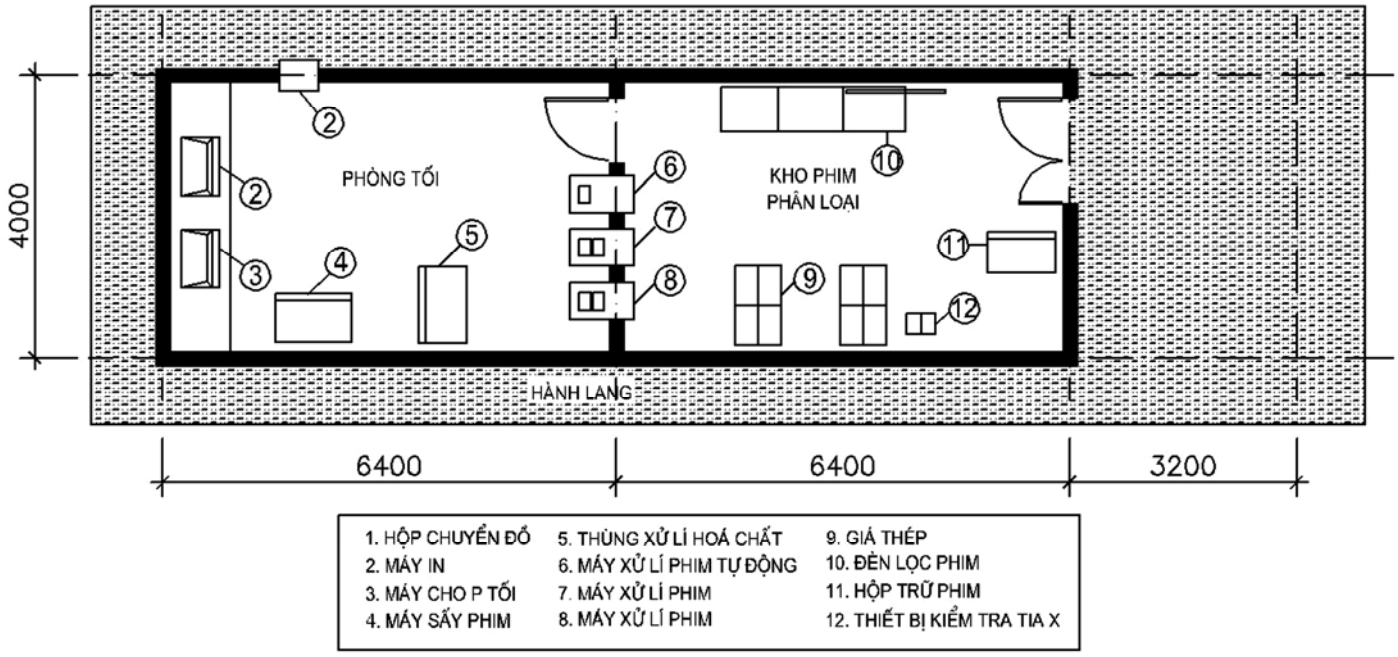


**Hình K6. Phòng tối, phòng phân loại**

# MẶT BẰNG

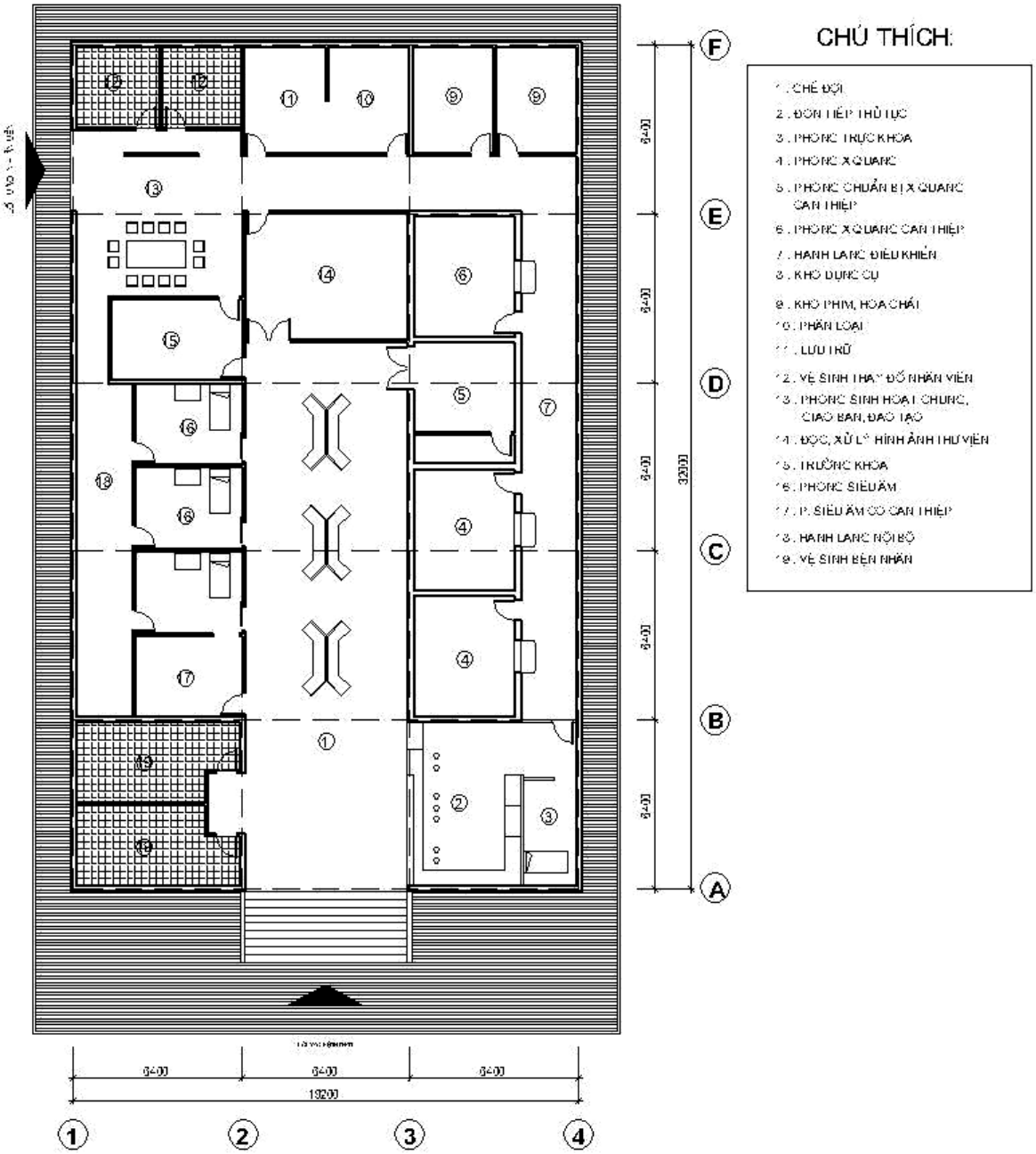


**Hình K7. Quy mô1 (bệnh viện đa khoa 250 đến 350 giường)**

## MẶT BẰNG

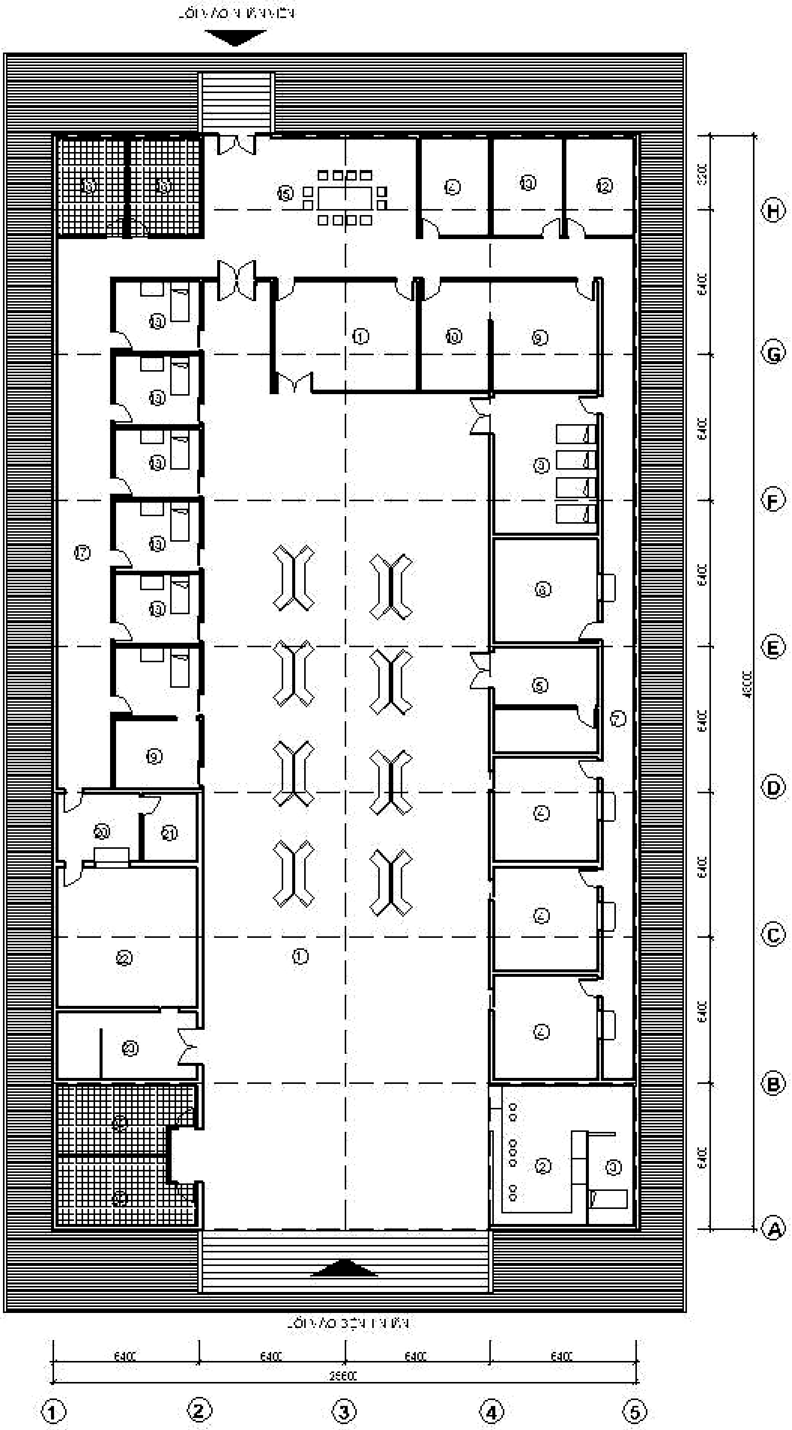


CHÚ THÍCH:

1. CHỜ ĐỢI
2. ĐÓN TIẾP THỦ TỤC
3. PHÒNG TRỰC KHOA
4. PHÒNG X QUANG
5. PHÒNG CHUẨN BỊ X QUANG CAN THIỆP
6. PHÒNG X QUANG CAN THIỆP
7. HÀNH LANG ĐIỀU KHIỂN
8. PHÒNG NGHỈ BỆNH NHÂN
9. PHÂN LOẠI
10. LƯU TRỮ PHIM
11. ĐỌC, XỬ LÝ HÌNH ẢNH THƯ VIỆN
12. KHO PHIM, HÓA CHẤT
13. KHO DỤNG CỤ
14. TRƯỞNG KHOA
15. PHÒNG SINH HOẠT CHUNG, GIAO BAN, ĐÀO TẠO
16. VỆ SINH THAY ĐỒ NHÂN VIÊN
17. HÀNH LANG NỘI BỘ
18. PHÒNG SIÊU ÂM
19. P. SIÊU ÂM CÓ CAN THIỆP
20. PHÒNG ĐIỀU KHIỂN CT
21. PHÒNG MÁY TÍNH
22. PHÒNG CT
23. PHÒNG CHUẨN BỊ CT
24. VỆ SINH BỆNH NHÂN

**Hình K8. Quy mô 2 (bệnh viện đa khoa 400 đến 500 giường)**

## MẶT BẰNG

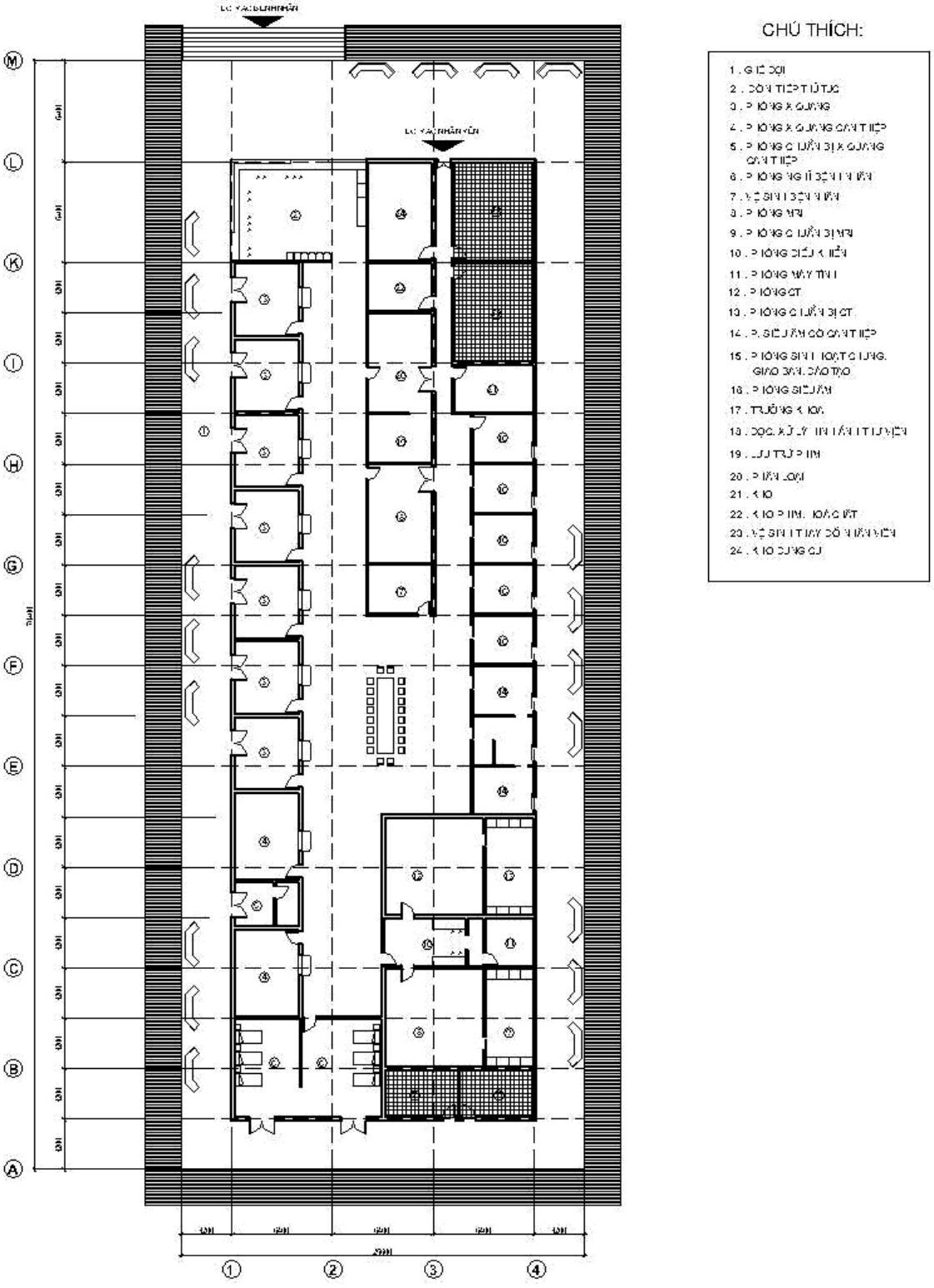


**Hình K9. Quy mô 3 (bệnh viện đa khoa trên 550 giường)**

# PHỤ LỤC L

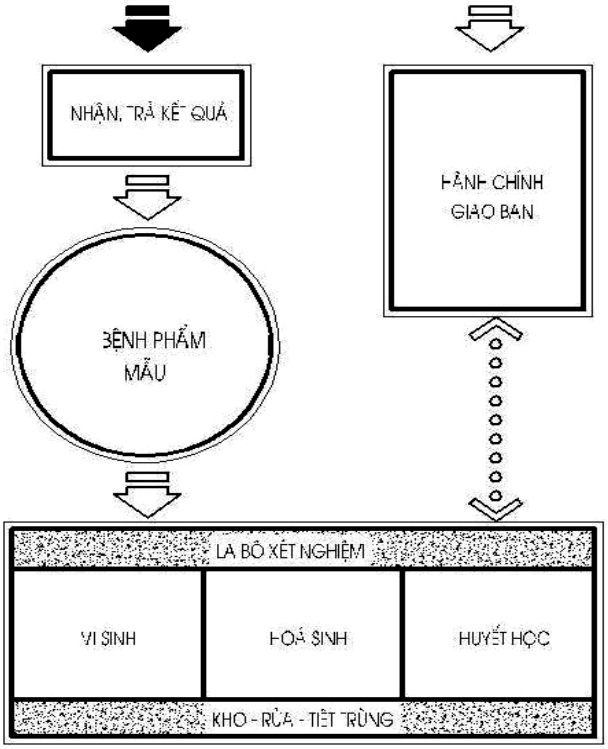


**Hình L1. Sơ đồ dây chuyền công năng khoa xét nghiệm**

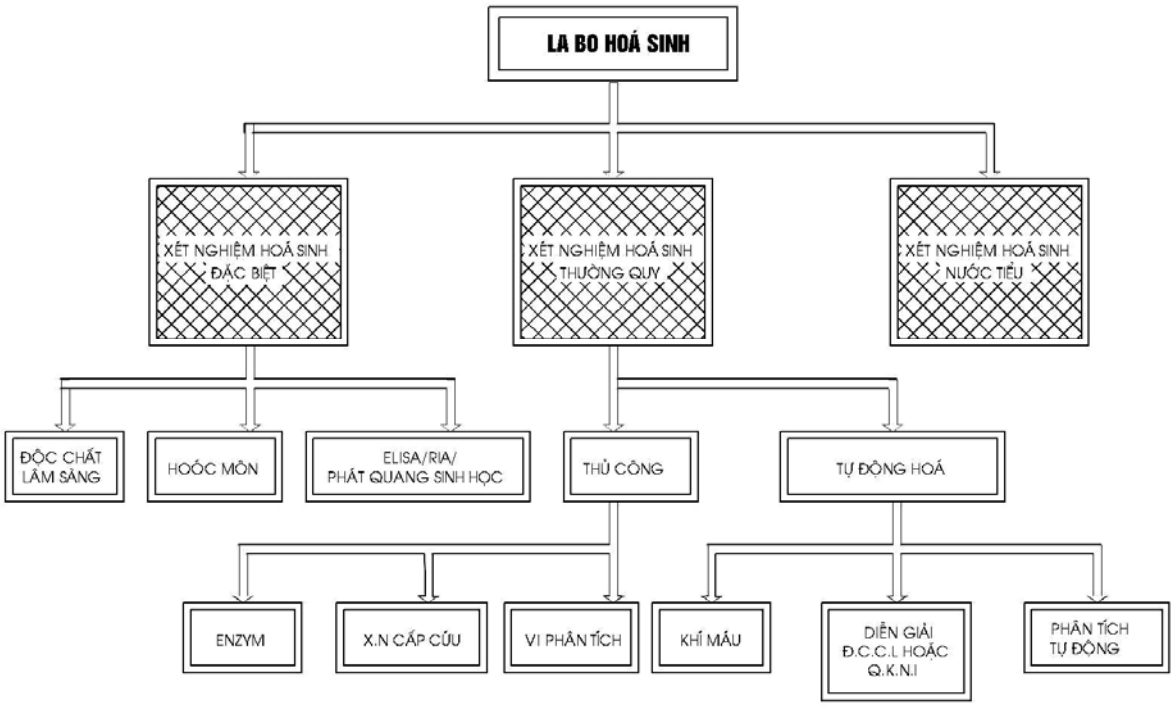


**Hình L2. Sơ đồ dây chuyền khoa hoá sinh**

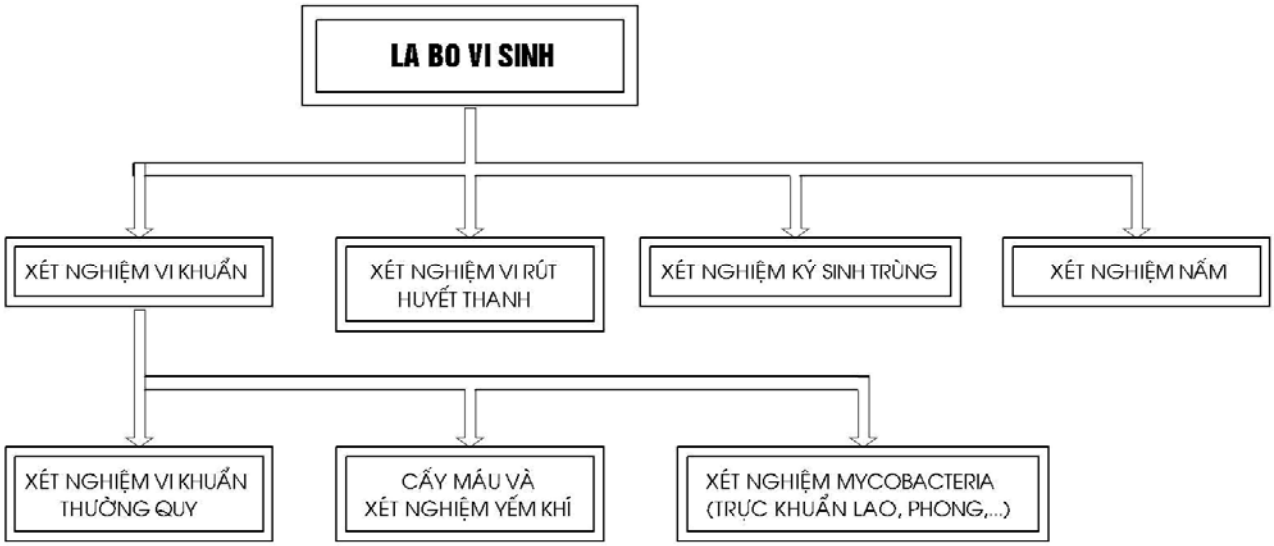


**Hình L3. Sơ đồ dây chuyền khoa vi sinh**

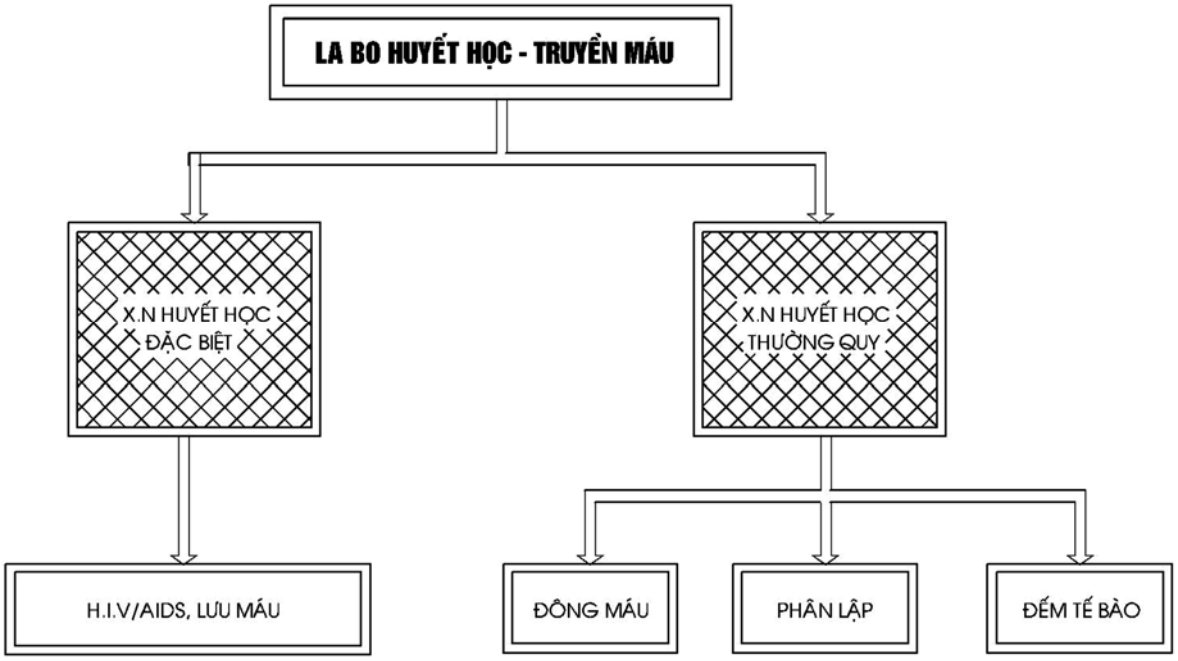


**Hình L4. Sơ đồ dây chuyền khoa huyết học truyền máu**

## MẶT BẰNG

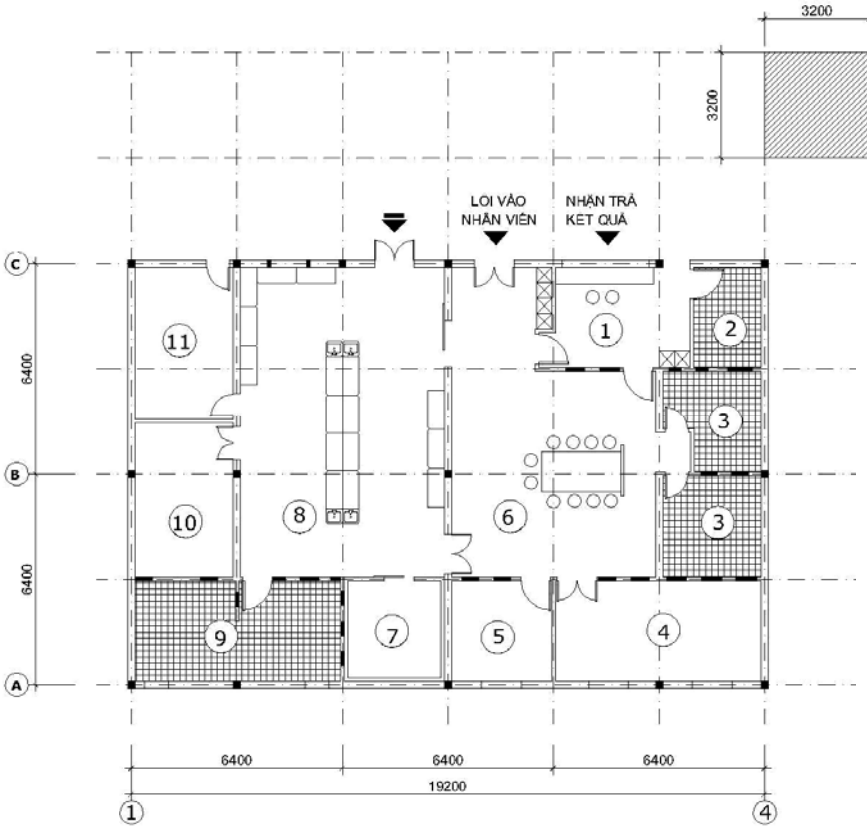


| Ký hiệu | Tên Phòng |
|---|---|
| 1 | Trực+nhận/trả kết quả |
| 2 | Phòng lấy mẫu |
| 3 | Vệ sinh, thay đồ nhân viên |
| 4 | Phòng nhân viên |
| 5 | Phòng trưởng khoa |
| 6 | Hành chính+ Giao ban, đào tạo |
| 7 | Phòng sạch |
| 8 | Labo vi sinh |
| 9 | Rửa,tiệt trùng |
| 10 | Chuẩn bị môi trường |
| 11 | Kho |

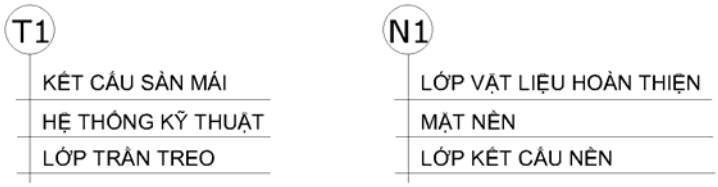


## MẶT CẮT

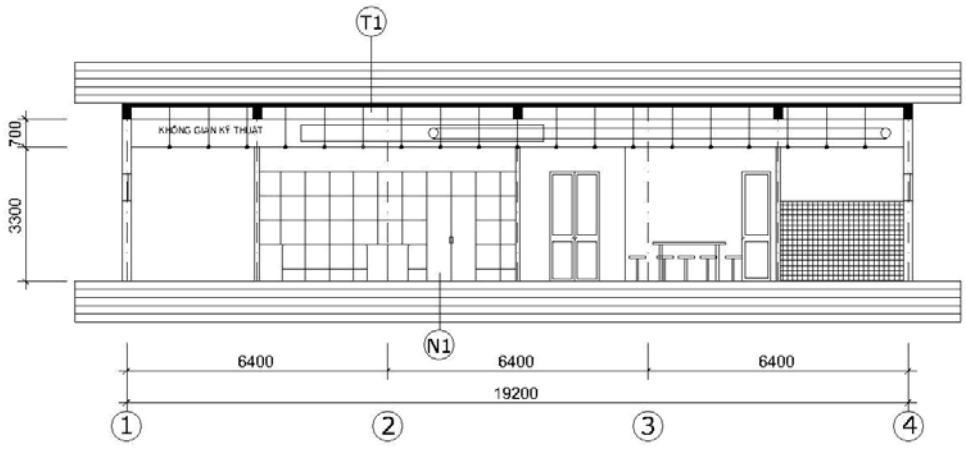


**Hình L5. Khoa vi sinh**
**Bệnh viện đa khoa từ 400- 500 giường**

## MẶT BẰNG

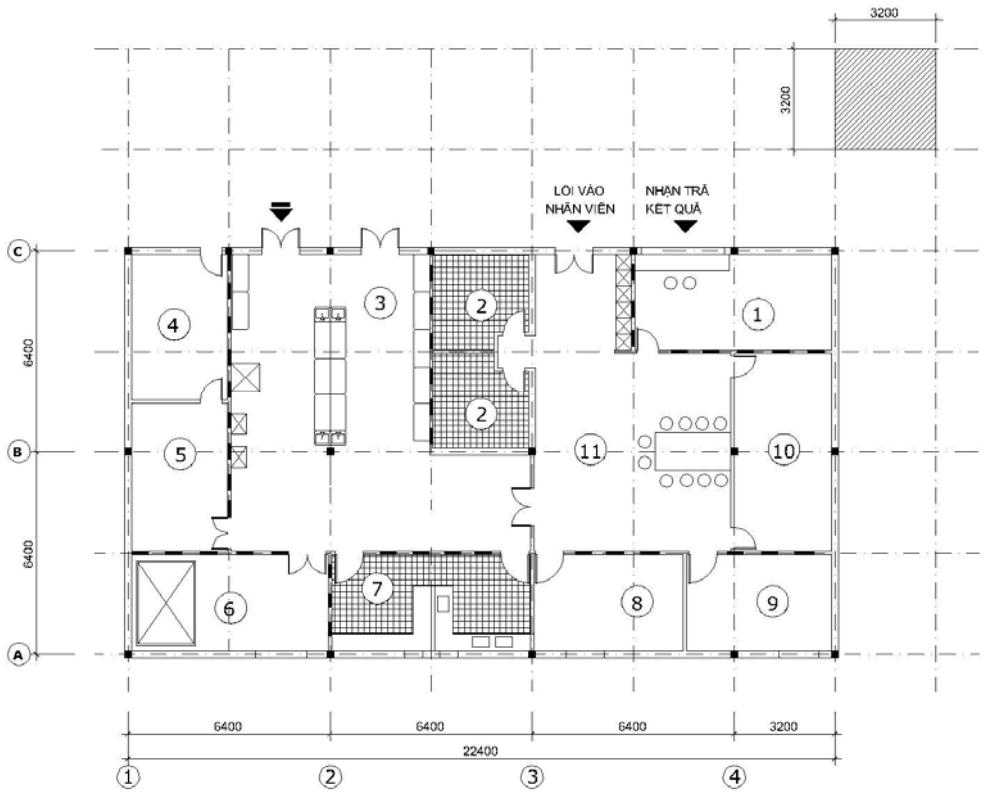


| Ký hiệu | Tên Phòng |
|---|---|
| 1 | Trực+nhận/trả kết quả |
| 2 | Vệ sinh thay đồ nhân viên |
| 3 | Labo hoá sinh |
| 4 | Kho |
| 5 | Chuẩn bị pha hoá chất |
| | |

| Ký hiệu | Tên Phòng |
|---|---|
| 6 | Phòng máy |
| 7 | Rửa, tiệt trùng |
| 8 | Kho chung |
| 9 | Phòng trưởng khoa |
| 10 | Phòng nhân viên |
| 11 | Hành chính+ Giao ban, đào tạo |

T1
- KẾT CẤU SÀN MÁI
- HỆ THỐNG KỸ THUẬT
- LỚP TRẦN TREO

N1
- LỚP VẬT LIỆU HOÀN THIỆN
- MẶT NỀN
- LỚP KẾT CẤU NỀN

## MẶT CẮT

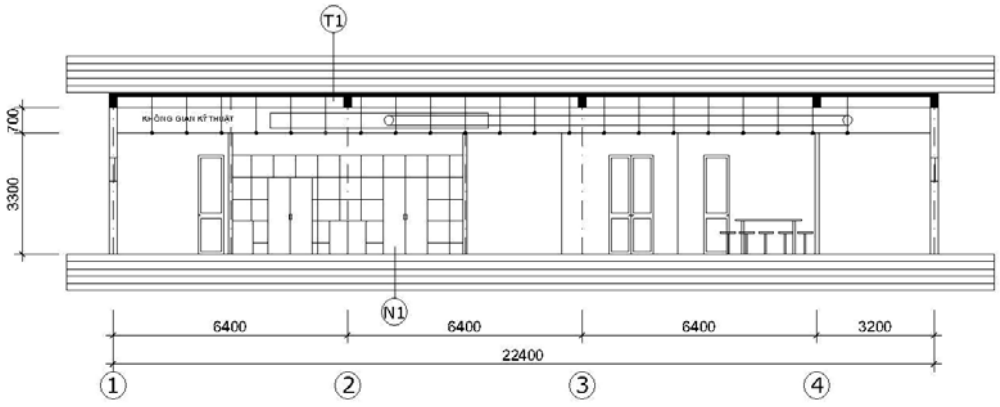


**Hình L6. Khoa hoá sinh**
**Bệnh viện đa khoa từ 400- 500 giường**

**MẶT BẰNG**

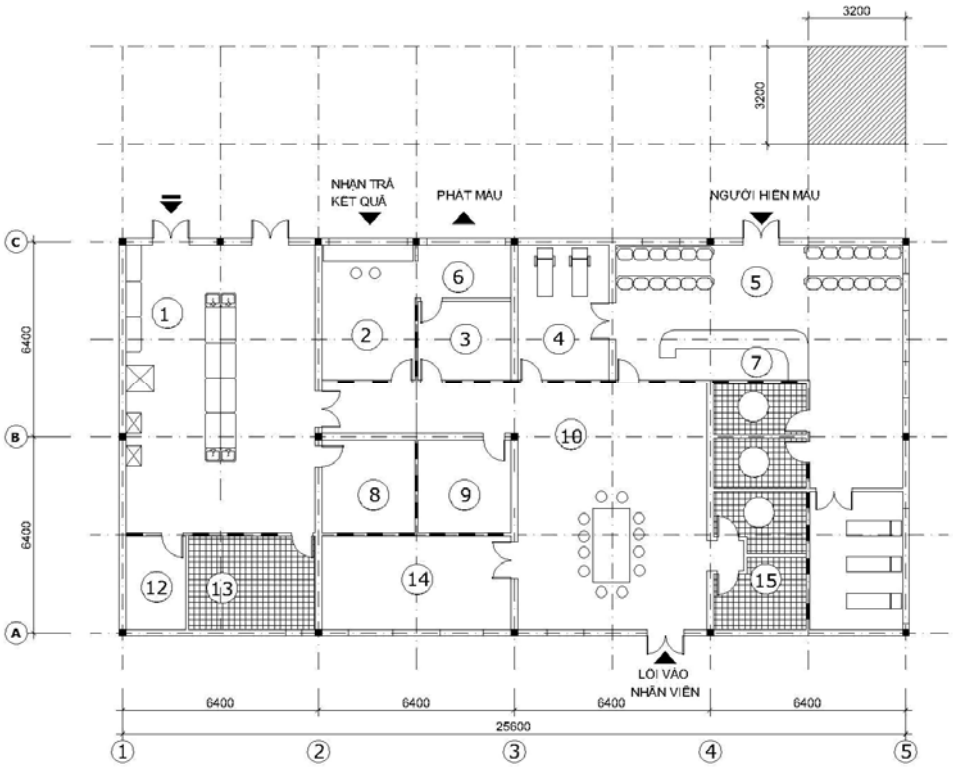


| Ký hiệu | Tên Phòng |
|---|---|
| 1 | Labo XN |
| 2 | Trực + Nhận, trả kết quả |
| 3 | Kiểm tra + Lưu trữ máu |
| 4 | Phòng lấy máu |
| 5 | Chờ, chuẩn bị người hiến máu |
| | |

| Ký hiệu | Tên Phòng |
|---|---|
| 6 | Phát máu |
| 7 | Thủ tục H/C lấy máu |
| 8 | Kho lưu mẫu máu |
| 9 | Phòng trưởng khoa |
| 10 | Hành chính+ Giao ban, đào tạo |
| | |

| Ký hiệu | Tên Phòng |
|---|---|
| 11 | Vệ sinh bệnh nhân |
| 12 | Kho |
| 13 | Rửa, tiệt trùng |
| 14 | Phòng nhân viên |
| 15 | Vệ sinh thay đồ nhân viên |
| 16 | Phòng nghỉ người hiến máu |

T1
- KẾT CẤU SÀN MÁI
- HỆ THỐNG KỸ THUẬT
- LỚP TRẦN TREO

N1
- LỚP VẬT LIỆU HOÀN THIỆN
- MẶT NỀN
- LỚP KẾT CẤU NỀN

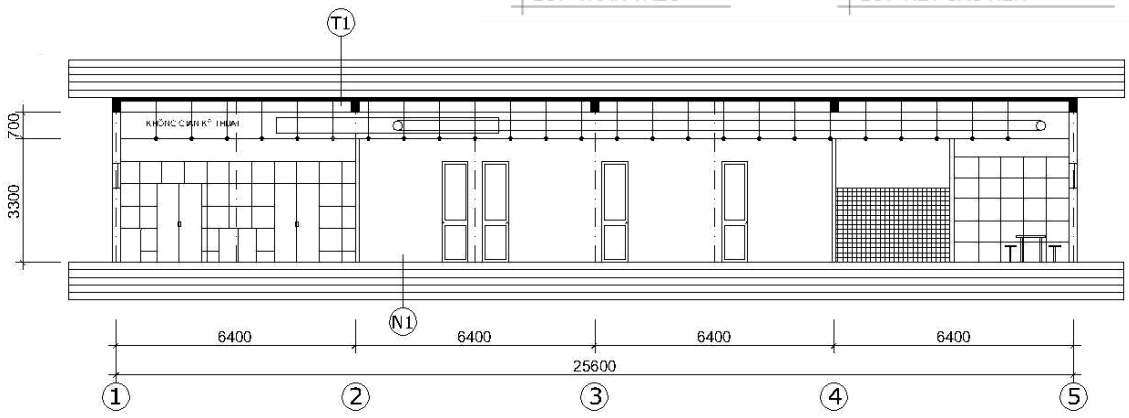


**Hình L7. Khoa huyết học và truyền máu**
**Bệnh viện đa khoa từ 400- 500 giường**

## MẶT BẰNG

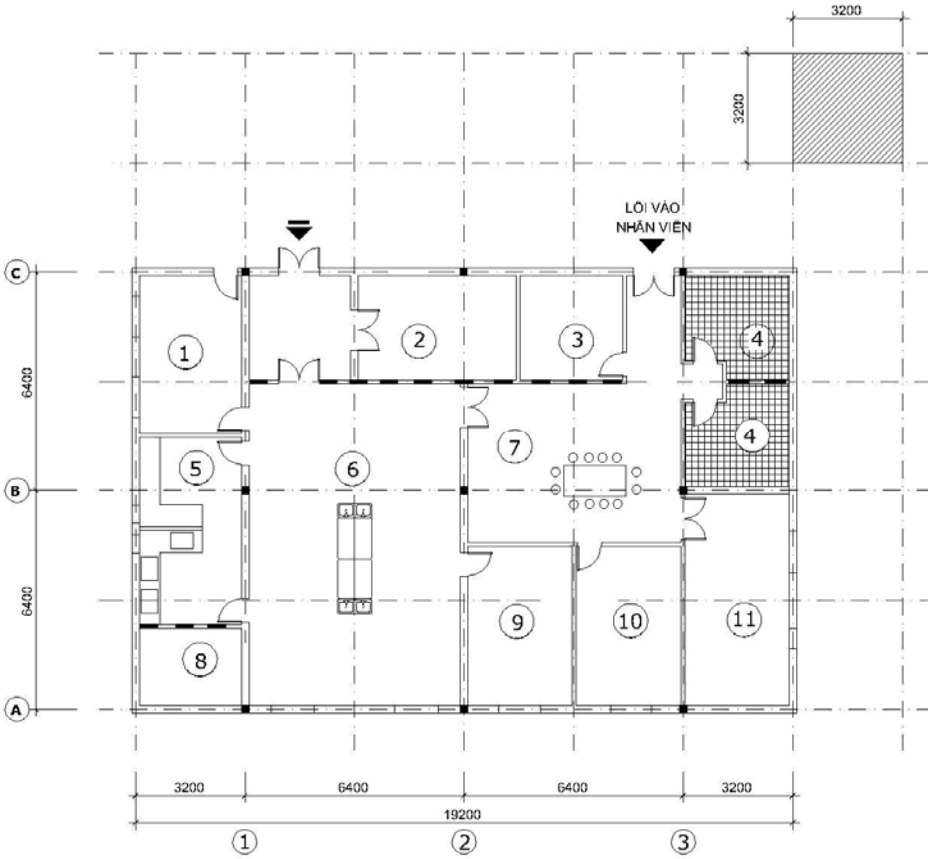


T1
- KẾT CẤU SÀN MÁI
- HỆ THỐNG KỸ THUẬT
- LỚP TRẦN TREO

N1
- LỚP VẬT LIỆU HOÀN THIỆN
- MẶT NỀN
- LỚP KẾT CẤU NỀN

| Ký hiệu | Tên Phòng |
|---|---|
| 1 | Phòng pha chế, chuẩn bị |
| 2 | P. Cắt nhuộm bệnh phẩm |
| 3 | Kho bẩn |
| 4 | Vệ sinh, thay đồ NV |
| 5 | Rửa + Tiệt trùng |
| 6 | Labo |

| Ký hiệu | Tên Phòng |
|---|---|
| 7 | Hành chính+ Giao ban, đào tạo |
| 8 | Phòng tối |
| 9 | Kho sạch |
| 10 | Phòng trưởng khoa |
| 11 | P. nhân viên |
| | |

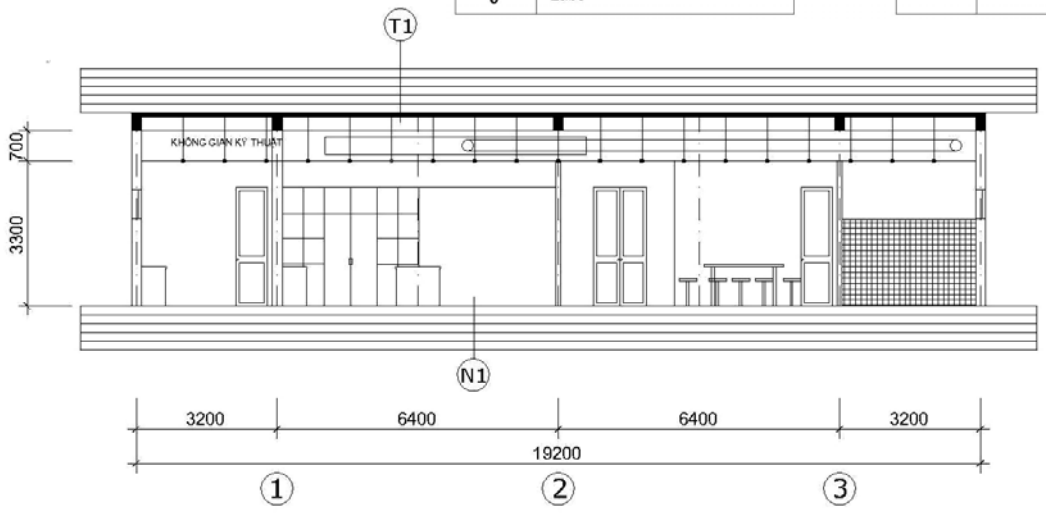


**Hình L8. Labo giải phẫu**
**Bệnh viện đa khoa từ 400- 500 giường**

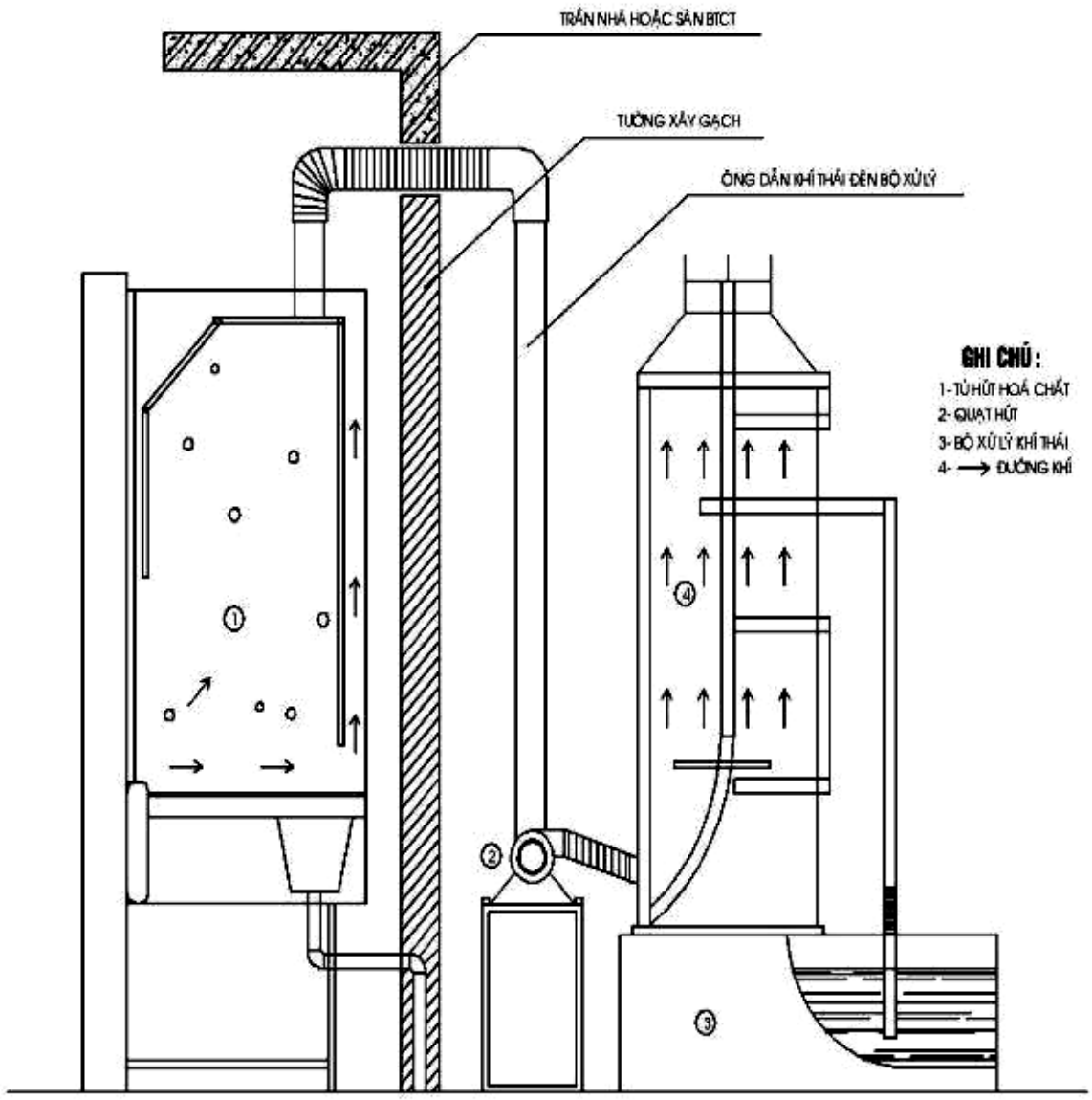


**Hình L9. Tủ HOT – bộ phận xử lý khí thải**

# PHỤ LỤC M

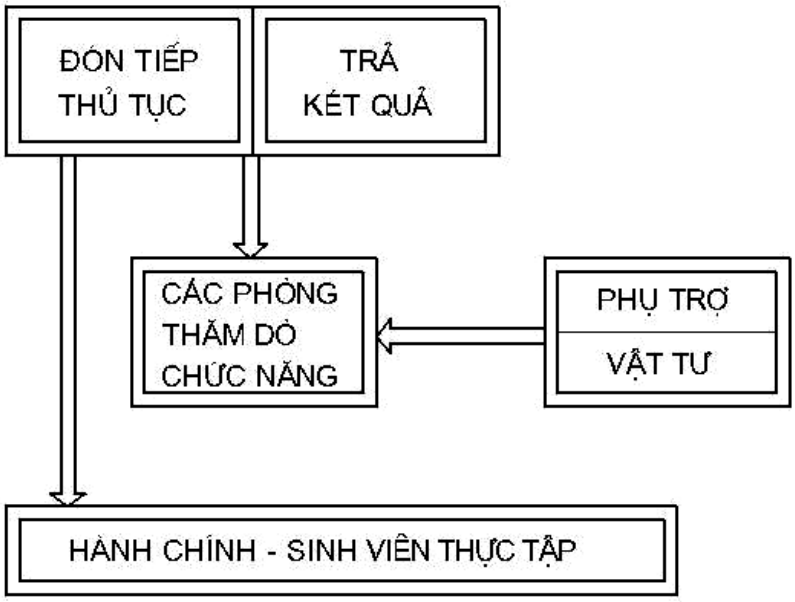


**Hình M1. Sơ đồ dây chuyền công năng khoa thăm dò chức năng**

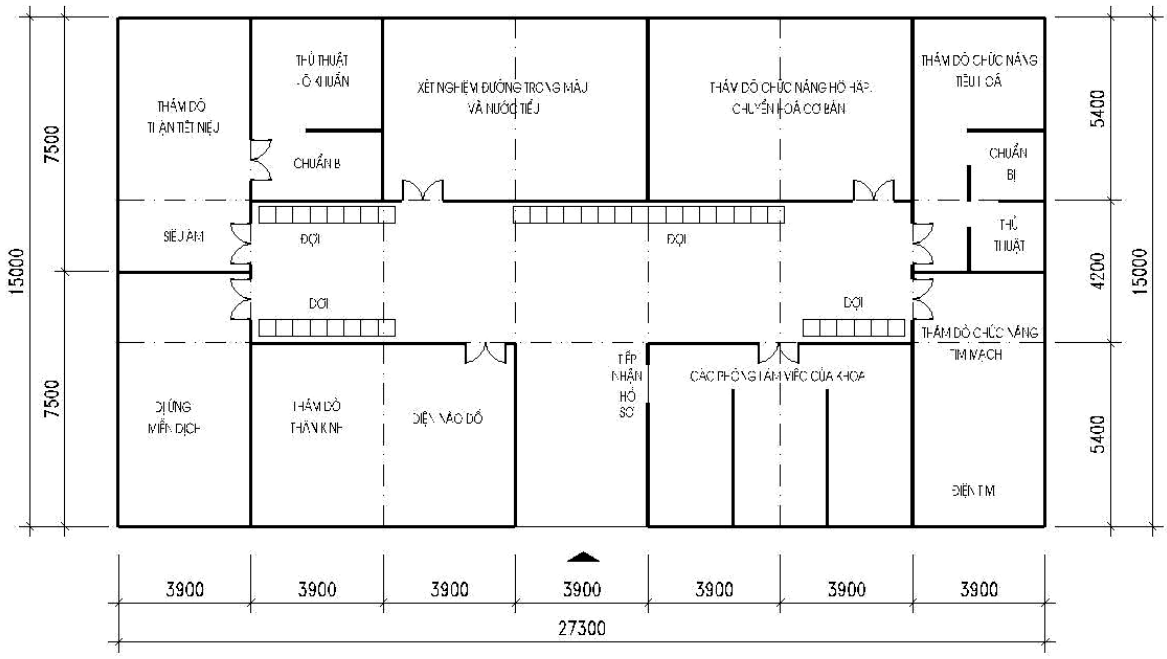


**Hình M2. Sơ đồ dây chuyền khoa khoa thăm dò chức năng**

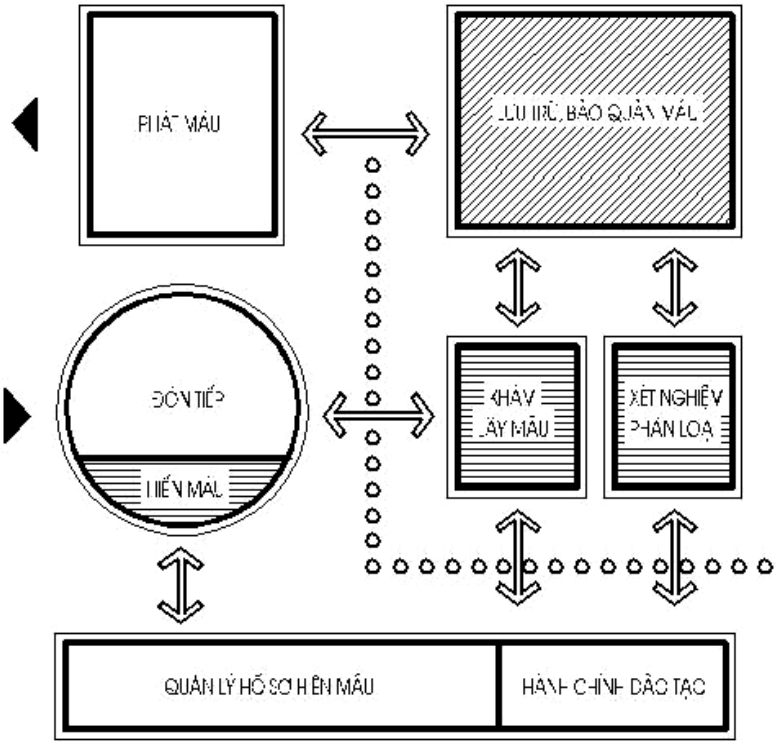


**Hình M3. Sơ đồ dây chuyền khoa truyền máu**

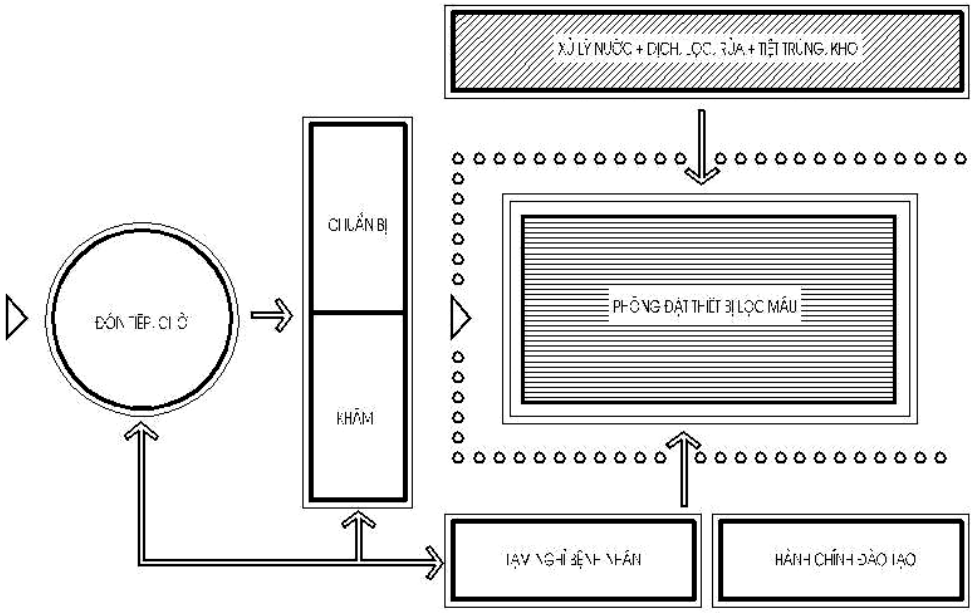


**Hình M4. Sơ đồ dây chuyền khoa lọc máu**

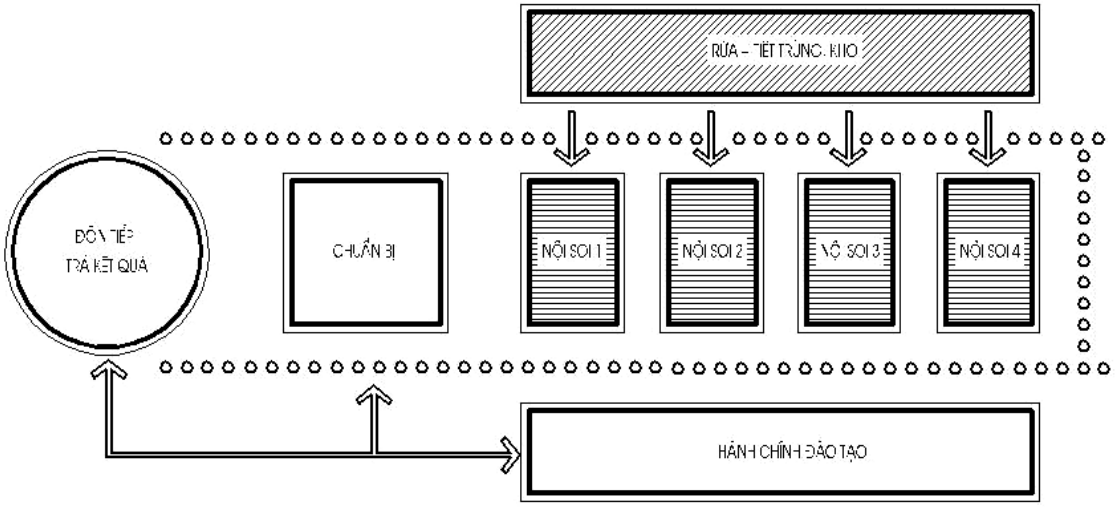


**Hình M5. Sơ đồ dây chuyền khoa nội soi**

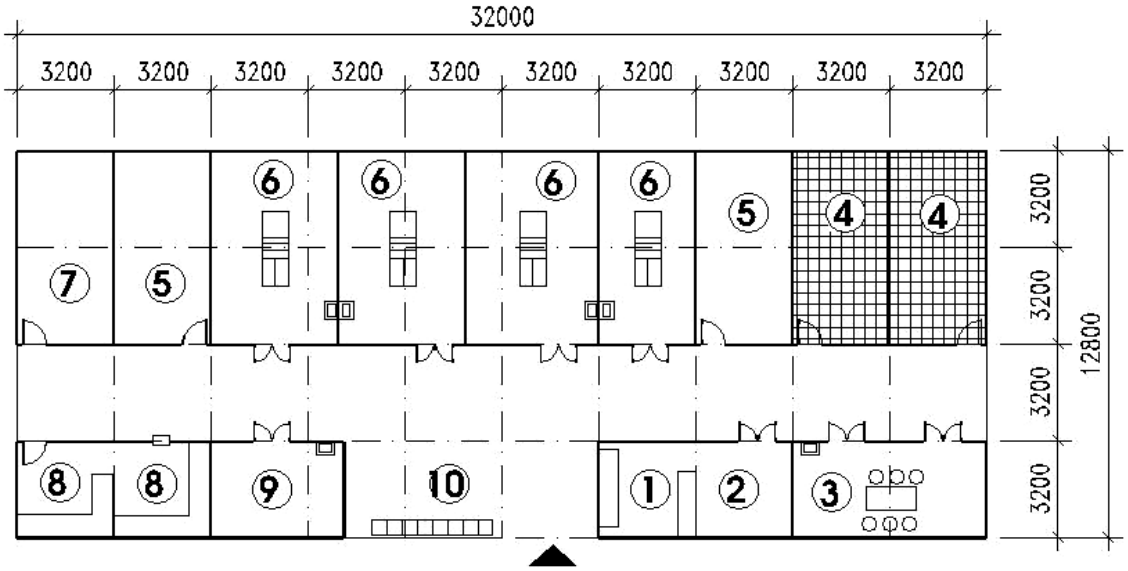


1. TIẾP ĐÓN
2. HÀNH CHÍNH
3. GIAO BAN, ĐÀO TẠO
4. TẮM, THAY ĐỒ
5. KHO THIẾT BỊ
6. PHÒNG NỘI SOI
7. KHO BẨN
8. RỬA + TT
9. CHUẨN BỊ

**Hình M6. Mặt bằng minh hoạ khoa nội soi**

# PHỤ LỤC N

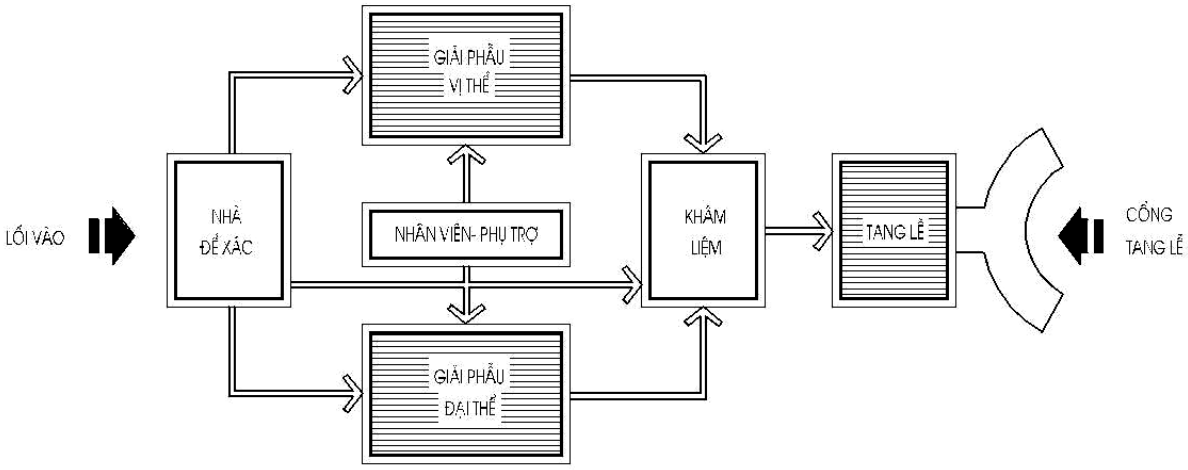


**Hình N1. Sơ đồ dây chuyền khoa giải phẫu bệnh lý**

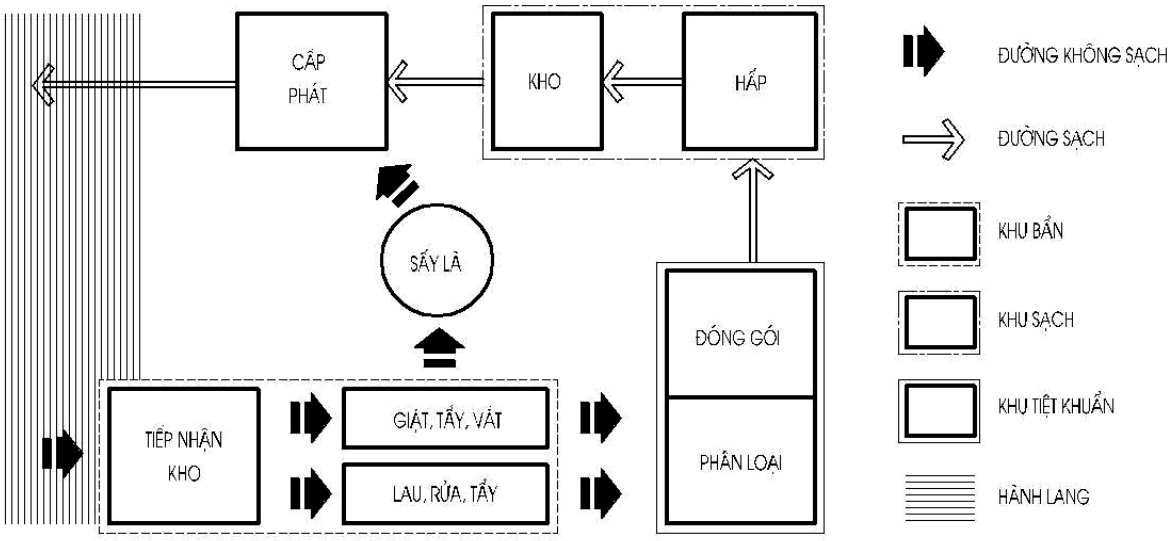


**Hình N2. Sơ đồ dây chuyền khoa chống nhiễm khuẩn**

# PHỤ LỤC P

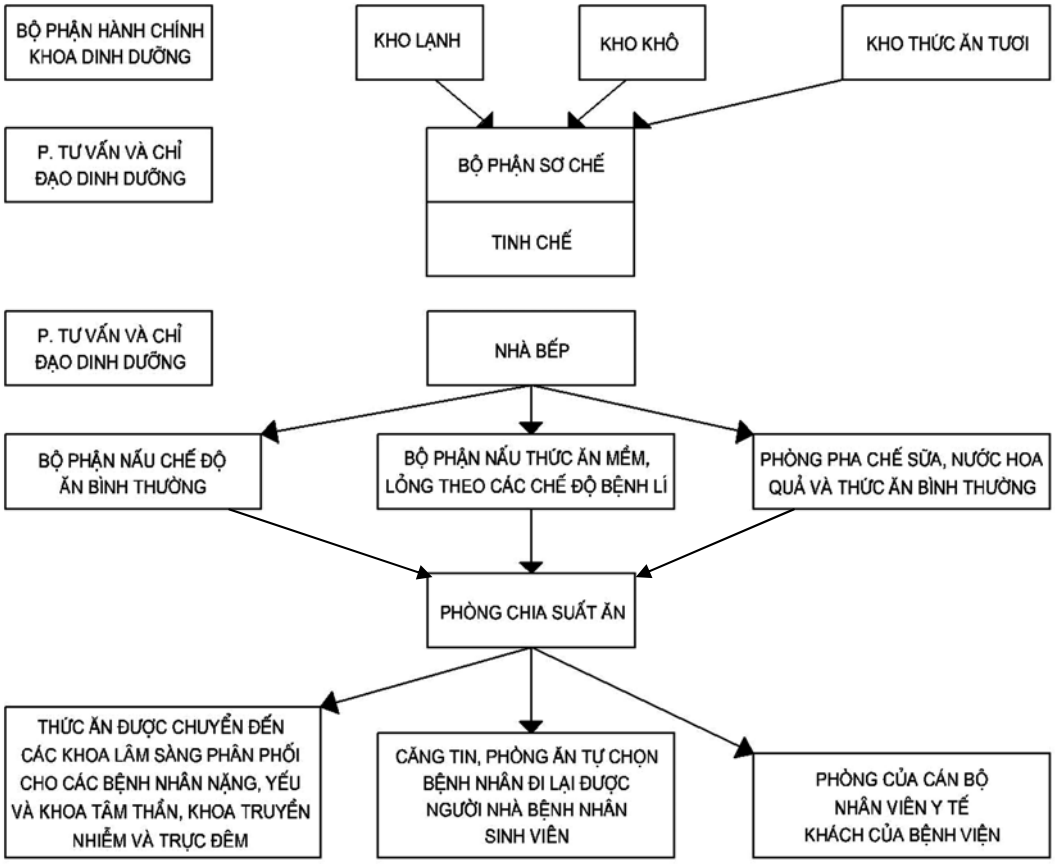


**Hình P1. Sơ đồ khoa dinh dưỡng**

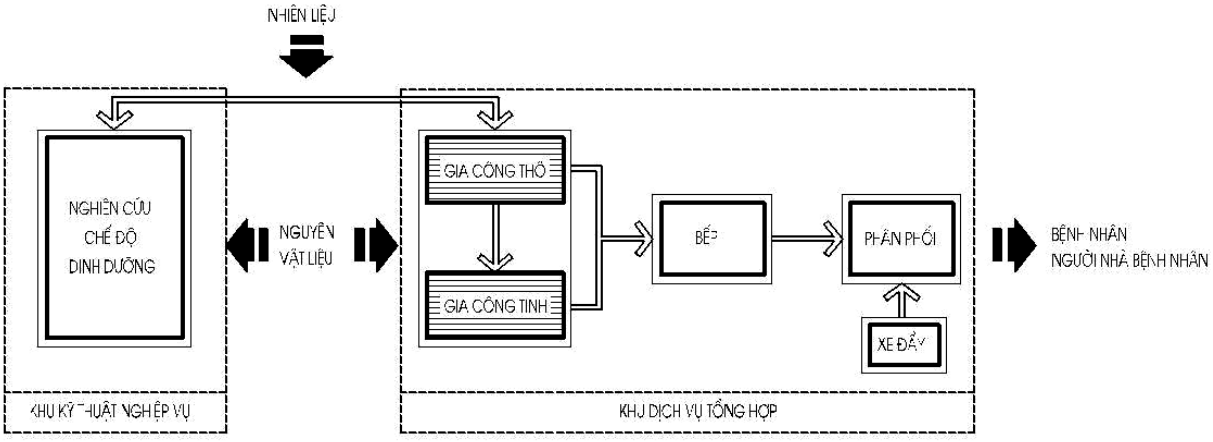


**Hình P2. Sơ đồ dây chuyền khoa dinh dưỡng**